



HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên) – MAI MỸ HẠNH (Chủ biên)
TRẦN THANH DŨ – NGUYỄN THANH HUÂN
LÂM THỊ KIM LIÊN – GIANG THIÊN VŨ

ĐẠO ĐỨC

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HUỖNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên) – MAI MỸ HẠNH (Chủ biên)
TRẦN THANH DƯ – NGUYỄN THANH HUẦN
LÂM THỊ KIM LIÊN – GIANG THIÊN VŨ

ĐẠO ĐỨC

Sách giáo viên



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VINH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – TRẦN THỊ MỸ TRIỀU

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ ĐIỀN AN

Trình bày bìa: NGỌC HÀ – THANH BÌNH

Sửa bản in: TRỌNG THANH – MỸ TRIỀU

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

ĐẠO ĐỨC 5 — SÁCH GIÁO VIÊN (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2HG5G001M24

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:..... địa chỉ

Cơ sở in:..... địa chỉ

ĐKXB: 06-2024/CXBIPH/48-2346/GD

Số QĐXB: .../QĐ- ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-40343-8

Lời nói đầu

Cuốn *Đạo đức 5 – Sách giáo viên* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) được biên soạn để hỗ trợ giáo viên và nhà quản lý giáo dục trong việc tổ chức hoạt động dạy học môn Đạo đức cho học sinh lớp 5, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục; đồng thời, giúp giáo viên và nhà quản lý giáo dục thực hiện tốt Chương trình môn Giáo dục công dân (2018). Cuốn sách gồm hai phần:

Phần một: Những vấn đề chung về dạy học môn Đạo đức lớp 5. Phần này giúp giáo viên, các nhà quản lý giáo dục hiểu rõ hơn về môn Đạo đức lớp 5 trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, con đường hình thành và phát triển năng lực của học sinh cũng như cách đánh giá kết quả hoạt động học tập của các em. Bên cạnh đó, phần này còn giới thiệu cấu trúc sách giáo khoa và cấu trúc từng bài dạy trong sách giáo khoa *Đạo đức 5 – bộ sách Chân trời sáng tạo*.

Phần hai: Hướng dẫn thực hiện các bài học trong sách giáo khoa Đạo đức 5. Sách giáo khoa *Đạo đức 5 – bộ sách Chân trời sáng tạo* gồm 8 chủ đề, được thiết kế thành 12 bài học. Phần này hướng dẫn việc thực hiện mục tiêu của từng bài học với các nhiệm vụ dành cho học sinh và cách tổ chức hoạt động dạy học mà giáo viên có thể thực hiện. Trong từng bài học, sách gợi ý giáo viên tạo cơ hội để học sinh được tăng cường trải nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tế. Qua đó, học sinh hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực cần thiết. Lưu ý, nội dung của Phần hai chỉ mang tính chất gợi ý, tham khảo; giáo viên có thể sáng tạo, tổ chức hoạt động dạy học theo cách riêng của mình, nhưng cần đảm bảo những mục tiêu của chương trình môn học.

Chúc quý thầy cô dạy tốt, dạy hay!

CÁC TÁC GIẢ

Mục lục

Lời nói đầu.....	3
------------------	---

Phần một: Những vấn đề chung về dạy học môn Đạo đức lớp 5	6
--	----------

I. Khái quát chung về dạy học môn Đạo đức lớp 5.....	6
---	----------

1. Chương trình môn Đạo đức lớp 5	6
---	---

2. Mục tiêu môn Đạo đức	7
-------------------------------	---

3. Nội dung môn Đạo đức lớp 5	9
-------------------------------------	---

4. Phương pháp dạy học.....	9
-----------------------------	---

5. Phương tiện dạy học môn Đạo đức lớp 5	16
--	----

6. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức lớp 5 của học sinh.....	17
---	----

II. Cấu trúc sách giáo khoa, bài học Đạo đức 5.....	21
--	-----------

1. Căn cứ xây dựng các bài học Đạo đức 5.....	21
---	----

2. Cấu trúc sách giáo khoa Đạo đức 5.....	27
---	----

3. Cấu trúc bài dạy Đạo đức 5.....	27
------------------------------------	----

Phần hai: Hướng dẫn thực hiện các bài học trong sách giáo khoa Đạo đức 5.....	34
--	-----------

Chủ đề: BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

Bài 1: Người có công với quê hương, đất nước	34
--	----

Bài 2: Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước	41
---	----

Chủ đề: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC

Bài 3: Em tôn trọng sự khác biệt của người khác	49
---	----

Chủ đề: VƯỢT QUA KHÓ KHĂN

Bài 4: Em nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống	57
---	----

Bài 5: Em vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.....	62
---	----

Chủ đề: BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT

Bài 6: Em bảo vệ cái đúng, cái tốt.....	67
---	----

Chủ đề: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG

Bài 7: Môi trường sống quanh em.....	74
Bài 8: Em bảo vệ môi trường	80

Chủ đề: LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN

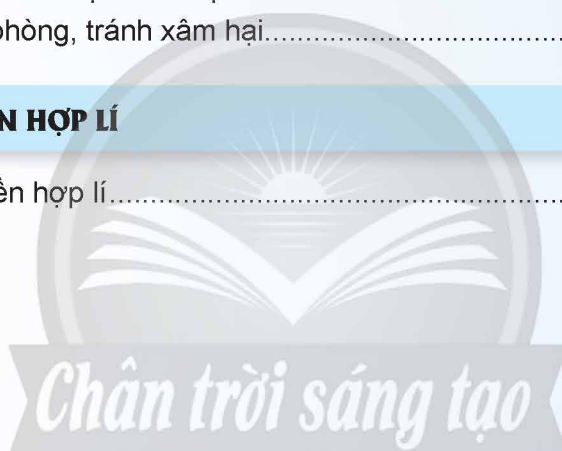
Bài 9: Em lập kế hoạch cá nhân.....	86
-------------------------------------	----

Chủ đề: PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI

Bài 10: Em nhận diện biểu hiện xâm hại.....	93
Bài 11: Em chủ động phòng, tránh xâm hại.....	98

Chủ đề: SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ

Bài 12: Em sử dụng tiền hợp lí.....	107
-------------------------------------	-----



Phần một

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 5

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 5

1. Chương trình môn Đạo đức lớp 5

1.1. Định hướng chung về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thực hiện mục tiêu giáo dục, hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh (HS) thông qua các nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học, giáo dục toán học, giáo dục khoa học xã hội, giáo dục khoa học tự nhiên, giáo dục công nghệ, giáo dục tin học, giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp. Mỗi nội dung giáo dục đều được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có một số môn học và hoạt động giáo dục đảm nhiệm vai trò cốt lõi. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực ở từng giai đoạn giáo dục và từng cấp học, chương trình mỗi môn học và hoạt động giáo dục xác định mục tiêu, các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và nội dung giáo dục của môn học, hoạt động giáo dục đó.

Giai đoạn giáo dục cơ bản thực hiện phương châm giáo dục toàn diện và tích hợp, bảo đảm trang bị cho HS tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau Trung học cơ sở; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp thực hiện phương châm giáo dục phân hoá, bảo đảm HS được tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Cả hai giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp đều có các môn học tự chọn; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp có thêm các môn học và chuyên đề học tập được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp, nhằm đáp ứng nguyện vọng, phát triển tiềm năng, sở trường của mỗi HS.

1.2. Định hướng Chương trình môn Đạo đức

Giáo dục công dân (môn Đạo đức ở cấp Tiểu học, môn Giáo dục công dân ở cấp Trung học cơ sở, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp Trung học phổ thông) giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho HS ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn Giáo dục công dân bồi dưỡng cho HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực cần thiết của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức, niềm tin và cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh vững vàng để tiếp tục phát triển và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, môn Đạo đức cấp Tiểu học là môn học bắt buộc. Nội dung chủ yếu của môn học này là giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật. Các mạch nội dung này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng, nhằm hình thành cho HS thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu môn Đạo đức

2.1. Mục tiêu chung

Môn Đạo đức thực hiện hai mục tiêu như sau:

– Bước đầu hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân và người khác, với công việc, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên; thái độ tự trọng, tự tin; những tình cảm và hành vi tích cực: yêu gia đình, quê hương, đất nước; yêu thương, tôn trọng con người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu; chăm học, chăm làm; trung thực; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.

– Giúp HS bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi của bản thân; biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước và về các hành vi ứng xử; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nền nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

2.2. Yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức lớp 5

Môn Đạo đức lớp 5 cũng góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học cấp Tiểu học đã được quy định trong Chương trình tổng thể. Đặc biệt, môn Đạo đức lớp 5 hình thành và phát triển cho HS các năng lực đặc thù của môn Đạo đức như: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Sau đây là các yêu cầu cần đạt cụ thể:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước</i>	– Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước. – Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. – Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

<i>Tôn trọng sự khác biệt của người khác</i>	– Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác. – Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người. – Thể hiện được bằng lời nói và hành động thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác. – Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...
<i>Vượt qua khó khăn</i>	– Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống. – Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn. – Biết vì sao phải vượt qua khó khăn. – Biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt. – Quý trọng gương vượt khó trong học tập và cuộc sống.
<i>Bảo vệ cái đúng, cái tốt</i>	– Nhận biết được cái đúng, cái tốt cần bảo vệ. – Biết vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt. – Biết một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt. – Mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt.
<i>Bảo vệ môi trường sống</i>	– Nêu được các loại môi trường sống. – Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống. – Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng. – Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.
<i>Lập kế hoạch cá nhân</i>	– Nêu được các loại kế hoạch cá nhân. – Biết vì sao phải lập kế hoạch cá nhân. – Biết cách lập kế hoạch cá nhân và lập được kế hoạch cá nhân để thực hiện các công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.
<i>Phòng, tránh xâm hại</i>	– Nêu được một số biểu hiện xâm hại. – Biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại. – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em. – Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.
<i>Sử dụng tiền hợp lí</i>	– Nêu được biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí. – Biết vì sao phải sử dụng tiền hợp lí. – Nêu được cách sử dụng tiền hợp lí. – Thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí. – Góp ý với bạn bè để sử dụng tiền hợp lí.

3. Nội dung môn Đạo đức lớp 5

Thời lượng thực hiện Chương trình môn Đạo đức lớp 5 là 35 tiết/năm học với 8 chủ đề. Trong đó, tỉ lệ phần trăm thời lượng của nội dung giáo dục đạo đức là 55%, giáo dục kĩ năng sống là 25%, giáo dục kinh tế là 10%, thời lượng còn lại dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

NỘI DUNG GIÁO DỤC							
Giáo dục đạo đức (55%)					Giáo dục kĩ năng sống (25%)		Giáo dục kinh tế (10%)
Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	Kĩ năng tự bảo vệ	Hoạt động tiêu dùng
<i>Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước</i>	<i>Tôn trọng sự khác biệt của người khác</i>	<i>Vượt qua khó khăn</i>	<i>Bảo vệ cái đúng, cái tốt</i>	<i>Bảo vệ môi trường sống</i>	<i>Lập kế hoạch cá nhân</i>	<i>Phòng, tránh xâm hại</i>	<i>Sử dụng tiền hợp lí</i>

4. Phương pháp dạy học

Theo định hướng về phương pháp giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó giáo viên (GV) có vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động *Khởi động*, hoạt động *Kiến tạo tri thức mới*, hoạt động *Luyện tập* và hoạt động *Vận dụng* (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng học tập và công cụ khác, đặc biệt là công cụ công nghệ thông tin và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu: học lí thuyết; thực hiện bài tập, trò chơi, sắm vai, dự án nghiên cứu; tham gia thảo luận nhóm, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, HS được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp.

Tuy nhiên, dù làm việc độc lập, theo nhóm hay theo đơn vị lớp, mỗi HS đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế. Việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học môn Đạo đức phải lấy mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực cho HS tiểu học là trọng tâm. Do đó, khi thực hiện phương pháp dạy học môn Đạo đức, cần lưu ý các đặc điểm sau:

4.1. Đặc điểm chung về phương pháp dạy học môn Đạo đức phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh

4.1.1. Chú trọng việc tự học và phát triển tư duy của học sinh

Về bản chất, dạy học là quá trình HS biến những giá trị xã hội thành giá trị cá nhân dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV. Do đó, để bảo đảm học tập thành công, HS phải có phương pháp tự học đúng đắn. Mặt khác, năng lực tự chủ và tự học là năng lực chung được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bên cạnh đó, việc giáo dục hành vi đạo đức hoặc điều chỉnh hành vi không thể cho kết quả ngay lập tức chỉ sau một vài tiết học mà cần rèn luyện thường xuyên để chuyển hoá hành vi đạo đức thành thói quen đạo đức.

GV phải kích thích được tinh thần tự giác học tập của HS ở mọi nơi, mọi lúc và HS có nhu cầu, năng lực tự học suốt đời. Việc tự học, tự rèn luyện ở HS có thể tiến hành theo hình thức cá nhân, nhóm hay tập thể. Dù ở hình thức nào, HS cũng đóng vai trò chủ thể tích cực với những biểu hiện như:

- Xác định được mục tiêu hoạt động của mình một cách phù hợp, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch để đạt được mục tiêu và có khả năng tự đánh giá việc rèn luyện của bản thân để có kế hoạch cải thiện. Để thực hiện được điều này, GV phải tổ chức, hướng dẫn HS nhận biết được mục tiêu của từng bài học, hiểu được ý nghĩa của bài học. GV phải có các tiêu chí đánh giá rõ ràng; dựa trên các tiêu chí của GV, HS cũng có thể nắm bắt được những điều bản thân đã làm được, chưa làm được để điều chỉnh mục tiêu phù hợp.

- Chủ động, yêu thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh, tích cực tham gia và hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Theo đó, GV cần quan tâm đến việc tạo động lực học tập cho HS: giúp HS nhận biết được ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học; có phương pháp dạy học hấp dẫn; biết cách khích lệ, động viên và gây thiện cảm với HS; làm gương cho HS. Bên cạnh đó, cần thêm sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Tăng cường được sự phối hợp giữa các lực lượng này thì việc vận dụng, rèn luyện và thực hành hành vi đạo đức của HS sẽ thuận lợi hơn.

Để HS có thể tự học hiệu quả, các em cần được học tập trong môi trường thuận lợi: được cung cấp phương tiện (các tài liệu, đồ dùng học tập, dụng cụ, phương tiện để tiến hành các loại hình hoạt động khác nhau), được tổ chức tốt (theo lớp, nhóm, cá nhân,...), được mở rộng không gian học tập (không chỉ trong lớp mà còn tại hiện trường, những nơi công cộng, cộng đồng,...), được GV hướng dẫn, hỗ trợ đi theo con đường hợp lý nhất. GV cần có những hành động sư phạm phù hợp như:

- Thiết kế hoạt động phù hợp (trên cơ sở của yêu cầu cần đạt, đảm bảo tính vừa sức với HS, lựa chọn được nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức thích hợp).

- Tổ chức, điều khiển, hướng dẫn HS tiến hành các hoạt động phù hợp với các em (nhóm, cá nhân), động viên HS bày tỏ ý kiến, khuyến khích các em giúp đỡ nhau và hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ.

- Kiểm tra quá trình thực hiện hoạt động của HS, quan sát để hỗ trợ kịp thời.

- Hướng dẫn HS trình bày, báo cáo kết quả hoạt động của mình; khuyến khích HS nhận xét, bổ sung ý kiến, tranh luận và GV chấp nhận ý kiến, quan điểm đa dạng của HS.

– Đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá, HS đánh giá lẫn nhau. GV có thể phối hợp thêm sự đánh giá từ gia đình, giúp HS tự phát hiện ra những sai sót, hạn chế, định hướng cho các em tự khắc phục, từ đó tiến bộ.

Vai trò trên của GV biểu hiện không giống nhau ở các hoạt động, điều này phụ thuộc vào tính chất và nội dung hoạt động, khả năng và kinh nghiệm của HS, các điều kiện thực hiện. Có những hoạt động ở khâu thiết kế, GV đóng vai trò phải tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện như thảo luận nhóm, trò chơi,... Đặc biệt, khi HS cần thực hành, vận dụng, GV giao nhiệm vụ để HS tự thiết kế hoạt động của mình, tự lập kế hoạch thực hiện để rèn luyện hành vi đạo đức. Trên quan điểm GV không làm thay cho HS, không cung cấp hay nhồi nhét, áp đặt những tri thức đạo đức có sẵn cho các em theo kiểu truyền thụ một chiều mà luôn đặt các em vào vị thế chủ thể tích cực, sáng tạo, GV tổ chức cho HS giải quyết các vấn đề đa dạng để tư duy của các em được phát triển.

4.1.2. Tổ chức dạy học thông qua các hoạt động và tăng cường sự tương tác, giao tiếp tích cực

Các hoạt động được tổ chức phải là dành cho HS. HS được là chủ thể của hoạt động để tạo ra sản phẩm cho chính bản thân. Trong bài học đạo đức, HS cần tích cực tham gia các hoạt động: Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng. Mỗi hoạt động có vai trò, ý nghĩa riêng, đi từ việc khai thác cảm xúc, kinh nghiệm hiện có của HS đến việc khám phá tri thức mới; tiếp đến, HS củng cố, hình thành thái độ đạo đức, bước đầu thực hiện việc xử lý các tình huống gần gũi với thực tế cuộc sống của HS và cuối cùng là vận dụng tri thức đạo đức, thái độ đạo đức để thực hiện đúng các chuẩn mực hành vi đạo đức, thể hiện được kĩ năng trong học tập, sinh hoạt.

Muốn HS là chủ thể thực sự của các hoạt động trên, trong quá trình tổ chức, GV cần tạo điều kiện cho HS được tương tác, giao tiếp. Sự tương tác, giao tiếp này là mối quan hệ đa chiều: giao tiếp giữa GV với HS, giao tiếp giữa HS với GV và giao tiếp giữa HS với HS. Việc tạo ra bầu không khí học tập khơi gợi tinh thần sáng tạo và sự tự tin nêu ý kiến của HS là rất cần thiết.

4.1.3. Chú trọng trải nghiệm của học sinh trong quá trình tổ chức dạy học môn Đạo đức

Trong quá trình dạy học môn Đạo đức, trải nghiệm cuộc sống của HS được đặc biệt coi trọng. Dạy học đạo đức dựa vào trải nghiệm được thực hiện qua các khâu sau:

– Khai thác vốn kinh nghiệm sống, giúp HS chia sẻ, bộc lộ những trải nghiệm trước đây của mình liên quan đến bài học mới.

– Tổ chức cho HS trải nghiệm (thông thường qua trò chơi sắm vai hoặc quan sát thực tiễn cuộc sống) trong giờ học.

– Giúp HS khái quát hoá, tổng hợp những hiểu biết, kinh nghiệm sống của mình thành tri thức đạo đức.

– Tổ chức cho HS các hoạt động, nhất là hoạt động thực tiễn, nhằm giúp các em vận dụng kiến thức đạo đức vào việc tìm hiểu thực tiễn, giải quyết các vấn đề cuộc sống, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống hằng ngày.

– Tạo điều kiện cho HS được trực tiếp tiếp xúc, quan sát thực tiễn cuộc sống xung quanh. Qua đó, HS khái quát hoá, tổng hợp những thông tin từ trải nghiệm cuộc sống,

đối chiếu tri thức được học với thực tiễn cuộc sống để chính các em tự rút ra những suy nghĩ, thái độ chưa đúng ở bản thân. Bên cạnh đó, cần tổ chức cho HS vận dụng tri thức đạo đức để trải nghiệm các tình huống đạo đức giả định trên lớp, giao các nhiệm vụ rèn luyện để HS ứng dụng tri thức vào cuộc sống hằng ngày, thực hiện hành vi đạo đức trong cuộc sống,...

4.2. Một số phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học trong môn Đạo đức lớp 5

Khi dạy học môn Đạo đức lớp 5, GV có thể vận dụng nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học. Trong đó, một số phương pháp có thể mạnh trong dạy học môn Đạo đức lớp 5.

4.2.1. Một số phương pháp dạy học

4.2.1.1. Kể chuyện

Kể chuyện là phương pháp dùng lời để thuật lại một câu chuyện nhằm giúp HS rút ra bài học đạo đức từ nội dung câu chuyện. Phương pháp này thường được sử dụng nhằm giới thiệu cho HS một trường hợp, tình huống cụ thể về chuẩn mực hành vi đạo đức theo bài học. Thông qua lời kể của GV hoặc HS tự kể, HS sẽ nhận ra được hành vi, cách ứng xử, giải quyết vấn đề của các nhân vật trong câu chuyện. HS sẽ tự rút ra được bài học cho bản thân nên làm theo hay nên tránh hành vi của nhân vật trong câu chuyện.

4.2.1.2. Thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo nhóm nhỏ về những vấn đề liên quan đến bài học đạo đức, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập/giáo dục trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Phương pháp thảo luận nhóm tạo cơ hội cho HS có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học; tạo cơ hội cho các em được giao lưu, học hỏi lẫn nhau, cùng nhau hợp tác giải quyết những nhiệm vụ chung.

4.2.1.3. Trò chơi

Trò chơi là phương pháp tổ chức cho HS thực hiện những thao tác, hành động phù hợp với bài học đạo đức thông qua trò chơi nào đó. Chơi trò chơi có nhiều mục đích như chơi để khởi động, chơi để lĩnh hội tri thức mới thông qua trò chơi (trò chơi học tập), chơi để phát hiện tình huống có vấn đề trong quá trình chơi và khám phá cách thức giải quyết vấn đề (trò chơi nhận thức). Tham gia trò chơi, HS thực hiện được những thao tác, những hành động đạo đức một cách nhẹ nhàng, thoải mái.

4.2.1.4. Giải quyết vấn đề

Giải quyết vấn đề là phương pháp tạo ra tình huống có vấn đề và kích thích, điều khiển HS huy động những kiến thức, kĩ năng đã biết có liên quan để giải quyết tình huống đó. Tình huống có vấn đề là loại tình huống tồn tại mâu thuẫn giữa một bên là nhiệm vụ đặt ra và một bên là trình độ hiện tại còn hạn chế. Vì vậy, với vốn kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm sẵn có, HS chưa thể ngay lập tức giải quyết được mà cần phải vận dụng hệ thống kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm sẵn có dưới sự hướng dẫn của GV và sự nỗ lực của bản thân mới có thể giải quyết được tình huống (tìm ra tri thức mới, cách thức hành động mới). Để tạo cơ hội cho HS rèn luyện các năng lực như giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, trong dạy học môn Đạo đức, GV có thể thiết kế các tình huống có vấn đề để HS xử lí tình huống.

4.2.1.5. Sắm vai

Sắm vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp sắm vai có những ưu điểm như: gây hứng thú và chú ý cho HS; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của HS,... Sắm vai có thể tiến hành theo hình thức nhóm nhỏ để vừa phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vừa phát triển được năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS.

4.2.1.6. Rèn luyện

Rèn luyện là phương pháp tổ chức cho HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã biết vào việc thực hiện những hành vi, việc làm trong cuộc sống hằng ngày theo bài học đạo đức nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng và hình thành thói quen đạo đức cho HS.

4.2.2. Một số kĩ thuật dạy học

Bên cạnh việc sử dụng các phương pháp dạy học, việc sử dụng kĩ thuật dạy học trong môn Đạo đức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để giúp phát huy sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình dạy học. Các kĩ thuật dạy học này có thể kích thích tư duy, sự sáng tạo của HS một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, các kĩ thuật dạy học còn là động lực thúc đẩy sự cộng tác làm việc của HS, rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác cho các em một cách đầy đủ hơn. Một số kĩ thuật dạy học có thể sử dụng trong dạy học Đạo đức cho HS ở lớp 5 như: *Khăn trải bàn*, *Phòng tranh*, *Trình bày một phút*, *Chúng em biết 3*, *Công nào*, *Hoàn tất một nhiệm vụ*,...

4.2.2.1. Kĩ thuật Khăn trải bàn

Kĩ thuật *Khăn trải bàn* là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực của HS;
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS;
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS.

Cách tiến hành:

- HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 người. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy A0 đặt trên bàn, như một chiếc khăn trải bàn.
- Chia giấy A0 thành phần chính giữa và phần xung quanh, tiếp tục chia phần xung quanh thành 4 hoặc 6 phần tùy theo số thành viên của nhóm (4 hoặc 6 người).
- Mỗi thành viên sẽ suy nghĩ và viết ý tưởng của mình (về một vấn đề nào đó mà GV yêu cầu) vào phần cạnh “khăn trải bàn” trước mặt mình. Sau đó thảo luận nhóm, tìm ra những ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa “khăn trải bàn”.

4.2.2.2. Kĩ thuật Phòng tranh

Kĩ thuật *Phòng tranh* có thể sử dụng cho hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm. Tranh ảnh giúp con người ghi nhớ tốt hơn và lâu hơn nên kĩ thuật Phòng tranh được áp dụng cũng với mục đích đó. Ý tưởng được thể hiện qua tranh vẽ sẽ tạo hứng thú học tập, kích thích sự sáng tạo, đồng thời giúp HS ghi nhớ nội dung bài học lâu hơn.

Cách tiến hành:

- GV nêu câu hỏi/vấn đề cho cả lớp hoặc cho các nhóm.

– Mỗi thành viên (hoạt động cá nhân) hoặc các nhóm (hoạt động nhóm) phác hoạ ý tưởng về cách giải quyết vấn đề trên một tờ bìa và dán lên tường xung quanh lớp học như một triển lãm tranh.

– HS cả lớp đi xem “triển lãm” và có thể có ý kiến bình luận hoặc bổ sung.

– Cuối cùng, tất cả các phương án giải quyết được tập hợp lại và chọn phương án tối ưu.

4.2.2.2. Kỹ thuật Trình bày một phút

Kỹ thuật *Trình bày một phút* tạo cơ hội cho HS tổng kết lại kiến thức đã học và đặt câu hỏi về những điều còn băn khoăn, thắc mắc bằng các bài trình bày ngắn gọn, cô đọng với các bạn cùng lớp. Các câu hỏi cũng như câu trả lời HS đưa ra sẽ giúp củng cố quá trình học tập của các em và cho GV thấy được HS đã hiểu vấn đề như thế nào.

Cách tiến hành:

– Cuối tiết học (thậm chí giữa tiết học), GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời các câu hỏi: *Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo các em, vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?,...*

– HS suy nghĩ và viết câu trả lời ra giấy. Các câu trả lời của HS có thể dưới nhiều hình thức khác nhau.

– Mỗi HS trình bày trước lớp trong thời gian 1 phút về những điều các em đã học được và những câu hỏi các em muốn được giải đáp hay những vấn đề các em muốn được tiếp tục tìm hiểu thêm.

4.2.2.3. Kỹ thuật Chúng em biết 3

Chúng em biết 3 là kỹ thuật dạy học lấy ý kiến từ HS thông qua hoạt động nhóm, mỗi nhóm gồm 3 HS trao đổi ý kiến với nhau về chủ đề thảo luận và thống nhất 3 điểm quan trọng nhất để trình bày.

Cách tiến hành:

– GV nêu chủ đề cần thảo luận.

– Chia HS thành các nhóm 3 và yêu cầu HS thảo luận trong vòng 5 phút (tùy nhiệm vụ mà GV thay đổi thời gian thảo luận cho phù hợp) về những gì các em biết về chủ đề này.

– HS thảo luận nhóm và chọn ra 3 điểm quan trọng nhất để trình bày trước cả lớp.

– Mỗi nhóm cử một đại diện lên trình bày về cả 3 điểm nói trên.

4.2.2.4. Kỹ thuật Hoàn tất một nhiệm vụ

Nói đơn giản, kỹ thuật *Hoàn tất một nhiệm vụ* là làm cho vấn đề được giải quyết một cách triệt để, không tồn đọng. Cách giải quyết triệt để như vậy giúp cho HS dễ nắm được bài học hơn, kích thích sự nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của HS.

Cách tiến hành:

– GV đưa ra một câu chuyện/một vấn đề/một bức tranh/một thông điệp/,... mới chỉ được giải quyết một phần và yêu cầu HS/nhóm HS hoàn tất phần còn lại.

– HS/nhóm HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

– HS/nhóm HS trình bày sản phẩm.

– GV hướng dẫn cả lớp cùng bình luận, đánh giá.

Đây là một hoạt động tốt giúp HS đọc lại tài liệu đã học hoặc đọc các tài liệu mới theo yêu cầu của GV.

Lưu ý: GV cần hướng dẫn HS cẩn thận và cụ thể để các em hiểu được nhiệm vụ của mình.

4.2.2.5. Kỹ thuật Công não (Động não)

Kỹ thuật *Công não* có tên tiếng Anh là Brainstorming. Dù kỹ thuật này có nhiều tên gọi khác nhau (Công não/Tấn công não/Tập kích não/Động não) nhưng đều cùng bản chất/mục đích là tìm ra nhiều giải pháp sáng tạo cho một vấn đề. Kỹ thuật này được thực hiện bằng cách tập trung suy nghĩ về một vấn đề và rút ra những ý kiến được xem là khả thi nhất.

Cách tiến hành:

– Bước 1: Chọn một người đứng đầu nhóm và một người làm thư kí; người đứng đầu điều khiển quá trình động não và thư kí ghi lại tất cả các ý kiến. Cả hai việc này cũng có thể do một người thực hiện.

– Bước 2: Xác định vấn đề cần tìm hiểu.

– Bước 3: Quy định “luật chơi” cho buổi động não:

+ Nhóm trưởng có quyền điều khiển buổi làm việc;
+ Không một thành viên nào có quyền cản trở, đánh giá hay phê bình ý kiến/giải đáp của thành viên khác;

+ Trong quá trình động não, các thành viên không được làm việc riêng;

+ Tất cả các ý kiến đều được thu nhận;

+ Tập hợp lại tất cả các ý kiến, ngoại trừ ý kiến bị lặp lại;

+ Định thời gian cho buổi làm việc và ngưng khi hết giờ.

– Bước 4: Bắt đầu động não, tất cả các thành viên bắt buộc lần lượt đưa ra ý kiến của mình.

– Bước 5: Sau khi kết thúc động não, tập hợp tất cả các ý kiến và bắt đầu đánh giá.

Những điều cần lưu ý khi thực hiện:

– Vấn đề công não phải được xác định một cách rõ ràng, chuẩn mực để thu hút sự tập trung. Trước buổi động não, các thành viên trong nhóm cần có thời gian để làm quen và suy nghĩ kĩ về vấn đề.

– Khi nào bị “kích hoạt”, các thành viên trong nhóm đều tập trung vào vấn đề, tránh các ý kiến hay các điều kiện bên ngoài có thể làm lạc hướng buổi làm việc.

– Tất cả các ý kiến phát biểu đều được thu nhận và tôn trọng.

– Không được phê bình, phủ nhận hay khen ngợi một cách vội vàng trước bất kì ý kiến nào. Bởi vì khi phủ nhận ý kiến của một thành viên, thành viên đó có thể sợ sai và không dám đưa ra ý kiến tiếp theo; hoặc khi vội vàng khen ngợi ý kiến của một thành viên, có thể làm cho họ cảm thấy thoải mái và không còn tập trung đưa ra ý kiến như ban đầu nữa.

– Luôn luôn động viên, khích lệ tất cả các thành viên tham gia công não cố gắng đưa ra ý kiến và không lo lắng về tính khả thi của nó. Có thể đặt câu hỏi gợi ý hoặc làm cho rõ để tránh thời gian chết.

– Đưa ra càng nhiều ý tưởng càng tốt vì tất cả các ý tưởng đều có giá trị nhất định dưới góc nhìn sáng tạo

Công não viết là một hình thức biến đổi của công não. Trong công não viết, các ý tưởng được từng thành viên tham gia viết trên giấy. Sản phẩm có thể có dạng một sơ đồ tư duy.

Cách thực hiện công não viết như sau:

- Đặt trên bàn 1 – 2 tờ giấy để ghi các ý tưởng, đề xuất của các thành viên.
- Mỗi thành viên viết ý kiến của mình trên các tờ giấy đó.
- Có thể tham khảo ý kiến đã ghi trên giấy của các thành viên khác để tiếp tục phát triển suy nghĩ.
- Sau khi thu thập xong ý kiến, bắt đầu đánh giá các ý tưởng trong nhóm.

Ngoài các kĩ thuật trên, tùy vào năng lực của HS, GV có thể tự nghiên cứu và lựa chọn thêm một số kĩ thuật khác như *Bể cá*, *Công đoạn*, *Mảnh ghép*, *Ổ bi*, *Sơ đồ tư duy*, *Tia nhóm*, *XYZ*,... để việc tổ chức hoạt động dạy học đa dạng và hấp dẫn, phát huy được tính tích cực của HS.

Cần phối hợp đa dạng các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học và tổ chức hài hoà giữa hoạt động cá nhân, nhóm và tập thể để đáp ứng được mục tiêu dạy học, đặc điểm của HS, điều kiện dạy học,... Cần lưu ý, mục tiêu cuối cùng và quan trọng nhất trong dạy học đạo đức là hình thành cho HS thói quen đạo đức. Điều này chỉ có được khi HS vận dụng một cách thường xuyên những kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống thường ngày.

5. Phương tiện dạy học môn Đạo đức lớp 5

Phương tiện dạy học được coi là công cụ để thực hiện phương pháp dạy học. Phương tiện dạy học môn Đạo đức là tập hợp các đối tượng vật chất và tinh thần được GV và HS sử dụng để tổ chức, thực hiện các hoạt động trong quá trình dạy học môn học này. Phương tiện dạy học vừa chứa đựng nội dung dạy học vừa hỗ trợ GV vận dụng phương pháp đạt hiệu quả cao hơn. Phương tiện còn giúp HS học tập môn Đạo đức thuận lợi, dễ dàng hơn.

Phương tiện dạy học môn Đạo đức rất đa dạng, phong phú, có thể chia thành hai nhóm: nhóm phương tiện vật chất và nhóm phương tiện phi vật chất.

5.1. Nhóm phương tiện vật chất

Nhóm phương tiện này rất đa dạng và phong phú, bao gồm nhiều loại hình: tranh; ảnh; băng hình; phim về các hành vi, việc làm, về các tình huống đạo đức hoặc minh họa cho các câu chuyện đạo đức; các bảng viết; phiếu học tập; máy chiếu đa năng; máy tính; mô hình; vật mẫu;... Trong dạy học môn Đạo đức lớp 5, có thể sử dụng và khai thác các loại phương tiện vật chất sau:

a. Các phương tiện in, vẽ

Bao gồm sách giáo khoa (SGK), sách giáo viên (SGV), vở bài tập (VBT) Đạo đức và các sách tham khảo khác cho GV, HS; các loại tranh ảnh minh họa truyện đạo đức, minh họa tình huống đạo đức, minh họa các hành vi, việc làm phù hợp hoặc không phù hợp với

chuẩn mực xã hội (được cung cấp hoặc do GV và HS sưu tầm phục vụ quá trình học tập); các loại phiếu học tập (phiếu giao việc, phiếu rèn luyện). Phiếu học tập có thể sử dụng để tìm hiểu tri thức mới, các tình huống học tập, các bài tập cần thực hiện, các chỉ dẫn HS cách làm sản phẩm, dùng để ghi chép lại những quan sát, những công việc đã làm được.

b. Các phương tiện là đồ vật, mô hình, vật mô phỏng

Mẫu vật, mô hình, đồ vật thường được sử dụng trong dạy học môn Đạo đức lớp 5 thông qua trò chơi sắm vai, qua các hoạt động quan sát để HS có biểu tượng thực tế. Các loại dụng cụ này được dùng chủ yếu trong quá trình thực hành, rèn luyện của HS.

c. Các phương tiện nghe nhìn

Bao gồm phần mềm dạy học; phim đèn chiếu; băng đĩa, video clip minh họa truyện kể đạo đức, mô tả tình huống đạo đức và các cách hành động, ứng xử; bài giảng điện tử; máy tính (nối mạng Internet); máy chiếu; ti vi; máy chiếu vật thể;... Trong dạy học môn Đạo đức lớp 5, các phương tiện nghe nhìn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để GV và HS có thể khai thác, tìm kiếm thông tin, phát triển năng lực sáng tạo của HS và tạo hứng thú cho HS trong quá trình hoạt động.

5.2. Nhóm phương tiện phi vật chất

Nhóm phương tiện này bao gồm ngôn ngữ sư phạm, cảm xúc – tình cảm, hành vi, lối sống,... của GV được sử dụng trong quá trình dạy học môn Đạo đức. Hai nhóm phương tiện này cần được sử dụng kết hợp trong quá trình dạy học mới mang lại hiệu quả. Sự động viên, khích lệ, khen ngợi, tuyên dương từ nhà trường, từ phía GV, từ tập thể trước những tiến bộ của HS cũng là động lực thúc đẩy HS phấn đấu hoàn thiện bản thân hơn.

Trong nhóm phương tiện phi vật chất, cần nhấn mạnh đến vai trò nêu gương của người lớn trong việc giáo dục đạo đức cho HS, bởi với HS nhỏ tuổi, cơ chế bắt chước hành vi người lớn vẫn chi phối suy nghĩ, hành động của các em. Chính vì vậy, để giáo dục đạo đức cho HS thành công, cần sự phối hợp thống nhất giữa giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội.

6. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức lớp 5 của học sinh

6.1. Định hướng về kiểm tra, đánh giá môn Đạo đức lớp 5

Ngày 4/9/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về quy định đánh giá HS tiểu học, theo đó: “Đánh giá HS tiểu học là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS tiểu học”.

Đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục môn Đạo đức lớp 5 phải bảo đảm các yêu cầu:

a. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nghiên cứu, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Chú trọng sử dụng các bài tập xử lý tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực.

Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình hoặc các tổ chức xã hội.

b. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất và cần coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS.

c. Kết quả đánh giá sau mỗi học kỳ và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Sử dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn Đạo đức lớp 5

6.2.1. Kiểm tra tự luận

Bài kiểm tra tự luận là một phương pháp kiểm tra viết nhằm kiểm tra, đánh giá bài làm của HS như nhớ lại, sắp xếp lại, vận dụng những tri thức và kỹ năng đã học vào việc suy luận, giải quyết những vấn đề theo yêu cầu của câu hỏi kiểm tra (như trình bày, giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, làm bài tập thực hành,...). Phương pháp này giúp GV làm rõ kết quả học tập môn Đạo đức và quá trình HS tư duy trong việc giải quyết các vấn đề của câu hỏi, bài tập đặt ra khi học tập môn học này. Bài kiểm tra tự luận thường được vận dụng để kiểm tra, đánh giá trong, sau khi GV tiến hành một hoạt động, tiết học, bài học. HS trả lời những câu hỏi liên quan đến sự cần thiết (ý nghĩa, tác dụng của việc thực hiện và tác hại của việc làm trái với bài học) và cách thực hiện (những hành vi, công việc cần làm, những hành động cần tránh theo bài học đạo đức quy định).

6.2.2. Trắc nghiệm khách quan

Trắc nghiệm khách quan là một phương pháp kiểm tra viết nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS qua bài viết của các em với những câu trả lời cho các câu hỏi, bài tập ở các dạng như điền khuyết, điền đúng – sai, nhiều lựa chọn, ghép đôi,... Phương pháp này có hiệu quả đối với đánh giá kết quả, nhưng hạn chế trong việc đánh giá quá trình HS tư duy.

6.2.3. Phương pháp quan sát

Trong dạy học môn Đạo đức, quan sát được sử dụng để kiểm tra, đánh giá cả quá trình và kết quả hoạt động của HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đề ra. Phương pháp quan sát chủ yếu nhằm kiểm tra, đánh giá những biểu hiện năng lực và thái độ, hành vi đạo đức của HS tiểu học theo từng hoạt động, bài học của môn Đạo đức.

6.2.4. Phương pháp vấn đáp

Phương pháp vấn đáp có thể được vận dụng để kiểm tra, đánh giá HS học tập môn Đạo đức trước, trong và sau khi tiến hành một hoạt động, một tiết học, cũng như sau khi kết thúc một bài, giúp GV kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ, kĩ năng, hành vi của HS liên quan đến bài học đạo đức. Qua đó, GV có thể phát hiện kết quả học tập và quá trình HS tư duy (thường với câu hỏi “tại sao”, qua đó, HS giải thích nguyên nhân, thể hiện tư duy của mình,...).

6.2.5. Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập

Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập dựa vào sản phẩm do HS làm ra, tạo nên theo bài học để xác định kết quả học tập của các em. Những sản phẩm của HS có thể là kết quả của các hoạt động khác nhau như: thảo luận nhóm, điều tra các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn, thực hiện hành vi, công việc trong cuộc sống,... Khi đó, những sản phẩm hoạt động có thể được thể hiện qua:

- Các loại phiếu học tập (phiếu làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phiếu điều tra, phiếu rèn luyện, phiếu báo cáo). Sản phẩm thể hiện qua các phiếu học tập phản ánh kết quả điều tra, thực hiện hành vi, cần có sự xác nhận của các lực lượng giáo dục liên quan.
- Hiện thực được cải tạo, nhất là kết quả của các hoạt động lao động. GV cần xem xét tình trạng của sự vật sau khi HS thực hiện để đối chiếu với hiện trạng trước đó (nếu có điều kiện). Thông qua đó, GV nắm bắt được thông tin về những hành vi HS đã thực hiện và kết quả đạt được.
- Một số sản phẩm khác như bảng lập kế hoạch, sổ tay ghi chép, tranh ảnh, thiệp, bài văn, bài thơ,... cũng cần được GV hướng dẫn cụ thể và có những tiêu chí đánh giá rõ ràng.

6.3. Sử dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn Đạo đức lớp 5

6.3.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học môn Đạo đức được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Như vậy, mỗi HS đều được đánh giá một cách thường xuyên, bảo đảm việc giáo dục đạo đức diễn ra liên tục, xuyên suốt.

Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định được mức độ được giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, các yêu cầu cần đạt theo chương trình môn Đạo đức, từ đó tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình này.

Trong đánh giá thường xuyên môn Đạo đức, ngoài GV, cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn, nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học đạo đức về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi là cực kì quan trọng.

Nội dung đánh giá thường xuyên trong dạy học môn Đạo đức gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định cho từng bài học.

– Các yêu cầu cần đạt theo từng nội dung, bài học được quy định trong chương trình môn học.

Những nội dung này được cụ thể hoá bằng mục tiêu của từng bài đạo đức, thậm chí mục tiêu của từng hoạt động được tổ chức theo bài đạo đức đó. Ngoài ra, đánh giá thường xuyên còn quan tâm đến quá trình HS hoạt động, nhất là tư duy, để đạt được kết quả hoạt động (kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ). Do đó, khi đánh giá HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học, đối chiếu với kết quả, tính đến các điều kiện thực hiện để xác định mức độ được giáo dục của từng em.

Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá khác nhau mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi HS. Sau khi có được thông tin chính xác và đầy đủ về kết quả học tập môn Đạo đức của mỗi HS, GV cần dự kiến và tiếp tục tác động đến HS nhằm giúp từng em khắc phục hạn chế để đạt được những yêu cầu theo bài học và tiến bộ. Theo quy định hiện hành, hình thức đánh giá thường xuyên của môn Đạo đức là bằng nhận xét, không cho điểm.

Ngoài ra, trong quá trình đánh giá thường xuyên, tùy tính chất bài đạo đức, GV cần liên hệ và phối hợp với các lực lượng giáo dục, nhất là gia đình, nhằm bảo đảm hiệu quả giáo dục.

6.3.2. Đánh giá định kì

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì đối với môn Đạo đức được thực hiện vào bốn thời điểm: giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học.

Nội dung đánh giá định kì bao gồm:

- Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định cho các nội dung, bài đã học.
- Các yêu cầu cần đạt theo các nội dung, bài đã học được quy định trong chương trình môn học.

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn Đạo đức, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

- *Hoàn thành tốt*: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.
- *Hoàn thành*: Thực hiện được các yêu cầu học tập của môn Đạo đức.
- *Chưa hoàn thành*: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn Đạo đức.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học).

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá thường được vận dụng trong đánh giá định kì môn Đạo đức là vấn đáp, kiểm tra viết. Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì không cho điểm.

6.4. Một số yêu cầu sư phạm đối với việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức của học sinh

– *Đảm bảo tính toàn diện*: Theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Đạo đức lớp 5, HS đồng thời phải đạt được các năng lực chung và năng lực đặc thù. Do đó, khi kiểm tra, đánh giá, cần đảm bảo tính toàn diện trên tất cả các năng lực.

– *Đảm bảo tính khách quan, công bằng*: Các thông tin thu thập để đánh giá phải đúng như trong thực tế, đánh giá phải dựa vào mục tiêu, điều kiện và khả năng thực hiện của HS.

– *Đảm bảo tính phát triển và nhân văn*: GV phải xác định được sự tiến bộ, mức độ phát triển của HS qua từng thời kì, giai đoạn, coi trọng sự tiến bộ của HS.

– *Đảm bảo tính rõ ràng*: Việc đánh giá phải rõ ràng, tức là HS hiểu được tại sao GV lại đánh giá như thế.

– *Đảm bảo sự phối hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá*: Việc phối hợp các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá sẽ giúp thực hiện được những yêu cầu sư phạm nêu trên.

II. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA, BÀI HỌC ĐẠO ĐỨC 5

1. Căn cứ xây dựng các bài học Đạo đức 5

* Căn cứ vào mục tiêu và yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình môn Đạo đức;

* Căn cứ vào các lí thuyết về sự phát triển tâm lí trẻ em, trên cơ sở đó nghiên cứu các đặc điểm về nhận thức, tình cảm, nhân cách của học sinh lớp 5:

Hiểu biết về phát triển tâm lí của HS tiểu học là điều rất cần thiết vì nó cho phép nhóm tác giả đánh giá được sự phát triển nhận thức, cảm xúc, thể chất, xã hội và giáo dục mà HS tiểu học trải qua, đặc biệt là HS lớp 5. Trên cơ sở đó, để thiết kế hoạt động và ngữ liệu trong SGK phù hợp với trình độ tâm lí của HS, nhóm tác giả tham khảo các lí thuyết về sự phát triển tâm lí của trẻ em như:

– *Lí thuyết phát triển tâm lí của Sigmund Freud*: Những kinh nghiệm ban đầu đóng vai trò lớn nhất trong sự phát triển tâm lí. Trong mỗi giai đoạn, đứa trẻ gặp phải xung đột đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển. Không giải quyết được xung đột của một giai đoạn cụ thể có thể ảnh hưởng đến hành vi của người trưởng thành. Chính vì vậy, trong giáo dục đạo đức cần quan tâm đến kinh nghiệm ban đầu của HS và kịp thời đánh giá được những xung đột trong tâm lí HS, giúp các em kịp thời điều chỉnh hành vi để trưởng thành khoẻ mạnh về tâm lí.

– *Lí thuyết phát triển tâm lí xã hội của Erikson*: Tương tác xã hội và kinh nghiệm đóng vai trò quyết định. Trong mỗi giai đoạn phát triển, cá nhân phải đối mặt với các xung đột tâm lí tác động đến sự phát triển sau này. Giải quyết thành công xung đột của từng giai đoạn sẽ góp phần hình thành nhân cách của mỗi người trong suốt quá trình phát triển. Điều này là cơ sở cho việc giáo dục đạo đức cho HS tiểu học cần phối hợp các hoạt động xã hội, tập thể, nhóm và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ.

– *Lí thuyết phát triển nhận thức của Piaget*: Lí thuyết phát triển nhận thức liên quan đến sự phát triển trong quá trình suy nghĩ của một người, xem xét các quá trình suy nghĩ này ảnh hưởng như thế nào đến cách chúng ta hiểu và tương tác với thế giới. Theo Piaget, ở giai đoạn từ 7 đến 11 tuổi, trẻ em bắt đầu hình thành tư duy logic về các sự kiện cụ thể, nhưng gặp khó khăn trong việc hiểu các khái niệm trừu tượng hoặc giả thuyết. Căn cứ này giúp các tác giả khi xây dựng ngữ liệu trong SGK Đạo đức lớp 5 chú ý đến tư duy trực quan hình ảnh để giúp HS lĩnh hội các khái niệm trừu tượng dễ dàng hơn. Đồng thời, các tình huống, câu hỏi đặt ra cần hướng đến tư duy logic để HS lớp 5 có cơ hội phát triển các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, dần dần đi đến khái quát hoá, trừu tượng hoá, cuối cùng là cụ thể hoá (ứng dụng được những điều lĩnh hội vào thực tiễn).

– *Lí thuyết học tập xã hội của Albert Bandura*: Theo lí thuyết học tập xã hội, hành vi cũng có thể học được thông qua quan sát và mô hình hoá. Bằng cách quan sát hành động của người khác, bao gồm cả cha mẹ, thầy cô và bạn bè, trẻ em phát triển các kĩ năng mới và có được thông tin mới. Lí thuyết phát triển trẻ em của Bandura cho thấy quan sát đóng một vai trò quan trọng trong việc học, nhưng sự quan sát này không nhất thiết phải mang hình thức như xem một mô hình sống. Thay vào đó, mọi người cũng có thể học bằng cách lắng nghe các chỉ dẫn bằng lời nói về cách thực hiện một hành vi đạo đức cũng như thông qua việc quan sát nhân vật thực hoặc hư cấu thể hiện hành vi trong sách.

– *Lí thuyết văn hoá xã hội của Lev Vygotsky*: Lí thuyết này giới thiệu khái niệm về vùng phát triển gần, đó là khoảng cách giữa những gì một người có thể làm với sự giúp đỡ và những gì họ có thể làm một mình. Với sự giúp đỡ của nhiều người hiểu biết hơn, trẻ em có thể dần dần tìm hiểu và nâng cao kĩ năng, phạm vi hiểu biết của mình. Vì vậy, nhóm tác giả căn cứ vào vùng phát triển gần nhất của HS để thiết kế các hoạt động, ngữ liệu phù hợp trong sách và đặt HS ở vị trí trung tâm để mở rộng các tình huống trong các mối quan hệ xã hội đa dạng, giúp các em được trải nghiệm, thực hành dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người lớn.

Tổng hợp các quan điểm về sự phát triển tâm lí trẻ em, đặc biệt là tâm lí của HS lớp 5, có thể khái quát lại một số đặc trưng cần lưu ý để nhóm tác giả biên soạn nội dung các bài học:

– *Về sự phát triển nhận thức*:

+ Tri giác ở HS tiểu học thường bắt đầu với hành động trực quan; đến cuối tuổi cấp Tiểu học là lớp 5, tri giác bắt đầu mang tính xúc cảm, trẻ vẫn thích quan sát các sự vật, hiện tượng có màu sắc sặc sỡ, hấp dẫn và lúc này tri giác của trẻ đã mang tính mục đích, có phương hướng rõ ràng. Có thể dựa vào đặc điểm phát triển này để tìm cách thu hút HS tham gia các hoạt động tích cực, quan sát các hình ảnh màu sắc được thiết kế trong SGK Đạo đức 5. Những hoạt động, ngữ liệu đa dạng sẽ kích thích trẻ cảm nhận, tri giác tích cực và chính xác.

+ Tư duy của HS tiểu học chủ yếu là tư duy trực quan hành động ở đầu cấp và phát triển dần thành tư duy trực quan hình ảnh ở giai đoạn giữa, mang đậm màu sắc xúc cảm. Khả năng khái quát hoá tiến bộ dần từ HS lớp 1 đến lớp 5, theo đó, HS lớp 4, lớp 5 bắt đầu biết khái quát hoá lí luận. Đây là tiền đề cho sự phát triển tư duy logic, tuy nhiên ở HS lớp 4 – 5, tư duy trực quan hình ảnh vẫn chiếm ưu thế.

+ Hình ảnh tưởng tượng của HS đầu cấp Tiểu học còn đơn giản, chưa bền vững và dễ thay đổi, nhưng đến những năm cuối tiểu học, tưởng tượng tái tạo bắt đầu hoàn thiện. Từ những hình ảnh cũ, trẻ đã tái tạo ra được những hình ảnh mới. Tưởng tượng sáng tạo cũng tương đối phát triển, trẻ bắt đầu phát triển khả năng làm thơ, viết văn, vẽ tranh,... Đây là cơ sở để thiết kế các hoạt động Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng phù hợp hơn với khả năng của HS lớp 5.

+ Ở lớp 4 – 5, trẻ bắt đầu ghi nhớ có ý nghĩa và lượng tri thức trẻ nhớ được gia tăng, nội dung bài học Đạo đức lớp 5 sẽ tăng cường thêm các ngữ liệu dạy học so với các lớp dưới để đảm bảo vừa sức với HS giai đoạn này. Đồng thời, ở giai đoạn này, HS có

khả năng điều chỉnh sự chú ý của mình, chú ý có chủ định dần phát triển hơn. HS biết cố gắng và có sự nỗ lực về ý chí trong hoạt động học tập, có khả năng tiếp nhận câu chuyện dài hơn, bài thơ nhiều câu chữ hơn, tình huống đa dạng tình tiết hơn so với các khối lớp trước đó.

+ Đến lớp 5, HS đã thành thạo ngôn ngữ viết và bắt đầu hoàn thiện về mặt ngữ pháp, chính tả và ngữ âm. Nhờ ngôn ngữ phát triển mà trẻ có khả năng tự đọc, tự học, tự nhận thức thế giới xung quanh và tự khám phá bản thân thông qua các kênh thông tin khác nhau. Theo đó, kênh chữ trong SGK cũng cần được chú ý hơn.

– *Về sự phát triển tình cảm:*

Đến lớp 5, các mối quan hệ bạn bè của trẻ được mở rộng, trẻ dễ chia sẻ và chơi thân với các bạn của mình, ra sức giúp đỡ bạn; bên cạnh đó, trẻ cũng dễ giận dỗi, mâu thuẫn với bạn bè rồi cũng nhanh chóng làm lành với bạn sau đó. Sự phát triển tình cảm trong tâm lí HS tiểu học luôn kèm theo sự phát triển năng khiếu như: thơ ca, hội họa, kĩ thuật, khoa học,... Tâm lí HS tiểu học được phát triển và từng ngày hoàn thiện trên nhiều khía cạnh. HS chứng tỏ dần và học hỏi nhiều điều thú vị từ thế giới xung quanh, đồng thời khám phá nhiều khả năng, năng khiếu của bản thân trong nhiều hoạt động. Đây là cơ sở để đưa các nội dung tích hợp giúp phát triển năng khiếu cho HS bên cạnh năng lực chung, năng lực đặc thù.

– *Về sự phát triển nhân cách:*

Đến lớp 5, những nét tính cách học đường mới dần ổn định và bền vững ở trẻ. Nhìn chung, việc hình thành nhân cách của HS tiểu học mang những đặc điểm cơ bản sau: nhân cách của các em lúc này mang tính chỉnh thể và hỗn nhiên, bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của mình một cách vô tư, thật thà và ngay thẳng; nhân cách còn mang tính tiềm ẩn, những năng lực, tố chất của các em còn chưa được bộc lộ rõ rệt, nếu có được tác động thích ứng sẽ bộc lộ và phát triển; đặc biệt, nhân cách của các em còn mang tính đang hình thành, việc hình thành nhân cách không thể diễn ra một sớm một chiều, HS tiểu học còn đang trong quá trình phát triển toàn diện về mọi mặt, vì thế nhân cách của các em sẽ được hoàn thiện dần cùng với tiến trình phát triển của mình. Giáo dục đạo đức cho HS lớp 5 không nên có những định kiến mà luôn thiện ý, phải dùng những lời lẽ nhẹ nhàng mang tính gợi mở và chờ đợi, phải hướng trẻ đến với những hình mẫu nhân cách tốt đẹp thông qua các tấm gương từ các nhân vật trong SGK, hình mẫu của người lớn (bố mẹ, thầy cô, hàng xóm,...) để trẻ noi gương.

** Căn cứ vào các lí thuyết Tâm lí học, Giáo dục học về đạo đức và quá trình hình thành hành vi đạo đức:*

– Lawrence Kohlberg xếp 6 giai đoạn hình thành hành vi đạo đức của trẻ vào ba giai đoạn lớn: giai đoạn tiền thông thường, giai đoạn thông thường và giai đoạn hậu thông thường. Mỗi cấp độ có hai giai đoạn nhỏ. Giai đoạn tiền thông thường áp dụng cho trẻ em khoảng 9 tuổi trở xuống, liên quan đến định hướng vâng lời và trừng phạt, cũng như chủ nghĩa cá nhân và trao đổi. Tại thời điểm này, đạo đức tuân theo sự mong đợi của người lớn và kết quả của việc tuân thủ hoặc không tuân theo các quy tắc của người lớn. Trong giai đoạn đầu tiên, một đứa trẻ tránh những hậu quả tiêu cực bằng cách tuân theo các quy tắc, kết luận rằng người bị trừng phạt chắc chắn đã làm điều gì đó sai trái.

Trong giai đoạn thứ hai, trẻ phát triển sự hiểu biết rằng những người khác nhau có quan điểm khác nhau và không chỉ có một cách làm đúng. Mặc dù còn nhiều tranh cãi xung quanh lý thuyết phát triển đạo đức của Lawrence Kohlberg, nhưng có thể nhận thấy với HS lớp 5, việc giúp các em nhận thức được những mong đợi (mục tiêu, yêu cầu cần đạt) từ người lớn trong mỗi bài học và ý nghĩa của từng bài học (vì sao cần thực hiện, tác hại, hậu quả khi không tuân thủ chuẩn mực đạo đức) ở giai đoạn đầu tiên là quan trọng. Ở giai đoạn thứ hai, cần quan tâm đến quan điểm riêng của trẻ, tính chủ thể bằng các câu hỏi *Vì sao, Như thế nào, Theo em, ...?, Suy nghĩ của em?, ...* để giúp trẻ hiểu có nhiều cách làm đúng trong một tình huống đạo đức, lựa chọn cách xử lý phù hợp với khả năng và hoàn cảnh của bản thân mà vẫn đảm bảo chuẩn mực hành vi đạo đức.

– Theo Tâm lý học giáo dục đạo đức (nhiều tác giả), hành vi đạo đức thường được hình thành dựa trên các nhóm yếu tố tâm lý bao gồm: tri thức và niềm tin đạo đức, thiện chí, nghị lực và thói quen đạo đức. Mỗi quan hệ giữa các yếu tố tâm lý cấu thành hành vi đạo đức:

+ Tri thức đạo đức là yếu tố định hướng hành vi đạo đức. Nhờ có tri thức đạo đức, cá nhân biết mình nên hay không nên làm gì. Niềm tin, tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là yếu tố phát động mọi sức mạnh vật chất và tinh thần, tạo ra sự sẵn sàng thực hiện hành vi đạo đức. Có tri thức, có niềm tin, tình cảm, động cơ và thiện chí đạo đức là có ý thức đạo đức. Tuy nhiên, giữa ý thức với hành vi đạo đức luôn tồn tại một khoảng cách nhất định. Yếu tố giúp xóa bỏ khoảng cách này chính là thói quen đạo đức.

+ Theo Tâm lý học giáo dục đạo đức, có các con đường hình thành hành vi đạo đức cho HS như sau: cơ chế bắt chước, cơ chế củng cố và học tập xã hội. Cơ chế bắt chước là sự mô phỏng, tái tạo, lặp lại những hành vi, cách suy nghĩ, tâm trạng của các cá nhân khác trong đời sống xã hội. Những tấm gương trong SGK *Đạo đức 5* giúp HS bắt chước các hành vi tích cực dựa trên việc phân biệt đúng, sai; không đồng tình với cái ác, cái xấu, cái sai và đồng tình với cái thiện, cái đẹp, cái đúng trong cuộc sống. Cơ chế củng cố là làm cho cái đã có sẵn trở nên bền vững, chắc chắn hơn so với trước đó. Do vậy, khi một hành vi tốt diễn ra, để hành vi đó có thể được lặp lại và trở thành ổn định, cần có sự củng cố. Đây là cơ sở của hoạt động Luyện tập và Vận dụng, phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để hướng dẫn HS rèn luyện, thực hành thường xuyên.

Học tập xã hội thực chất là học một hành vi thông qua quan sát hành vi của người khác và hình thành trong đầu óc một khuôn mẫu hành vi đóng vai trò điều chỉnh hành vi của bản thân trong các tình huống tương tự. Cơ chế này có điểm tương đồng với sự bắt chước, tuy nhiên tính chất riêng biệt trong học tập xã hội rõ nét hơn và các hành vi hình thành sâu hơn trong tâm lý của trẻ. Với cơ chế này, hình thành hành vi và thói quen đạo đức gắn chặt với môi trường xung quanh của trẻ. Mọi hành vi của người khác, trong các quan hệ xã hội thực, thậm chí hình ảnh minh họa trong SGK *Đạo đức 5* mà trẻ quan sát rất có thể được trẻ học mà chúng ta có khi không để ý tới.

** Căn cứ vào các lý thuyết về sự phát triển phẩm chất, năng lực cho cá nhân:*

Theo Tâm lý học hoạt động, sự hình thành và phát triển của nhân cách chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố cơ bản, đóng vai trò quan trọng như: bẩm sinh –

di truyền; hoàn cảnh sống; giáo dục; hoạt động và giao tiếp. Trong các yếu tố đó, giáo dục đóng vai trò chủ đạo vì nó vạch ra chiều hướng cho sự hình thành, phát triển nhân cách của HS và dẫn dắt sự hình thành, phát triển nhân cách của HS theo chiều hướng đó. Giáo dục có thể uốn nắn những phẩm chất tâm lý xấu do tác động tự phát của môi trường xã hội gây nên và làm cho nó phát triển theo chiều hướng mong muốn của xã hội. Tính tích cực khi tham gia vào hoạt động và giao tiếp sẽ quyết định trực tiếp đến sự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Vì vậy, SGK Đạo đức 5 không chỉ thiết kế các pha hoạt động bao gồm Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng mà còn xây dựng ngữ liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt, đặc biệt là lưu ý đến các ngữ liệu tạo điều kiện cho GV sử dụng linh hoạt để tư vấn, hướng dẫn, động viên HS kịp thời. Điều quan trọng là các hoạt động, ngữ liệu phải tạo điều kiện cho GV sử dụng linh hoạt để đưa vào các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học một cách sáng tạo nhằm phát huy tính tích cực của HS trong hoạt động học. Đồng thời, sách quan tâm đặt HS ở vị trí trung tâm và mở rộng các mối quan hệ xung quanh HS để đưa các câu chuyện, tình huống, ... giúp HS có cơ hội trao đổi, thảo luận, xử lý tình huống với nhóm bạn để thúc đẩy tính tích cực của HS lớp 5.

– Lí thuyết đa trí thông minh của Howard Gardner đã chỉ ra rằng, trí thông minh của con người được chia thành 8 loại hình: thông minh ngôn ngữ; thông minh logic – toán học; thông minh thể chất; thông minh về không gian; thông minh về giao tiếp xã hội; thông minh nội tâm; thông minh âm nhạc; thông minh về tự nhiên. Căn cứ vào lí thuyết này, nhóm tác giả SGK Đạo đức 5 tích hợp các nội dung như bài hát, câu chuyện, vẽ tranh, ... thể hiện sự quan tâm đến khả năng, năng khiếu cho HS trên quan điểm tích hợp với các môn học và hoạt động giáo dục khác. Bên cạnh yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù, SGK Đạo đức 5 còn quan tâm đến việc phát huy năng khiếu cho HS.

– Lí thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb cho rằng học tập là quá trình, trong đó tri thức được kiến tạo thông qua sự chuyển hoá của kinh nghiệm. Quá trình học tập gồm bốn giai đoạn cơ bản, phù hợp với bốn phong cách học tập bao gồm: Kinh nghiệm cụ thể (Concrete experience); Quan sát phản tỉnh (Reflective observation); Trừu tượng hoá khái niệm (Abstract conceptualisation); Thử nghiệm tích cực (Active experimentation). Theo đó, học tập sẽ xuất phát từ một mâu thuẫn giữa kinh nghiệm cụ thể và khái niệm trừu tượng, hiểu đơn giản thì đó chính là mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết. Khi giải quyết mâu thuẫn này, mỗi người học có thể thích sử dụng khái niệm trừu tượng hoặc kinh nghiệm cụ thể. Căn cứ vào lí thuyết này, thứ nhất, SGK Đạo đức 5 xây dựng hoạt động và ngữ liệu để HS có thể học tập qua trải nghiệm, bắt đầu bằng sự thu nhận kinh nghiệm từ các giác quan và kết thúc bằng sự phân tích, khái quát hoá và áp dụng cho chu kì mới. Thứ hai, quá trình hình thành nên kinh nghiệm mới dựa trên cơ sở cấu trúc lại kinh nghiệm vốn có nên luôn có những câu hỏi để khai thác kinh nghiệm, vốn sống và trải nghiệm đã qua của HS để kết nối với bài học mới. Thứ ba, vì quá trình học tập qua trải nghiệm chỉ mang lại hiệu quả khi người học được có cơ hội sử dụng, khai thác, kết nối được kinh nghiệm cũ và kinh nghiệm mới; được tạo điều kiện tham gia hoạt động một cách tự giác, tự chủ, độc lập và sáng tạo nên SGK Đạo đức 5 mang tính mở (Nêu thêm...,

Theo em,...?, Vì sao...?) để HS và cả GV có thể đưa thêm kinh nghiệm của mình vào bài học. Đồng thời, chú trọng các hoạt động Luyện tập, Vận dụng để HS sử dụng kiến thức mới vào trong thực tiễn cuộc sống. Cuối cùng, học tập trải nghiệm là quá trình thiết lập các mối quan hệ tương tác và hợp tác xã hội (với thế giới xung quanh, với bạn học, với GV,...) nên SGK Đạo đức 5 lấy HS làm trung tâm và từ đó mở rộng sự tương tác này trong mối quan hệ với người khác (ví dụ, tôn sự khác biệt giữa mọi người, không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt,...).

Tóm lại, các bài học trong SGK Đạo đức 5 – bộ sách *Chân trời sáng tạo* được thiết kế dựa trên đặc điểm tâm lí của HS lớp 5 và căn cứ vào các quan điểm, lí thuyết về giáo dục đạo đức cũng như phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân để xây dựng các hoạt động, các ngữ liệu phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Đạo đức. Ngoài ra, căn cứ quan trọng nữa là phân tích điều kiện thực tiễn của giáo dục Việt Nam và kết quả của thực nghiệm.

Dựa vào các căn cứ trên, nội dung của SGK Đạo đức 5 bao gồm 8 chủ đề được phát triển thành 12 bài học. Cụ thể như sau:

Nội dung			Thiết kế bài học
Giáo dục đạo đức (55%)	Yêu nước	<i>Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Người có công với quê hương, đất nước – Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước
	Nhân ái	<i>Tôn trọng sự khác biệt của người khác</i>	Thiết kế thành 1 bài: <i>Em tôn trọng sự khác biệt của người khác</i>
	Chăm chỉ	<i>Vượt qua khó khăn</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Em nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống – Em vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống
	Trung thực	<i>Bảo vệ cái đúng, cái tốt</i>	Thiết kế thành 1 bài: <i>Em bảo vệ cái đúng, cái tốt</i>
	Trách nhiệm	<i>Bảo vệ môi trường sống</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Môi trường sống quanh em – Em bảo vệ môi trường
Giáo dục kĩ năng sống (25%)	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	<i>Lập kế hoạch cá nhân</i>	Thiết kế thành 1 bài: <i>Em lập kế hoạch cá nhân</i>
	Kĩ năng tự bảo vệ	<i>Phòng, tránh xâm hại</i>	Thiết kế thành 2 bài: – Em nhận diện biểu hiện xâm hại – Em chủ động phòng, tránh xâm hại
Giáo dục kinh tế (10%)	Hoạt động tiêu dùng	<i>Sử dụng tiền hợp lí</i>	Thiết kế thành 1 bài: <i>Em sử dụng tiền hợp lí</i>

2. Cấu trúc sách giáo khoa Đạo đức 5

Xuất phát từ quan điểm lấy người học làm trung tâm, các bài học được xây dựng vừa đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống, vừa mang tính vừa sức với HS lớp 5, nhóm tác giả xây dựng thứ tự bài học và phân bổ thời lượng tương ứng như sau:

STT	Tên bài	Số tiết	STT	Tên bài	Số tiết
Học kì 1			Học kì 2		
1	Người có công với quê hương, đất nước	2	7	Môi trường sống quanh em	2
2	Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước	3	8	Em bảo vệ môi trường	2
3	Em tôn trọng sự khác biệt của người khác	3	9	Em lập kế hoạch cá nhân	3
4	Em nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống	2	10	Em nhận diện biểu hiện xâm hại	3
5	Em vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống	3	11	Em chủ động phòng, tránh xâm hại	3
6	Em bảo vệ cái đúng, cái tốt	3	12	Em sử dụng tiền hợp lý	3
	Ôn tập tổng hợp	1		Ôn tập tổng hợp	2

Căn cứ vào tính mở của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, không yêu cầu bắt buộc nhà trường phải tuân thủ thứ tự các chủ đề đã nêu trong Chương trình môn Đạo đức. Tuy vào thực tiễn của địa phương, trình độ hiện có và những đặc điểm tâm sinh lý của HS mà nhà trường có kế hoạch tổ chức dạy học môn Đạo đức phù hợp, đáp ứng các yêu cầu cần đạt, đảm bảo tổng số tiết là 35 tiết Đạo đức/năm học và phù hợp với tỉ lệ số tiết được phân bổ cho từng mạch nội dung. Thứ tự thực hiện các chủ đề/bài học trong bộ sách này mang tính tham khảo, dù vậy, để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho kế hoạch dạy học của nhà trường, địa phương thì bộ sách này vẫn bám sát thứ tự các chủ đề trong Chương trình môn Đạo đức lớp 5.

3. Cấu trúc bài dạy Đạo đức 5

Thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH. Trong nội dung công văn về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học có hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch bài dạy như sau:

GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; SGK, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học cần chuẩn bị, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy, cụ thể:

1) *Yêu cầu cần đạt*: Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, GV chủ động sử dụng SGK, thiết bị dạy học, học liệu để xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng HS, đặc điểm nhà trường, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2) *Đồ dùng dạy học*: Các đồ dùng cần chuẩn bị để tổ chức dạy học bài học.

3) *Các hoạt động dạy học chủ yếu*: GV chủ động tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất bài học (bài kiến thức mới; thực hành, ôn tập), đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp với đối tượng HS.

4) *Điều chỉnh sau bài dạy*: GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học sau: nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi, thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học/hoạt động giáo dục.....; lớp

Tên bài học:; số tiết:

Thời gian thực hiện: ngày... tháng... năm... (hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

1. *Yêu cầu cần đạt*: Nêu cụ thể học sinh thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2. *Đồ dùng dạy học*: Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. *Các hoạt động dạy học chủ yếu*:

– Hoạt động Mở đầu: khởi động, kết nối.

– Hoạt động Hình thành kiến thức mới: trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới (đối với bài hình thành kiến thức mới).

– Hoạt động Luyện tập, thực hành.

– Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (nếu có).

4. *Điều chỉnh sau bài dạy* (nếu có).

Các tác giả SGK Đạo đức 5 – bộ sách *Chân trời sáng tạo* xây dựng cấu trúc bài học tương ứng với hướng dẫn của Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH, bao gồm: *Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Luyện tập, Vận dụng*.

Chương trình môn Đạo đức lớp 5 quy định ba mạch nội dung: giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế. GV căn cứ vào đặc thù của từng cụm bài, khai thác nội dung SGK và tổ chức hoạt động dạy học phù hợp để đạt hiệu quả giáo dục tốt hơn. Cụ thể:

CÁCH TỔ CHỨC BÀI HỌC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC

Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động nhằm khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc đạo đức của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra chuẩn mực hành vi cần hình thành, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về các biểu hiện cụ thể của hành vi đạo đức đó trong những hoạt động tiếp theo. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, việc giáo dục đạo đức phải xuất phát từ cảm xúc đạo đức, khơi dậy lương tri trong mỗi con người thì mới đạt hiệu quả giáo dục.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác, khơi dậy cảm xúc đạo đức trong lương tri của các em, thường là:

- *Em cảm thấy thế nào về ...?*
- *Cảm xúc của em sau khi nghe/xem ... thế nào?*

Câu hỏi/yêu cầu khởi động cũng có thể là khai thác kinh nghiệm, vốn sống, trải nghiệm đã có của HS để kết nối vào bài học, thường là:

- *Hãy mô tả/Hãy chia sẻ về ... xung quanh em.*
- *Điều gì sẽ xảy ra nếu ...?*
- *Em đã từng ...?*

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức nhất, từng bước hình thành tư duy phản biện về các hành vi đạo đức. Từ đó, HS nhận diện được các biểu hiện cụ thể của chuẩn mực hành vi đạo đức và hiểu được sự cần thiết của việc thực hiện hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hành vi đạo đức, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm, thường là:

- *Điều gì sẽ xảy ra nếu em không/thực hiện ...?*
- *Vì sao em phải/không được ...?*
- *Những việc em nên/cần phải làm là gì?*

Giai đoạn Luyện tập

Trên cơ sở HS nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể để xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật. Hoạt động Luyện tập cần thể hiện được động cơ đạo đức được thúc đẩy từ trong lương tâm của HS, các em thực hành đưa ra những lựa chọn của bản thân khi phải cân nhắc giữa việc ưu tiên các hành động đạo đức với những mục tiêu và nhu cầu khác nhau trên cơ sở nhận xét các ý kiến, đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức có thực hoặc giả định.

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động đạo đức bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học), bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

CÁCH TỔ CHỨC BÀI HỌC GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG

Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động nhằm khai thác kinh nghiệm của HS, khơi gợi cảm xúc vốn có của các em về những vấn đề thực tiễn liên quan đến kĩ năng sống phù hợp với lứa tuổi và yêu cầu của Chương trình giáo dục Đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra được kĩ năng sống, kiến thức cần được trang bị để giải quyết các vấn đề thực tiễn, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về cách thực hiện các kĩ năng sống tương ứng.

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này thường là:

- Em đã từng tham gia/chứng kiến, thực hiện ... chưa?
- Kết quả/hậu quả ... thế nào?
- Em thấy mình đã làm tốt/chưa tốt điều gì?
- Điều gì em cần tiếp tục học hỏi/hoàn thiện?

Những câu hỏi, cách đặt vấn đề cần, một mặt, khai thác xem HS đã biết những gì, biết đến đâu về những kiến thức, kĩ năng liên quan đến nội dung bài học; mặt khác, kích thích, khơi dậy nhu cầu tìm hiểu, hoàn thiện các kĩ năng sống còn thiếu hụt trong mỗi HS, tạo động lực để HS hứng thú học tập trong giai đoạn sau.

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới nhằm hướng dẫn HS liên kết kinh nghiệm thực tiễn với những tri thức liên quan đến kĩ năng sống cần được trang bị, từ đó xác định được cách thức thực hiện kĩ năng sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Các kiến thức về kĩ năng cũng được trang bị trong giai đoạn này. Với những bài học kĩ năng sống, việc nhận thức, nắm bắt các kĩ năng cần được chú trọng. GV đóng vai trò của người hướng dẫn, HS là người phản hồi, trình bày quan điểm/ý kiến, đặt câu hỏi/trả lời.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS nhận thức về nguyên nhân, kết quả của việc thiếu hụt kiến thức, kĩ năng sống, từ đó nêu ra những việc cần phải làm và làm như thế nào cho phù hợp:

- Điều gì sẽ xảy ra nếu ...?
- Vì sao phải thực hiện ...?
- Các bước/cách thức ... nên làm là gì?

Giai đoạn Luyện tập

GV tổ chức các hoạt động cho HS có cơ hội thực hành kiến thức và kĩ năng mới vào một bối cảnh/hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa. Thông qua hoạt động Luyện tập, GV

định hướng cho HS thực hành đúng cách, điều chỉnh những hiểu biết, kĩ năng còn chưa đúng. Qua đó, HS có thể tiếp tục học hỏi, điều chỉnh kĩ năng của mình để phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các hoạt động học tập của giai đoạn này thường tập trung vào cách làm:

– *Làm/nói/nghe ... thế nào cho đúng/cho phù hợp?*

– *Các bước/quy trình ... thực hiện như thế nào?*

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức hoạt động để tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được luyện tập, thực hành ở hoạt động trước vào các tình huống/bối cảnh mới. GV tổ chức các hoạt động để HS gắn kết các tình huống thực tiễn của chính các em. Hoạt động này giúp HS thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của bản thân khi phải cân nhắc, lựa chọn các kĩ năng đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể theo cách hiệu quả nhất, đồng thời hình thành các kĩ năng sống cần thiết, rèn luyện thói quen sống lành mạnh.

CÁCH TỔ CHỨC BÀI HỌC GIÁO DỤC KINH TẾ

Giai đoạn Khởi động

GV tổ chức hoạt động Khởi động nhằm khai thác kinh nghiệm của HS, khơi gợi cảm xúc vốn có của các em về những vấn đề kinh tế phù hợp với lứa tuổi và yêu cầu của Chương trình giáo dục Đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra kiến thức cần được trang bị để giải quyết các vấn đề của thực tiễn, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về cách sử dụng tiền hợp lí phù hợp với lứa tuổi (chủ đề *Sử dụng tiền hợp lí*, lớp 5).

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này thường là:

– *Em đã từng tham gia/chứng kiến, thực hiện ... chưa?*

– *Em thấy mình đã làm tốt/chưa tốt điều gì?*

– *Theo em, ... được thể hiện như thế nào?*

Những câu hỏi, cách đặt vấn đề cần một mặt, khai thác xem HS đã biết những gì, biết đến đâu về những kiến thức, kĩ năng liên quan đến nội dung bài học; mặt khác, kích thích, khơi dậy nhu cầu tìm hiểu, hoàn thiện các hiểu biết về cách sử dụng tiền hợp lí còn thiếu hụt trong mỗi HS, tạo động lực để HS hứng thú học tập trong giai đoạn sau.

Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới nhằm hướng dẫn HS liên kết kinh nghiệm thực tiễn với những tri thức liên quan đến nội dung giáo dục kinh tế cần được trang bị, từ đó xác định được cách sử dụng tiền hợp lí phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho các em biết vì sao phải sử dụng tiền hợp lí và cách sử dụng tiền hợp lí phù hợp với lứa tuổi. Các câu hỏi đặt ra thường là:

– *Em hãy cho biết ...*

– *Vì sao phải thực hiện ...?*

– *Các cách thức ... nên làm là gì?*

Giai đoạn Luyện tập

GV cần tổ chức các hoạt động cho HS có cơ hội thực hành kiến thức giáo dục kinh tế vào điều kiện thực tế. Thông qua hoạt động Luyện tập, GV định hướng cho HS thực hành đúng cách, điều chỉnh những hiểu biết, các cách thức còn chưa đúng. HS thông qua việc bày tỏ ý kiến, thái độ đồng tình hay không đồng tình để hoàn thiện hiểu biết được hình thành ở Kiến tạo tri thức mới. Ngoài ra, thông qua các tình huống giả định, HS có cơ hội xử lý tình huống để rèn luyện hành vi ứng xử (như nhắc nhở bạn, đưa ra lời khuyên,...), để thực hành (cách tiết kiệm và sử dụng tiền hợp lý). Qua đó, HS có thể tiếp tục học hỏi, điều chỉnh hành vi phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các hoạt động học tập của giai đoạn này thường tập trung vào:

- Nhận xét ý kiến ...
- Em đồng tình hay không đồng tình ...? Vì sao?
- Xử lý tình huống.

Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức hoạt động để tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được luyện tập, thực hành ở hoạt động trước vào các tình huống/bối cảnh mới. GV tổ chức các hoạt động để HS gắn kết các tình huống thực tiễn của chính các em. Với bài giáo dục kinh tế, GV chú trọng rèn luyện cho HS năng lực lập kế hoạch chi tiêu, đây là yêu cầu cơ bản trong hoạt động Vận dụng.

* * *

Cấu trúc bài học bám sát tiến trình nhận thức của HS theo từng mạch nội dung, chú trọng đến việc khai thác kinh nghiệm, khởi tạo cảm xúc, tăng cường tính trải nghiệm, thực hành, vận dụng kĩ năng,... từ đó thúc đẩy động cơ học tập, hành động thực tiễn của HS; giúp HS nhận định rõ các giá trị, chuẩn mực, hành vi,... hình thành động cơ mà biểu hiện ra bên ngoài bằng sự lựa chọn thực hiện những hành động cụ thể phù hợp với chuẩn mực xã hội. Từ cấu trúc bài học này, nhóm tác giả xây dựng nên các bài học phù hợp với các mục tiêu giáo dục đạo đức và giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, đảm bảo được đặc trưng của môn Đạo đức nhằm điều chỉnh hành vi của HS phù hợp với các giá trị, chuẩn mực xã hội.

Với cấu trúc như trên, các bài học đạo đức cũng từng bước hình thành năng lực tư duy phản biện về các hành vi đạo đức và vi phạm chuẩn mực đạo đức – một trong những năng lực chưa được quan tâm nhiều trong giáo dục đạo đức hiện nay. Các bài học đạo đức dựa theo quy trình đó khiến việc học tập, thực hành và vận dụng kiến thức trở nên gần gũi, thú vị với HS mà không làm giảm đi ý nghĩa khoa học của môn học. Các cấu trúc bài học này đã được thử nghiệm ngoài thực tế lớp học và đạt hiệu quả giáo dục cao.

Tóm lại, căn cứ vào hướng dẫn của Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH, mỗi kế hoạch bài dạy ở SGK này được thiết kế gồm các nội dung chính sau:

I. Yêu cầu cần đạt (bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình bao gồm phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù).

II. Đồ dùng dạy học (bao gồm sự chuẩn bị của GV và sự chuẩn bị của HS).

III. Gợi ý các hoạt động dạy học chủ yếu.

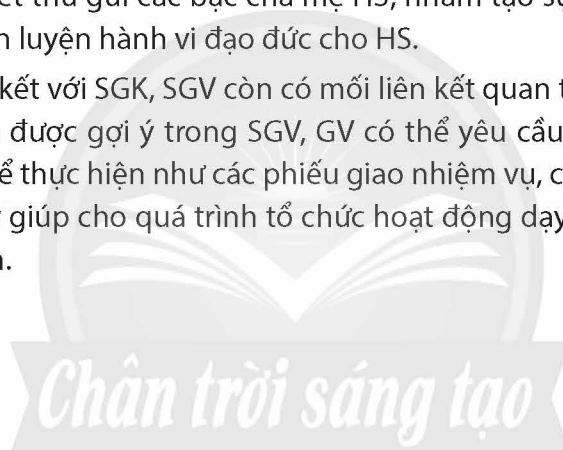
Mỗi hoạt động dạy học chủ yếu được trình bày theo cấu trúc sau:

- Tên hoạt động
- Mục tiêu (của hoạt động)
- Tổ chức thực hiện (Cách tiến hành).

Mỗi hoạt động đều có gợi ý việc sử dụng và lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học để đảm bảo tính tích cực cho HS. Trong một số hoạt động sẽ có gợi ý để GV có thể dễ dàng nhận xét, tổng kết.

Ngoài các hoạt động chính, nhóm tác giả biên soạn thêm một số hoạt động mở rộng nhằm làm phong phú thêm các hình thức tổ chức bài học. Trong các bài, nhóm tác giả còn hướng dẫn GV viết thư gửi các bậc cha mẹ HS, nhằm tạo sự kết nối, phối hợp với gia đình trong việc rèn luyện hành vi đạo đức cho HS.

Bên cạnh việc gắn kết với SGK, SGV còn có mối liên kết quan trọng với VBT Đạo đức. Một số phương pháp được gợi ý trong SGV, GV có thể yêu cầu, giao nhiệm vụ HS sử dụng *VBT Đạo đức 5* để thực hiện như các phiếu giao nhiệm vụ, các kế hoạch, các phiếu rèn luyện,... Điều này giúp cho quá trình tổ chức hoạt động dạy học của GV được linh hoạt và chủ động hơn.



Phần hai

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 5

Chủ đề: BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

Bài 1: NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Kính trọng, biết ơn người có công với quê hương, đất nước.
- *Nhân ái*: Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trình thảo luận nhóm.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Hoà nhã với bạn bè.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Xác định được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước; biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu, giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp); các hình ảnh minh họa, tài liệu về người có công với quê hương, đất nước.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc (mặt cười, mặt buồn).

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Nghe/hát bài *Kim Đồng* (Nhạc và lời: Phong Nhã) và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Người có công với quê hương, đất nước*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS nghe và hát bài hát, kết hợp với vỗ tay theo nhịp. Trước khi HS nghe/hát, GV đặt câu hỏi định hướng.

2. Sau khi HS nghe/hát bài hát, GV nêu yêu cầu để HS suy nghĩ và trả lời:

– Em biết gì về nhân vật trong bài hát?

– Nêu cảm nhận của em khi hát bài hát này.

Gợi ý:

– Bài hát nhắc đến anh Kim Đồng, tên thật là Nông Văn Dền, sinh năm 1929, người dân tộc Nùng, quê ở thôn Nà Mạ, xã Xuân Hoà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (*nhấn mạnh ý anh hùng nhỏ tuổi, người dân tộc thiểu số*). Anh Kim Đồng theo cách mạng làm liên lạc, anh là một trong 5 đội viên đầu tiên của Đội Thiếu niên tiền phong. Trong một lần đi liên lạc về giữa đường gặp địch phục kích, Kim Đồng nhanh trí nhử cho địch nổ súng về phía mình. Nhờ tiếng súng báo động ấy, các anh cán bộ ở gần đó đã nhanh chóng thoát lên rừng. Kim Đồng đã anh dũng hi sinh vào ngày 15/2/1943, khi anh vừa tròn 14 tuổi. Anh được Nhà nước ta phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

– Cảm nhận: Cảm thấy biết ơn và tự hào về anh Kim Đồng.

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, có biết bao người dân Việt Nam đã hi sinh máu xương, cống hiến cuộc đời mình cho sự bình yên và phát triển của đất nước. Đó là những ai? Chúng ta nên có thái độ như thế nào đối với họ?

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và nêu đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước

a. Mục tiêu: HS kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm. GV có thể phát tài liệu giấy cho HS đọc về các nhân vật, hoặc trước đó, dán các thông tin này ở góc học tập. GV tổ chức cho HS kể tên và nêu đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước trong tranh. Nếu tổ chức theo nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm 4.

Gợi ý:

– *Tranh 1:* Hai Bà Trưng (Trưng Trắc, Trưng Nhị) lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vào năm 39, đánh đổ ách thống trị của nhà Hán, giành độc lập cho dân tộc.

– *Tranh 2:* Vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) là người có công lập ra nhà Lý. Ông đã dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, giúp đất nước phát triển hơn.

– *Tranh 3:* Trần Quốc Toản với lá cờ thêu sáu chữ vàng “Phá cường địch, báo hoàng ân”, chỉ huy “đội quân thiếu niên” thời nhà Trần, tham gia chống giặc Nguyên Mông.

– *Tranh 4:* Anh hùng Võ Thị Sáu – người chiến sĩ kiên cường, dũng cảm trong kháng chiến chống Pháp.

– *Tranh 5:* Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa, một trong những nhà khoa học đặt nền móng cho nền công nghiệp quốc phòng non trẻ của Việt Nam (chế tạo thành công súng Bazoka – loại vũ khí chủ yếu dùng đánh xe tăng, tàu chiến; chế tạo thành công súng không giật SKZ để bắn phá pháo đài kiên cố, đầu đạn xuyên thủng bê tông; chống nhiễu của máy bay B-52 và nâng cấp độ bay cao của tên lửa SAM-2,...).

– *Tranh 6:* Anh hùng Lao động – Giáo sư – Viện sĩ – bác sĩ Tôn Thất Tùng nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới về phương pháp mổ gan khô; là người thực hiện thành công ca mổ tim đầu tiên ở Việt Nam; người đặt nền móng cho việc nghiên cứu tác hại của dioxin đến con người và môi trường tại Việt Nam,...

Với mỗi tranh, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

2. GV tổ chức (nên thay đổi cách so với hoạt động trước đó) cho HS thực hiện yêu cầu: *Kể thêm tên và đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.* GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm theo kĩ thuật *Công não* hoặc *Trình bày một phút, XYZ*.

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Những người có công với quê hương, đất nước đã hi sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, đóng góp công sức của mình không phân biệt dân tộc, giới tính, tuổi tác,... để quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh, cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm. GV tổ chức cho HS đọc câu chuyện *Mẹ Việt Nam anh hùng* hoặc lắng nghe GV đọc. Nếu tổ chức theo nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm 4, đọc câu chuyện trong nhóm (có thể đọc phân đoạn) và trả lời câu hỏi.

2. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi đọc/nghe đọc câu chuyện:

– *Mẹ Thứ đã có những đóng góp gì cho quê hương, đất nước?*

– Theo em, vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước?

Gợi ý:

– Mẹ Thứ đã có nhiều đóng góp cho quê hương, đất nước: nuôi giấu chiến sĩ cách mạng; canh gác nhiều cuộc họp quan trọng của cán bộ, chiến sĩ; là hậu phương vững chắc để chống con ra chiến trường bảo vệ Tổ quốc; có 12 con, cháu là liệt sĩ.

– Phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước vì:

+ Họ là những tấm gương về lòng yêu nước, dũng cảm và sáng tạo,... xứng đáng cho các thế hệ noi theo và học tập.

+ Họ giúp cho cuộc sống xã hội tốt đẹp hơn, trong đó, chính chúng ta cũng được thừa hưởng.

+ Đây là trách nhiệm của mỗi công dân; thể hiện lối sống văn minh, nghĩa tình.

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả thi đua của các nhóm.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước vì họ là những tấm gương xứng đáng cho các thế hệ noi theo và học tập; họ giúp cho cuộc sống xã hội tốt đẹp hơn, trong đó, chính chúng ta cũng được thừa hưởng; đây là trách nhiệm của mỗi công dân; thể hiện lối sống văn minh, nghĩa tình.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS có thái độ phù hợp với các ý kiến về đóng góp của người có công với quê hương, đất nước và củng cố được ý nghĩa của việc biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm: với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày ý kiến. GV có thể sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

Các ý kiến:

– Ý kiến 1: Chỉ người có đóng góp to lớn cho quê hương, đất nước mới là người có công.

– Ý kiến 2: Người có đóng góp trong bất kì lĩnh vực nào của đời sống xã hội đều là người có công.

– Ý kiến 3: Những người dùng quyền hành để tham ô không phải là người có công với quê hương, đất nước.

– Ý kiến 4: Biết ơn người có công với quê hương, đất nước vì họ giúp cho xã hội tốt đẹp hơn.

Gợi ý: Đồng tình với ý kiến 2, 3, 4; không đồng tình với ý kiến 1.

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến này?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ minh họa. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Đồng tình với các ý kiến: “Người có đóng góp trong bất kì lĩnh vực nào của đời sống xã hội đều là người có công; Những người dùng quyền hành để tham ô không phải là người có công với quê hương, đất nước; Biết ơn người có công với quê hương, đất nước vì họ giúp cho xã hội tốt đẹp hơn” và bày tỏ thái độ không đồng tình với ý kiến chưa phù hợp: “Chỉ người có đóng góp to lớn cho quê hương, đất nước mới là người có công”.

Hoạt động 5: Bày tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình

a. Mục tiêu: HS có thái độ phù hợp với đóng góp của người có công với quê hương, đất nước và củng cố được ý nghĩa của việc biết ơn người có công với quê hương, đất nước qua những tình huống cụ thể.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ vẽ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV có thể sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

– *Tranh 1:* Trân trọng đóng góp của các nhà khoa học (Đồng tình).

– *Tranh 2:* Nêu được tên và đóng góp của người dân tộc thiểu số cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc (Đồng tình).

– *Tranh 3:* Biết ơn và tự hào về ông – Nhà giáo Ưu tú (Đồng tình).

– *Tranh 4:* Có thái độ chưa phù hợp về đóng góp của nghệ nhân dân ca quan họ (Không đồng tình).

2. Sau mỗi tranh, GV nêu câu hỏi *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống thể hiện trong tranh. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS. GV hướng dẫn HS bày tỏ cảm xúc phù hợp khi thể hiện đồng tình hoặc không đồng tình.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung thêm tình huống thường gặp ở địa phương để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta đồng tình với hành vi nêu được đóng góp và lí do biết ơn người có công với quê hương, đất nước; không đồng tình với hành vi không nêu được đóng góp và lí do biết ơn người có công với quê hương, đất nước. Khi bày tỏ thái độ không đồng tình, chúng ta cần nhẹ nhàng, lịch sự.

Hoạt động 6: Xử lí tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện cách ứng xử phù hợp trong các tình huống thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách xử lý tình huống, phân công vai diễn và diễn lại tình huống trước lớp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận và phân vai diễn cho hợp lý.

2. GV mời HS nêu tình huống trước lớp trước khi thảo luận.

** Tình huống 1:* Cụ nội của Na được truy tặng Huân chương Kháng chiến. Na định kể về cụ trong bài viết “Kể về người có công với quê hương em”. Khi Na chia sẻ điều này với Cốm, Cốm nói: “Cụ không được nhiều người biết, bạn nên chọn một anh hùng nổi tiếng”.

– Em có đồng ý với Cốm không?

– Nếu là Na, em sẽ làm gì?

** Tình huống 2:* Hôm nay, Bin và em trai được bố dẫn đi khám sức khỏe tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch. Em Bin hỏi bố: “Phạm Ngọc Thạch là ai ạ? Tại sao lại lấy tên ông đặt cho bệnh viện ạ?”. Bố quay sang nhìn Bin: “Con giải thích cho em được không?”.

Nếu là Bin, em sẽ nói gì?

Gợi ý:

** Tình huống 1:* Không đồng ý với Cốm. Nếu là Na, em sẽ chia sẻ với Cốm về đóng góp của ông và giải thích: đóng góp dù lớn hay nhỏ, không kể tuổi tác, giới tính, địa vị,... đều đáng được tôn trọng, ghi nhận và biết ơn.

** Tình huống 2:* Chia sẻ với em thông tin về bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, người có rất nhiều đóng góp cho cách mạng và nền y khoa nước nhà (Từng làm Bộ trưởng Bộ Y tế đầu tiên của Việt Nam; có rất nhiều nghiên cứu được ứng dụng vào thực tế chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân ở nhiều tỉnh, thành; nghiên cứu thành công vắc-xin ngừa bệnh lao (năm 1950), chính công trình nghiên cứu này đã được hơn 60 viện nghiên cứu của trên 40 quốc gia gửi đề nghị cung cấp tư liệu và vắc-xin).

Trong quá trình HS thảo luận nhóm, sắm vai xử lý tình huống, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên diễn và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV nhắc nhở HS tìm hiểu thêm những đóng góp của người có công với quê hương, đất nước và ý nghĩa của việc biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc kể tên, nêu đóng góp và ý nghĩa của việc biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện:

– Lập danh sách về đóng góp của các nhân vật có công với quê hương, đất nước tại địa phương em.

Ví dụ:

Tên người có công	Đóng góp của người có công

– Chia sẻ với bạn bè về đóng góp của các nhân vật có công với quê hương, đất nước tại địa phương em.

GV có thể tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm đôi, nhóm 4.

2. GV hướng dẫn HS sưu tầm bài hát, bài thơ về người có công với quê hương, đất nước.

3. Sau khi HS sưu tầm bài hát, bài thơ về người có công với quê hương, đất nước, GV tổ chức cho HS chia sẻ với bạn bè (có thể dán ở bảng tin, góc học tập của lớp; trao đổi trong giờ sinh hoạt theo chủ đề có liên quan). GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích, hỗ trợ HS thực hiện.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS.

Hoạt động 8: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS củng cố những điều đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài như *Rung chuông vàng*, tập trung củng cố lại tên nhân vật có công, đóng góp và ý nghĩa của việc biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của bài thơ:

*Người đóng góp cho quê hương
Xứng danh là những tấm gương sáng ngời
Bảo vệ Tổ quốc muôn đời
Dựng xây đất nước tuyệt vời hơn xưa.*

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con tìm hiểu hoặc giới thiệu cho con về tên và đóng góp của người có công với quê hương, đất nước.

2. Cha mẹ làm tấm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc tìm hiểu về tên và đóng góp của người có công với quê hương, đất nước và ghi nhớ ý nghĩa của việc biết ơn người có công với quê hương, đất nước. Cha mẹ phản hồi tích cực khi con tìm hiểu về tên và đóng góp của người có công với quê hương, đất nước và ghi nhớ ý nghĩa của việc biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Bài 2: EM BIẾT ƠN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Kính trọng, biết ơn người có công với quê hương, đất nước.
- *Nhân ái*: Thể hiện được sự yêu quý bạn bè trong quá trình thảo luận nhóm.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề (qua hoạt động sắm vai).
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập (qua hoạt động thảo luận nhóm).

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu, giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp); các hình ảnh minh họa, tài liệu về các danh nhân văn hoá thế giới của Việt Nam.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Nghe/hát bài hát *Biết ơn chị Võ Thị Sáu* (Nhạc và lời: Nguyễn Đức Toàn) và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em biết ơn người có công với quê hương, đất nước*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS hát/nghe bài hát, kết hợp với vỗ tay hoặc múa minh họa.
2. Sau khi HS hát/nghe bài hát, GV nêu yêu cầu để HS suy nghĩ và trả lời:

– Chia sẻ những điều em biết về chị Võ Thị Sáu.

– Lòng biết ơn chị Võ Thị Sáu được thể hiện như thế nào qua bài hát trên?

Gợi ý:

– **Giới thiệu về chị Võ Thị Sáu:** Chị Võ Thị Sáu sinh năm 1933 trong một gia đình nghèo ở huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày nay. Năm 1947, lúc 14 tuổi, chị Sáu bắt đầu làm giao liên cho lực lượng công an xung phong huyện Đất Đỏ. Tuy còn nhỏ tuổi nhưng chị rất mưu trí, nhanh nhẹn và luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Năm 1949, chị trở thành đội viên công an xung phong Đất Đỏ. Tháng 12/1949, trong một chuyến công tác, chị Sáu sa vào tay giặc. Trong hơn một tháng chị bị giam giữ tại nhà tù Đất Đỏ và khám đường Bà Rịa, địch đã dùng nhiều thủ đoạn tra tấn dã man nhưng chúng vẫn không lấy được một lời khai nào của chị, sau đó chúng đưa chị về giam giữ ở khám Chí Hòa, Sài Gòn. Mặc dù bị địch giam giữ nhưng chị Sáu vẫn tiếp tục làm liên lạc cho các đồng chí trong khám và cùng các chị em đấu tranh buộc địch phải cải thiện cuộc sống trong nhà tù. Trước tinh thần đấu tranh quyết liệt và không nao núng của chị Sáu cùng những đồng chí trong tù, dù không đủ bằng chứng, nhưng thực dân Pháp vẫn kết án tử hình và đày chị ra Côn Đảo. Chị Võ Thị Sáu hi sinh vào sáng ngày 23/1/1952. Khi giặc Pháp đưa chị ra xử bắn, chị vẫn ung dung bước đi, ngẩng cao đầu hát bài *Quốc tế ca*, thể hiện tinh thần bất khuất của người chiến sĩ cộng sản. Chị Sáu hi sinh đã để lại sự thương tiếc vô hạn cho đồng chí, đồng đội và đồng bào. Chị là người tử tù đầu tiên ở Côn Đảo và cũng là người nữ tù nhỏ tuổi nhất. Chị đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vào ngày 2/8/1993.

(Theo Cổng thông tin điện tử huyện Đất Đỏ, <https://datdo.baria-vungtau.gov.vn/>)

– **Lòng biết ơn chị Võ Thị Sáu được thể hiện qua bài hát:** Các thế hệ đời sau vẫn luôn ghi nhớ và biết ơn tấm gương anh hùng của chị, đến thăm viếng mộ chị và hát ngợi ca chị.

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: *Biết ơn người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm của mỗi công dân. Chúng ta có thể thể hiện lòng biết ơn này bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi và nhắc nhở mọi người như thế nào?*

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Đọc cuộc trò chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nêu được lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước (qua cuộc trò chuyện).

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm đôi. GV tổ chức cho HS phân vai đọc cuộc trò chuyện, thảo luận các câu hỏi:

– Theo em, vì sao cần tổ chức các hoạt động kỉ niệm vào ngày 27 tháng 7?

– Em cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước?

Gợi ý:

– Căn tổ chức các hoạt động kỉ niệm vào ngày 27 tháng 7 vì đây là ngày Thương binh – Liệt sĩ, ngày tri ân, tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ, thương binh, bệnh binh – những người có công với quê hương, đất nước; đây cũng là dịp nhắc nhở thế hệ sau về trách nhiệm phải sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh của các thế hệ đi trước.

– Tham gia các hoạt động thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước do nhà trường và địa phương tổ chức: viếng nghĩa trang liệt sĩ; viết thư cảm ơn, thăm hỏi các cô chú, ông bà là cựu chiến binh,...; tích cực học tập, rèn luyện để trở thành người có ích cho đất nước.

2. GV mời 1 – 2 nhóm đọc cuộc trò chuyện. Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: 27 tháng 7 hằng năm là ngày Thương binh – Liệt sĩ, ngày tri ân, tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ, thương binh, bệnh binh – những người có công với quê hương, đất nước. HS có thể tham gia các hoạt động thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước do nhà trường và địa phương tổ chức; tích cực học tập, rèn luyện để trở thành người có ích cho đất nước.

Hoạt động 3: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nêu được lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm. GV tổ chức cho HS nêu lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước thể hiện trong tranh. Nếu tổ chức theo nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm 4.

Gợi ý:

- *Tranh 1:* Chào hỏi lễ phép với người có công (vận động viên SEA Games).
- *Tranh 2:* Thăm viếng nghĩa trang, đền thờ liệt sĩ.
- *Tranh 3:* Tìm hiểu về gương người có công với quê hương, đất nước qua sách, báo,...
- *Tranh 4:* Đến thăm hỏi, giúp đỡ người có công đang gặp khó khăn (thương binh).
- *Tranh 5:* Bày tỏ sự ngưỡng mộ, kính trọng với người có công (các danh họa Việt Nam).
- *Tranh 6:* Vẽ tranh, viết thư bày tỏ lòng biết ơn gửi đến người có công (các thầy cô giáo đang công tác ở đảo xa).

Với mỗi tranh, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

2. GV tổ chức (nên thay đổi so với hoạt động trước đó) cho HS thực hiện yêu cầu: *Kể thêm những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.*

GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm, sử dụng kĩ thuật *Công não* (Trồng táo: viết lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn lên bảng nhóm hình quả táo và dán lên cây táo) hoặc sử dụng kĩ thuật *Trình bày một phút, XYZ, Khăn phủ bàn*.

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta có thể bày tỏ lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi như chào hỏi lễ phép, tìm hiểu về tấm gương người có công, thăm hỏi, giúp đỡ, viết thư,...

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS đồng tình với các ý kiến thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; không đồng tình với các ý kiến không thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày ý kiến. GV có thể sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

Các ý kiến:

– Ý kiến 1: Nói lời cảm ơn người có công với quê hương, đất nước là thể hiện lòng biết ơn đối với họ.

– Ý kiến 2: Chỉ thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước vào ngày lễ kỉ niệm.

– Ý kiến 3: Phấn đấu học tập và rèn luyện để trở thành công dân có ích cho đất nước cũng là việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

– Ý kiến 4: Quan tâm, giúp đỡ gia đình những người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm riêng của chính quyền.

– Ý kiến 5: Cần thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng thái độ chân thành, tôn trọng.

– Ý kiến 6: Nhắc nhở người khác có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm của người lớn.

Gợi ý: Đồng tình với ý kiến 1, 3, 5; không đồng tình với ý kiến 2, 4, 6.

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến này? để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ minh họa. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

Gợi ý:

– Không đồng tình với ý kiến 2 vì cần thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước mọi nơi, mọi lúc, không phải chỉ vào ngày lễ kỉ niệm.

– Không đồng tình với ý kiến 4 vì quan tâm, giúp đỡ gia đình những người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm chung của mọi người, HS nhỏ tuổi cũng có thể thực hiện bằng những việc làm phù hợp.

– Không đồng tình với ý kiến 6 vì ai cũng có trách nhiệm nhắc nhở người khác thể hiện thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Biết ơn người có công với quê hương, đất nước là trách nhiệm của mỗi công dân, cần được thực hiện mọi nơi, mọi lúc. Ai cũng có trách nhiệm nhắc nhở người khác thể hiện thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

Hoạt động 5: Bài tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình

a. Mục tiêu: HS đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện sự biết ơn người có công với quê hương, đất nước; không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện sự biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (không đồng tình). GV có thể sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

* *Tình huống 1:* Biết tin một em nhỏ học cùng trường có bố mẹ đã mất khi tình nguyện tham gia phòng chống dịch bệnh, Bin nói với Cốm: “Mình cùng giúp đỡ em nhỏ này nhé!”. Cốm đáp: “Không. Đó không phải cách thể hiện lòng biết ơn”.

* *Tình huống 2:* Na vừa quen một người bạn nước ngoài mới đến sống cùng khu phố. Na quyết định tìm hiểu và giới thiệu với bạn về một số nghệ nhân ở quê mình.

* *Tình huống 3:* Nhân dịp kỉ niệm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4), khu phố của Bin tổ chức thăm hỏi các gia đình có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bin đã xin phép bố mẹ cùng tham gia.

2. Sau mỗi tình huống, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình/không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS. GV hướng dẫn HS cách bày tỏ thái độ phù hợp khi thể hiện đồng tình hoặc không đồng tình.

Gợi ý:

* *Tình huống 1:* Đồng tình với Bin, nhưng cần giải thích cho Cốm rằng quan tâm, giúp đỡ gia đình người có công với quê hương, đất nước cũng là cách thể hiện lòng biết ơn.

* *Tình huống 2:* Đồng tình với việc Na tìm hiểu và giới thiệu với người bạn nước ngoài về một số nghệ nhân địa phương.

* *Tình huống 3:* Đồng tình với việc làm thăm hỏi các gia đình có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung thêm tình huống thường gặp ở địa phương để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta cần đồng tình với lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước; không đồng tình với lời nói, việc làm không thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước. Khi bày tỏ thái độ không đồng tình, chúng ta cần nhẹ nhàng, lịch sự.

Hoạt động 6: Xử lí tình huống

a. Mục tiêu:

– HS thể hiện được lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi qua tình huống.

– HS biết nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương, đất nước qua tình huống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách xử lí tình huống, phân công vai diễn và diễn lại tình huống trước lớp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận và phân vai diễn cho hợp lí.

2. GV mời HS nêu tình huống trước lớp trước khi thảo luận.

* *Tình huống 1:* Lan sống với mẹ vì bố đang công tác ở đảo xa. Na rủ các bạn trong lớp đến giúp đỡ, động viên gia đình Lan. Tuy nhiên, Bin lại không đồng tình vì cho rằng điều này không cần thiết.

Nếu là bạn của Bin, em sẽ làm gì?

* *Tình huống 2:* Nhân dịp sinh nhật Tin, bố tặng Tin quyển sách *Anh hùng nhỏ tuổi đất Việt*. Tin nói với Cốm: “Quyển sách này không hấp dẫn nên mình chưa đọc”.

Nếu là Cốm, em sẽ làm gì?

* *Tình huống 3:* Nhân kỉ niệm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12), nhà trường tổ chức buổi giao lưu với các cựu chiến binh. Trong lúc các bạn đang say sưa nghe kể chuyện lịch sử, Tin thì thầm với Bin: “Đây toàn là chuyện của người lớn. Mình xem truyện tranh đi Bin!”

Nếu là Bin, em sẽ làm gì?

* *Tình huống 4:* Khối lớp 5 tổ chức một buổi hoạt động trải nghiệm tại đền thờ liệt sĩ địa phương. Trong lúc các bạn đang tích cực tham gia hoạt động thì Cốm lại rủ Na trốn ra ngoài chơi.

Nếu là Na, em sẽ làm gì?

Gợi ý:

* *Tình huống 1:* Không đồng ý với Bin. Nếu là bạn của Bin, em sẽ giải thích cho Bin hiểu việc quan tâm, giúp đỡ gia đình người có công với quê hương, đất nước là cần thiết. Đồng thời, em sẽ thuyết phục Bin cùng tham gia hoạt động này.

* *Tình huống 2:* Nếu là Cốm, em sẽ thuyết phục Tin đọc và chia sẻ về quyển sách *Anh hùng nhỏ tuổi đất Việt*. Việc làm này vừa thể hiện sự trân trọng tình cảm của bố dành cho Tin, vừa giúp Tin mở rộng hiểu biết và thể hiện lòng biết ơn, kính trọng đối với những anh hùng nhỏ tuổi đất Việt.

* *Tình huống 3:* Không đồng tình với Tin, khuyên Tin nên tập trung lắng nghe để thể hiện sự kính trọng, biết ơn các cựu chiến binh và những người có công với quê hương, đất nước.

* *Tình huống 4:* Nếu là Na, em sẽ từ chối và khuyên Cốm nên cùng mọi người tham gia hoạt động. Điều này thể hiện trách nhiệm của người học sinh và lòng biết ơn đối với các anh hùng liệt sĩ.

Trong quá trình HS thảo luận nhóm, sắm vai xử lý tình huống, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên diễn và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV nhắc nhở HS thể hiện trách nhiệm của mình và nhắc nhở mọi người thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. GV lưu ý việc sử dụng cử chỉ phi ngôn ngữ của HS khi các em sắm vai.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện:

- *Sưu tầm hình ảnh và đóng góp của các Danh nhân văn hoá thế giới của Việt Nam.*
- *Chia sẻ với các bạn về những việc làm cụ thể để thể hiện lòng biết ơn các Danh nhân văn hoá thế giới của Việt Nam.*

6 danh nhân ở Việt Nam đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) vinh danh là Danh nhân văn hoá thế giới:

Chu Văn An (1292 – 1370)

Nguyễn Trãi (1380 – 1442)

Nguyễn Du (1765 – 1870)

Hồ Xuân Hương (1772 – 1822)

Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888)

Hồ Chí Minh (1890 – 1969)

GV hướng dẫn HS chọn hình thức trình bày (Powerpoint, báo tường,...) và thực hiện; có thể chuẩn bị ngữ liệu về các Danh nhân văn hoá trước đó. Sau khi HS hoàn thành, GV tổ chức cho HS chia sẻ với các bạn trong lớp theo kỹ thuật *Phòng tranh* (có thể dán ở bảng tin, góc học tập của lớp,...) hay trao đổi trong giờ sinh hoạt theo chủ đề có liên quan. GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích, hỗ trợ HS thực hiện.

2. GV tổ chức cho HS viết một bức thư gửi các chiến sĩ nơi đảo xa (lưu ý về bố cục thư, nội dung chính là thăm hỏi, cảm nhận, bày tỏ lòng biết ơn). Sau khi viết thư, GV tổ chức cho 2 – 3 HS chia sẻ thư trước lớp và gửi thư đến hải đảo (bỏ thư vào bao thư, dán tem,...).

3. GV nhắc HS chú ý nhắc nhở bạn bè thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS.

Hoạt động 8: củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những điều đã học, điều chỉnh hành vi để thể hiện và nhắc nhở người khác thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài như *Ô chữ*, *Trắc nghiệm nhanh*,... tập trung củng cố lại những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước và cách nhắc nhở người khác thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước. GV dặn dò HS thực hiện và nhắc nhở mọi người biết ơn người có công với quê hương, đất nước trong cuộc sống hằng ngày.

2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của hai câu thơ:

Biết ơn thế hệ cha anh

Quyết tâm rèn luyện, học hành chăm ngoan.

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con thực hiện những lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước và nhắc nhở người khác cùng thực hiện.

2. Cha mẹ làm tấm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc thực hiện và nhắc nhở người khác thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước. Cha mẹ phản hồi tích cực khi con thực hiện và nhắc nhở người khác thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC

Bài 3: EM TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

Nhân ái: Có ý thức và tự giác thể hiện thái độ, lời nói, hành động tôn trọng sự khác biệt của người khác; không phân biệt đối xử về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,... Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

– *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tích cực thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập; thực hiện được các lời nói và hành động tích cực với người khác trong giao tiếp thể hiện sự tôn trọng nét khác biệt của họ.

– *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Xử lí được các tình huống trong học tập và cuộc sống liên quan đến việc thể hiện sự tôn trọng người khác.

2.2. Năng lực đặc thù

– *Năng lực nhận thức chuẩn mực hành vi:* Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác; biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

– *Năng lực đánh giá hành vi của bản thân và người khác:* Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...

– *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Thể hiện được bằng lời nói và hành động thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

– *Tài liệu:* SGK, SGV, VBT.

– *Thiết bị dạy học:* Bài giảng điện tử, máy tính, máy chiếu (nếu có); giấy A4, A0 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp).

2. Học sinh

– *Tài liệu:* SGK, VBT (nếu có).

– *Dụng cụ:* Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Tham gia trò chơi *Người bí ẩn* và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, khám phá kiến thức mới, kết nối vào chủ đề bài học *Em tôn trọng sự khác biệt của người khác.*

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chuẩn bị một số phiếu ghi thông tin (khoảng 4 phiếu), mỗi phiếu ghi tên 1 HS trong lớp (nên chọn một số HS có những điểm khác biệt so với các bạn khác về ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,... để GV có thể liên hệ sát với tình hình thực tế của lớp).

2. GV mời 2 HS tham gia (1 nam, 1 nữ), mỗi em bốc một phiếu và mô tả đặc điểm của bạn có tên trong phiếu. Các bạn còn lại đoán tên của “người bí ẩn” trong phiếu. GV khen ngợi, động viên HS trả lời và HS tham gia trò chơi.

3. GV nêu câu hỏi cho cả lớp: *Vì sao các em tìm được người bí ẩn trong trò chơi này?*

4. GV mời HS xung phong trả lời câu hỏi và cho HS nhận xét lẫn nhau.

5. GV tổ chức cho HS liên hệ bản thân, chia sẻ về điểm khác biệt của mình (GV gợi ý: vùng miền, dân tộc, giới tính, chiều cao, cân nặng, màu tóc, màu mắt, sở thích, tính tình,...) và kết nối vào bài học.

Gợi ý: Mỗi chúng ta đều có sự khác biệt với mọi người xung quanh, chúng ta cần biết cách chấp nhận sự khác biệt của nhau để hợp tác, giảm sự bất hoà trong giao tiếp. Đồng thời, khi hiểu rõ sự khác biệt và chấp nhận sự khác biệt của người khác, chúng ta biết yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, nuôi dưỡng những mối quan hệ tốt đẹp ở lớp, trường, gia đình, với hàng xóm láng giềng...

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ cho HS: quan sát các tranh trang 16 – 17 SGK, nhận xét việc làm của các bạn trong tranh và nêu biểu hiện tôn trọng sự khác biệt được thể hiện trong các tranh trên.

2. Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả thảo luận, mỗi nhóm báo cáo về một tranh. Sau mỗi lượt báo cáo, các nhóm HS khác bổ sung ý kiến.

Gợi ý:

– *Tranh 1:* Bạn nam biết tôn trọng sự khác biệt. Biểu hiện: cùng nhau vui chơi không phân biệt giới tính (tôn trọng sự khác biệt giới tính).

– *Tranh 2:* Các bạn biết tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cá nhân và năng khiếu, sở trường của từng bạn. Biểu hiện: biết lắng nghe, có thái độ lịch sự khi bạn biểu diễn, không chê bai hay bình luận ác ý trước khiếm khuyết của bạn (tôn trọng sự khác biệt đặc điểm cá nhân).

– *Tranh 3:* Các bạn biết tôn trọng sự khác biệt của người khác. Biểu hiện: cùng nhau giúp đỡ, hỗ trợ bạn từ vùng khác đến (tôn trọng sự khác biệt vùng miền).

– *Tranh 4:* Các bạn biết tôn trọng sự khác biệt. Biểu hiện: vui chơi hoà đồng dù khác dân tộc (tôn trọng sự khác biệt dân tộc).

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và chốt lại: *Các bạn trong tranh có thái độ tôn trọng nhau dù khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, vùng miền, hoàn cảnh sống, dân tộc,... Biểu hiện của tôn trọng sự khác biệt là biết lắng nghe, có thái độ ứng xử lịch sự, sẵn sàng giúp đỡ người khác để họ thích nghi với môi trường mới, cùng học, cùng vui chơi hoà đồng.*

4. GV nêu yêu cầu để HS tiếp tục suy nghĩ và trả lời: *Nêu thêm các hành động, lời nói thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác* (Với nội dung này, GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật dạy học khác nhau để thực hiện).

5. GV tổng kết và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 3: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV mời HS đọc to thông tin ở trang 17 SGK trước lớp. Sau đó, GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: *Ý nghĩa của ngày Quốc tế Khoan dung là gì?*

GV nhận xét, động viên HS trả lời.

2. GV tiếp tục tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ (tùy điều kiện lớp học mà chia nhóm theo tổ hoặc vị trí chỗ ngồi) để trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao phải tôn trọng sự khác biệt của người khác?*

3. GV mời lần lượt các nhóm trả lời trước lớp và cho HS bổ sung, nhận xét lẫn nhau. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta cần phải tôn trọng sự khác biệt của người khác là vì:

– *Bất cứ ai cũng có những đặc điểm khác biệt với người khác (có thể mở rộng: ngay cả anh chị em sinh đôi cũng khác nhau về tính cách, sở thích,...) nên cần có thái độ tôn trọng sự khác biệt để giao tiếp hiệu quả, tránh xảy ra mâu thuẫn, nhất là các thái độ phân biệt đối xử, kì thị,... – đây là các thái độ tiêu cực làm cho người cùng học tập, cùng làm việc không vui vẻ và hạnh phúc.*

– *Tôn trọng sự khác biệt cũng là cơ hội để học hỏi những điểm mạnh, điểm tốt của người khác, giúp bản thân tiến bộ và hoàn thiện hơn.*

– Tôn trọng sự khác biệt của người khác giúp mỗi người biết cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ nhau.

– Tôn trọng sự khác biệt của người khác giúp tăng cường tinh thần hợp tác, đoàn kết và giúp cho xã hội cùng phát triển.

(GV có thể mở rộng thêm các ý kiến khác.)

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS củng cố tri thức về biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác và hiểu vì sao phải tôn trọng sự khác biệt của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chiếu lên màn hình hoặc treo lên bảng các ý kiến ở trang 18 SGK.

2. HS dùng thẻ mặt cười, mặt buồn để trả lời. Nếu đúng, giơ mặt cười; nếu sai, giơ mặt buồn (GV có thể linh hoạt thay mặt cười, mặt buồn thành các hình thức trả lời khác phù hợp với điều kiện lớp học).

3. Sau mỗi câu trả lời, GV yêu cầu HS giải thích và kết luận.

Gợi ý:

– *Ý kiến 1:* Sai. Vì đó là hành động thể hiện không tôn trọng sự khác biệt của người khác. Nên hoà nhã, lịch sự dù khác biệt về sở thích; không chê bai sở thích của người khác.

– *Ý kiến 2:* Đúng. Vì tôn trọng nhau sẽ giúp chúng ta nuôi dưỡng các mối quan hệ tốt đẹp và sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong học tập, cuộc sống.

– *Ý kiến 3:* Đúng. Tôn trọng sự khác biệt của người khác giúp chúng ta quan sát và học hỏi những điều hay, điều tốt từ họ.

– *Ý kiến 4:* Sai. Vì khi tôn trọng sự khác biệt của nhau, chúng ta có thể lắng nghe ý kiến của nhau và bình tĩnh hơn khi thảo luận các ý kiến trong làm việc nhóm, giúp giảm các bất hoà xảy ra. Tôn trọng sự khác biệt giúp nhóm làm việc hiệu quả hơn.

Hoạt động 5: Chọn cách ứng xử phù hợp và giải thích lí do

a. Mục tiêu: HS củng cố tri thức về biểu hiện, ý nghĩa của tôn trọng sự khác biệt của người khác; biết đồng tình với những biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác và không đồng tình với những biểu hiện không tôn trọng sự khác biệt của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động này theo hình thức nhóm nhỏ. GV phát phiếu giao nhiệm vụ để HS thực hiện nối nội dung phù hợp ở cột A với cột B (lưu ý: không nên cho HS viết vào SGK; nếu có VBT, có thể cho HS nối trong VBT).

2. GV mời từng nhóm trả lời, mỗi trường hợp là 1 nhóm, xoay vòng đến hết 6 tình huống. Với mỗi trường hợp, GV đặt câu hỏi *Tại sao lại ứng xử như vậy? Còn cách nào khác hay hơn mà em muốn đề xuất không?* để phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS.

Gợi ý đáp án: $a - 5$; $b - 4$; $c - 1$; $d - 2$; $e - 3$.

3. GV nhận xét, khen ngợi sự tích cực của HS và bổ sung thêm các tình huống thực tế gắn gũi với tâm lí của HS để định hướng cho các em cách giao tiếp tích cực trong học tập và cuộc sống.

Hoạt động 6: Bài tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình

a. Mục tiêu: HS không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức thi đua "Ai nhanh hơn?", chiếu hoặc đọc từng tình huống trang 19 SGK và HS giơ tay trả lời theo nhóm nhỏ (có thể phát cho mỗi nhóm một lá cờ hoặc chuông reo, tùy điều kiện thực tế mà GV quy định cách giành quyền trả lời). Nhóm nào trả lời nhanh và chính xác, GV khen thưởng phù hợp.

2. Sau mỗi tình huống, GV tổ chức cho các nhóm đánh giá, nhận xét lẫn nhau. GV nhận xét và nhấn mạnh thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với mỗi tình huống, liên hệ với thực tế lớp học để điều chỉnh hành vi cho HS trong lớp.

Gợi ý:

* *Tình huống a:* Không đồng tình. Vì Cốm nên tôn trọng sự khác biệt bằng việc chào hỏi, hỏi thăm khách từ quê lên, cần thể hiện sự thân thiện, niềm nở dù khác biệt về hoàn cảnh sống, vùng miền. Một số hành động Cốm có thể thực hiện như chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, mời nước, mời cơm, trả lời lịch sự các câu hỏi của khách bằng "Dạ, thưa...",... Nếu khách có dẫn theo em nhỏ hoặc bạn đồng trang lứa thì cùng chơi với em/bạn hoà đồng, vui vẻ.

* *Tình huống b:* Không đồng tình. Vì Bin không tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cá nhân của người khác. Chúng ta cần tôn trọng, giúp đỡ những người có khiếm khuyết trong cuộc sống, vì điều này thể hiện tính nhân văn, sự đồng cảm giữa con người với con người. Chúng ta cần lên án những lời nói, hành động trêu chọc, kì thị những người kém may mắn trong cuộc sống.

* *Tình huống c:* Không đồng tình. Vì Tin không tôn trọng sự khác biệt ý kiến, quan điểm của người khác. Nhiều ý kiến khác nhau giúp chúng ta có thêm thông tin và làm phong phú ý kiến cho các cuộc thảo luận hoặc làm việc nhóm. Chúng ta nên bình tĩnh lắng nghe, học hỏi cái hay của người khác. Nếu có sự khác biệt về quan điểm, cần bình tĩnh giải thích và nêu quan điểm của mình một cách lịch sự, từ tốn.

* *Tình huống d:* Đồng tình. Vì Na có biểu hiện lắng nghe người khác kể về văn hoá quốc gia họ, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá, sắc tộc.

* *Tình huống e:* Không đồng tình. Vì Hương không tôn trọng sự khác biệt về sở thích, hoàn cảnh của người khác. Chúng ta cần hoà đồng, hợp tác dù có sự khác biệt về sở thích, hoàn cảnh và bày tỏ thái độ phê phán với các hành vi tẩy chay, bắt nạt người khác.

3. GV có thể mở rộng thêm các tình huống thực tế gắn với HS trong lớp.

4. GV tổng kết, khen ngợi các nhóm và chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 7: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS thể hiện được bằng lời nói và hành động thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận và sắm vai xử lý tình huống (trang 19, 20 SGK) theo nhóm nhỏ. GV có thể phân công tình huống cho các nhóm hoặc cho bốc thăm ngẫu nhiên.

2. Với mỗi tình huống, GV mời từng nhóm sắm vai để xử lý tình huống, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho bạn (GV có thể đưa ra thêm câu hỏi *Vì sao em lại ứng xử như vậy?*).

Gợi ý:

* *Tình huống 1:* Em sẽ khuyên các bạn trong lớp không trêu chọc bạn; em chủ động làm quen và giúp bạn thích nghi với môi trường mới.

* *Tình huống 2:* Em sẽ tôn trọng ý kiến của bác Hai, bình tĩnh lắng nghe ý kiến của bác, hỏi thăm sức khỏe của bác và xin được cho cún ở trước nhà, lần sau đến nhà bác sẽ không dẫn theo cún nữa.

* *Tình huống 3:* Em sẽ khuyên các bạn không nên lo lắng và tạo điều kiện cho Lê phát huy sở trường của bạn, phân công cho Lê công việc liên quan đến năng khiếu vẽ. Em sẽ chủ động làm quen và giúp đỡ Lê thích nghi với môi trường mới.

* *Tình huống 4:* Em không đồng tình với việc làm của Ân vì làm như thế là không tôn trọng sự khác biệt của người khác. Nếu là Cốm, em sẽ chia sẻ cho Cam biết về những thế mạnh, ưu điểm khác của Cam để Cam tự tin hơn về bản thân mình.

3. GV tổng kết hoạt động và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Vận dụng

Hoạt động 8: Vẽ chân dung của em và chia sẻ những khác biệt mà em muốn mọi người tôn trọng

a. Mục tiêu: HS trình bày được các điểm khác biệt của bản thân để củng cố vai trò của việc tôn trọng sự khác biệt của mọi người.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV yêu cầu HS vẽ chân dung theo gợi ý của sơ đồ tư duy trang 20 SGK. GV có thể khuyến khích HS sáng tạo các hình thức khác nhau để trình bày được năng khiếu, hình dáng, thói quen, sở thích,... của mình.

2. GV tổ chức cho HS triển lãm tranh theo kỹ thuật *Phòng tranh* để chia sẻ về bản thân, qua đó HS hiểu nhau hơn.

3. GV tổng kết và đưa ra những phương pháp nhắc nhở việc tôn trọng sự khác biệt trong học tập và rèn luyện.

Hoạt động 9: Thực hiện cách ứng xử thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác và chia sẻ với các bạn về kết quả thực hiện

a. Mục tiêu: HS vận dụng tri thức để thực hiện các cách ứng xử thể hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm (mỗi tổ là một nhóm) để cùng thảo luận.
2. GV phân cho mỗi nhóm một cách ứng xử trong SGK (trang 21) để các nhóm thảo luận cách thực hiện. Sau đó, yêu cầu mỗi HS về nhà thực hiện và diễn kết quả sau vài tuần rèn luyện.

PHIẾU RÈN LUYỆN CÁCH ỨNG XỬ THỂ HIỆN THÁI ĐỘ TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC				
Thời gian thực hiện	Cách ứng xử	Hoàn cảnh thực hiện	Kết quả thực hiện	Nhận xét của GV
.....				
.....				
.....				
.....				
.....				
.....				

Lưu ý: Đây là hoạt động cần thời gian và không gian nên GV hướng dẫn HS tại lớp, còn việc thực hiện kế hoạch diễn ra trong thời gian ngoài giờ lên lớp và báo cáo kết quả vào các tiết học sau.

3. GV có thể kết hợp vấn đáp để HS chia sẻ quá trình thực hành, rèn luyện của mình về việc tôn trọng sự khác biệt của người khác, để GV có thể phản hồi và đánh giá sự tiến bộ của HS:

- Em đã có những việc làm nào thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác?
- Em có cảm xúc như thế nào khi thực hiện những việc làm đó?

4. GV nhận xét, đưa ra lời khuyên (nếu có) để HS có thể nâng cao hơn nữa thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác bằng lời nói, hành động cụ thể.

5. GV tổng kết hoạt động.

Hoạt động 10: củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại được những kiến thức, kĩ năng đã được học; liên hệ và điều chỉnh được lời nói, hành động thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể tổ chức một số trò chơi như *Ô chữ*, *Đuổi hình bắt chữ*, *Trắc nghiệm*,... để củng cố bài học cho HS. GV có thể nêu các câu hỏi cho HS chia sẻ:

- Em đã học được gì qua bài học này?
- Em thay đổi điều gì trong suy nghĩ và hành động để tôn trọng sự khác biệt của người khác?

2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của câu ghi nhớ: *Tôn trọng sự khác biệt của người khác cũng là tôn trọng chính mình.*

3. GV dặn dò HS:

- Thực hiện thường xuyên các lời nói, hành động tôn trọng sự khác biệt của người khác: lịch sự, lắng nghe, giúp đỡ, hợp tác; không phê phán, kì thị nhau.
- Nhắc nhở bạn bè và người xung quanh ứng xử lịch sự với nhau.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con về các biểu hiện và ý nghĩa của việc tôn trọng sự khác biệt của người khác trong giao tiếp ứng xử hằng ngày.

2. Cha mẹ làm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc tôn trọng sự khác biệt của người khác bằng thái độ không kì thị, không phân biệt đối xử về giới tính, hoàn cảnh, dân tộc, đặc điểm cá nhân,... Cha mẹ bày tỏ niềm vui và tiếp tục động viên khi con biết giao tiếp lịch sự, tôn trọng người khác; có biện pháp nhắc nhở, chỉ bảo và gợi ý cách khắc phục nếu con còn có thái độ chưa phù hợp, chưa tôn trọng sự khác biệt của mọi người xung quanh.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: VƯỢT QUA KHÓ KHĂN

Bài 4: EM NHẬN BIẾT KHÓ KHĂN TRONG HỌC TẬP VÀ CUỘC SỐNG (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Chăm học, chăm làm.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức trách nhiệm với bản thân.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Xác định được khó khăn của bản thân trong học tập và cuộc sống.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống; kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn; biết vì sao phải vượt qua khó khăn.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu, giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp); các hình ảnh minh họa, tài liệu về khó khăn trong học tập và cuộc sống.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHOẢNG ĐỘNG

Hoạt động 1: Chia sẻ về những khó khăn em từng gặp trong học tập và cuộc sống

a. Mục tiêu: HS chia sẻ được về những khó khăn em từng gặp trong học tập và cuộc sống; HS có nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS chia sẻ về những khó khăn mình từng gặp trong học tập và cuộc sống.
2. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Trong cuộc sống, bất kì ai cũng sẽ gặp những khó khăn và thử thách. Ở tuổi HS như các em, chúng ta có thể gặp những khó khăn nào trong học tập và cuộc sống?

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nêu được các loại khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm. GV tổ chức cho HS mô tả các tranh ở trang 22 SGK, nêu tên các loại khó khăn trong học tập và cuộc sống được thể hiện trong tranh. Nếu tổ chức theo nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm đôi, thực hiện yêu cầu:

– *Nêu những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và cuộc sống được thể hiện trong các tranh.*

– *Nêu thêm những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và cuộc sống.*

Gợi ý:

– *Tranh 1:* Khó khăn khi hoạt động nhóm trong học tập.

– *Tranh 2:* Khó khăn khi người thân bị ốm.

– *Tranh 3:* Khó khăn trong việc làm chủ bản thân.

– *Tranh 4:* Khó khăn khi viết sai chính tả trong học tập.

2. GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp.

3. GV tạo điều kiện cho các HS nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả làm việc của HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Có nhiều loại khó khăn trong học tập và cuộc sống đối với HS tiểu học như: khó khăn khi làm việc nhóm, viết sai chính tả, quản lí cảm xúc của bản thân,...

Hoạt động 3: Thảo luận về các biểu hiện vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống

a. Mục tiêu: HS nêu được các biểu hiện vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống (qua cuộc trò chuyện).

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm đôi. GV tổ chức cho HS phân vai đọc cuộc trò chuyện theo nhóm đôi, thảo luận về các biểu hiện vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

Gợi ý:

– *Mình luôn chủ động nói ra cảm xúc, suy nghĩ với người xung quanh.*

– *Đừng quên tìm kiếm sự hỗ trợ từ người xung quanh khi bạn gặp khó khăn.*

2. GV mời 1 – 2 nhóm đọc cuộc trò chuyện. Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Liệt kê những khó khăn trong học tập và cuộc sống, chủ động đề xuất biện pháp vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống, tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ từ những người xung quanh,...

Hoạt động 4: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm. GV tổ chức cho HS đọc câu chuyện *Vượt khó trong học tập* hoặc lắng nghe GV đọc. Nếu tổ chức theo nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm 4, đọc câu chuyện trong nhóm (có thể đọc phân đoạn) và trả lời câu hỏi.

2. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi đọc/nghe câu chuyện:

– *Bạn Thế Phong đã vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống như thế nào?*

– *Theo em, vì sao phải vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống?*

Gợi ý:

– Bạn Thế Phong sinh ra đã bị liệt tứ chi, phải cúi đầu ngậm lấy bút, kê lên tay rồi dùng cằm đưa bút đi từng nét chữ.

– Vượt qua khó khăn sẽ giúp chúng ta phát triển bản thân và đạt được thành công trong cuộc sống.

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả thi đua của các nhóm.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS có thái độ phù hợp với các ý kiến về nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày ý kiến. GV có thể sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

Các ý kiến:

Ý kiến 1: *Khi gặp khó khăn, thử thách liền chán nản, buông xuôi.*

Ý kiến 2: *Vượt khó trong học tập giúp bản thân tiến bộ hơn.*

Ý kiến 3: *Vượt khó khăn giúp rèn luyện sự kiên trì, nhẫn nại.*

Ý kiến 4: *Mỗi người đều có các khó khăn giống nhau trong học tập và cuộc sống.*

Ý kiến 5: *Khó khăn do hoàn cảnh sống chứ không xuất phát từ bản thân.*

Ý kiến 6: *Người có tinh thần vượt khó là người biết phấn đấu, vươn lên trong cuộc sống.*

Gợi ý: Đồng tình với ý kiến 2, 3, 6; không đồng tình với ý kiến 1, 4, 5.

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến này?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ minh họa. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta cần đồng tình với các ý kiến: “Vượt khó trong học tập giúp bản thân tiến bộ hơn; Vượt khó khăn giúp rèn luyện sự kiên trì, nhẫn nại; Người có tinh thần vượt khó là người biết phấn đấu, vươn lên trong cuộc sống” và bày tỏ thái độ không đồng tình với ý kiến chưa phù hợp: “Khi gặp khó khăn, thử thách liền chán nản, buông xuôi; Mỗi người đều có các khó khăn giống nhau trong học tập và cuộc sống; Khó khăn do hoàn cảnh sống chứ không xuất phát từ bản thân”.

Hoạt động 6: Ý kiến của em

a. Mục tiêu: HS có thái độ phù hợp với các việc làm khi gặp khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi việc làm lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày quan điểm bản thân. GV có thể sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

Các việc làm:

- Việc làm 1: Khi khu phố bị mất điện, Na đã thấp nển để chuẩn bị cho buổi học ngày mai.
- Việc làm 2: Trong giờ học Tiếng Việt, Bin chưa hiểu bài nhưng sợ bạn bè trêu chọc nên không dám hỏi cô giáo.
- Việc làm 3: Tin thường hỏi hớp khi thuyết trình trước đám đông nên đã luyện tập và chuẩn bị kĩ để thêm tự tin.
- Việc làm 4: Cối ngại tâm sự hay chia sẻ với người khác mỗi khi có chuyện buồn trong học tập và cuộc sống.

Gợi ý: Đồng tình với việc làm 1, 3; không đồng tình với việc làm 2, 4.

2. Sau mỗi việc làm, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với việc làm này?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng việc làm, có thể nêu ví dụ minh họa. GV nhắc lại việc làm có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta cần đồng tình với các việc làm: “Khi khu phố bị mất điện, Na đã thấp nển để chuẩn bị cho buổi học ngày mai; Tin thường hỏi hớp khi thuyết trình trước đám đông nên đã luyện tập và chuẩn bị kĩ để thêm tự tin” và bày tỏ thái độ không đồng tình với việc làm chưa phù hợp: “Trong giờ học Tiếng Việt, Bin chưa hiểu bài nhưng sợ bạn bè trêu chọc nên không dám hỏi cô giáo; Cối ngại tâm sự hay chia sẻ với người khác mỗi khi có chuyện buồn trong học tập và cuộc sống”.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động cá nhân, dành thời gian cho HS tự chuẩn bị nội dung liên quan đến những khó khăn trong học tập, cuộc sống mà HS gặp phải và cách vượt qua các khó khăn này.

2. GV tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên, mời 5 – 7 HS thuyết trình về khó khăn trong học tập, cuộc sống mà HS gặp phải và cách vượt qua các khó khăn này. Mỗi HS có 2 – 3 phút thuyết trình nội dung đã chuẩn bị.

3. GV dành thời gian cho HS sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ thể hiện ý chí, nghị lực vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống

3. GV tuyên dương và ghi nhận sự nỗ lực của HS. GV động viên HS chia sẻ những nội dung này với bạn bè, người thân.

Hoạt động 8: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những điều đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài như *Trắc nghiệm nhanh*, *Ô chữ*, *Rung chuông vàng*; tập trung củng cố cho HS cách nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống.

2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của bài thơ:

*Đương đầu với những khó khăn
Gian nan rèn luyện bản thân mỗi ngày
Chăm làm, chăm học hăng say
Vững lòng, bền chí, việc hay sẽ thành.*

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để cùng phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống.

2. Cha mẹ làm tấm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc nhận biết khó khăn trong học tập, cuộc sống và biểu hiện của vượt qua khó khăn. Cha mẹ phản hồi tích cực khi con tìm hiểu vì sao phải vượt qua khó khăn.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Bài 5: EM VƯỢT QUA KHÓ KHĂN TRONG HỌC TẬP VÀ CUỘC SỐNG

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Chăm học, chăm làm.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức trách nhiệm với bản thân.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt; quý trọng gương vượt khó trong học tập và cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu, giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp); các hình ảnh minh họa, tài liệu về khó khăn trong học tập và cuộc sống.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞ ĐỘNG

Hoạt động 1: Quan sát ảnh và chia sẻ cảm nghĩ

a. Mục tiêu: HS chia sẻ được cảm nghĩ về khó khăn khi đến trường của các bạn HS ở miền núi; HS có nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS quan sát bức ảnh *Con đường đến trường mùa mưa lũ của các bạn ở miền núi*.
2. Sau khi HS quan sát bức ảnh, GV nêu yêu cầu để HS suy nghĩ và chia sẻ cảm nghĩ.
3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Con đường đến trường mùa mưa lũ của các bạn ở miền núi rất khó khăn, bất tiện nhưng các bạn vẫn nỗ lực đến trường để học tập.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS nêu được các cách vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm. GV tổ chức cho HS quan sát tranh, thảo luận về các cách vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống để trả lời hai câu hỏi:

- Các bạn đã vượt qua khó khăn của bản thân trong học tập và cuộc sống như thế nào?
- Em sẽ làm gì để vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống? Nêu ví dụ.

2. GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp.

3. GV tạo điều kiện cho HS nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả làm việc của HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Có nhiều cách vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống như: xác định nguyên nhân của khó khăn; tập trung vào giải pháp; tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác; tập luyện sự kiên trì; đặt mục tiêu và quản lí thời gian hiệu quả,...

Hoạt động 3: Đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS biết quý trọng tấm gương vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm: GV tổ chức cho HS đọc thông tin hoặc lắng nghe GV đọc. Nếu tổ chức theo nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm 4, đọc câu chuyện trong nhóm (có thể đọc phân đoạn) và thực hiện yêu cầu.

2. GV yêu cầu HS trả lời sau khi đọc/nghe đọc thông tin:

- *Nêu cảm nghĩ của em về hai tấm gương vượt khó nói trên.*
- *Theo em, cần thể hiện thái độ như thế nào với những tấm gương vượt khó trong học tập và cuộc sống?*

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả thi đua của các nhóm.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Hai tấm gương Mạc Đĩnh Chi và Phạm Ngọc Tiểu Vy sinh ra trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn. Với tinh thần ham học hỏi và nghị lực của mình, các nhân vật đã vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống để đạt được những thành tích xứng đáng.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS có thái độ phù hợp với các ý kiến về vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày ý kiến. GV có thể linh hoạt sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

Các ý kiến:

- Ý kiến 1: Để vượt qua khó khăn, cần suy nghĩ lạc quan và có niềm tin vào cuộc sống.
- Ý kiến 2: Những tấm gương vượt qua khó khăn sẽ làm học sinh cảm thấy áp lực, thiếu tin tưởng vào bản thân.
- Ý kiến 3: Để vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống, cần nỗ lực, kiên trì với những việc mình làm, phấn đấu đạt được mục tiêu đã đặt ra.
- Ý kiến 4: Những tấm gương vượt khó truyền tải và lan tỏa giá trị tích cực nên cần tôn trọng, yêu quý và nêu gương họ.
- Ý kiến 5: Mọi khó khăn trong học tập và cuộc sống đều có thể vượt qua nếu quyết tâm và tìm được cách giải quyết phù hợp.
- Ý kiến 6: Chúng ta cần khích lệ, động viên nhau để cùng vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống.

Gợi ý: Đồng tình với ý kiến 1, 3, 4, 5, 6; không đồng tình với ý kiến 2.

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến này?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ minh họa. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta cần đồng tình với các ý kiến: “Để vượt qua khó khăn, cần suy nghĩ lạc quan và có niềm tin vào cuộc sống; Để vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống, cần nỗ lực, kiên trì với những việc mình làm, phấn đấu đạt được mục tiêu đã đặt ra; Những tấm gương vượt khó truyền tải và lan tỏa giá trị tích cực nên cần tôn trọng, yêu quý và nêu gương họ; Mọi khó khăn trong học tập và cuộc sống đều có thể vượt qua nếu quyết tâm và tìm được cách giải quyết phù hợp; Chúng ta cần khích lệ, động viên nhau để cùng vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống”.

Hoạt động 5: Bày tỏ ý kiến

a. Mục tiêu: HS có thái độ, cách ứng xử phù hợp với các trường hợp cụ thể gặp khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi trường hợp lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày quan điểm bản thân. GV có thể sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

Các trường hợp:

* Trường hợp 1: Sắp đến kiểm tra cuối học kì 1, Na và Cốm đều lo lắng nhưng cách giải quyết của hai bạn lại khác nhau. Na lên kế hoạch ôn bài và tâm sự với bạn để giải tỏa căng thẳng. Cốm thì chơi trò chơi điện tử, đọc truyện tranh.

– Em đồng ý với cách giải quyết khó khăn của bạn nào? Vì sao?

– Chia sẻ thêm với hai bạn một số cách để vượt qua sự lo lắng trong học tập hay trong cuộc sống.

* Trường hợp 2: Dù hoàn cảnh gia đình khó khăn, Kiên vẫn vươn lên để đạt nhiều thành tích trong học tập và rèn luyện. Thế nhưng, một vài bạn trong lớp vẫn không muốn vui chơi và làm việc nhóm cùng Kiên.

– Nhận xét về thái độ của một vài bạn trong lớp với Kiên.

– Nếu là bạn cùng lớp với Kiên, em sẽ làm gì?

Gợi ý:

* Trường hợp 1: Em đồng tình với cách giải quyết khó khăn của bạn Na vì Na biết lên kế hoạch ôn bài và tâm sự với bạn để giải tỏa căng thẳng; không đồng tình với Cốm vì Cốm chơi trò chơi điện tử, đọc truyện tranh. Các bạn có thể đặt mục tiêu về bài kiểm tra, chia nhỏ mục tiêu và tìm kiếm sự hỗ trợ từ thầy cô giáo.

* Trường hợp 2: Em thấy một số bạn trong lớp vẫn không muốn vui chơi và làm việc nhóm cùng Kiên là chưa hoà đồng. Nếu là bạn cùng lớp với Kiên, chúng kiến nỗ lực vượt qua khó khăn của Kiên, em sẽ yêu quý và tôn trọng Kiên.

2. Sau mỗi trường hợp, GV có thể nêu thêm câu hỏi để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ rõ hơn thái độ với từng trường hợp. GV nhắc lại trường hợp có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 6: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS rèn luyện để thể hiện được bằng lời nói và hành động vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận và sắm vai xử lý tình huống theo nhóm nhỏ. GV nên phân công tình huống cho các nhóm hoặc cho bốc thăm ngẫu nhiên.

2. Với mỗi tình huống, GV mời từng nhóm sắm vai để xử lý tình huống, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho bạn (GV có thể đưa ra thêm câu hỏi *Vì sao em lại ứng xử như vậy?*).

* Tình huống 1: Tin nghĩ mãi nhưng vẫn chưa hoàn thành bài luyện tập mà cô hướng dẫn.

Nếu là Tin, em sẽ làm gì?

* Tình huống 2: Bố mẹ phải đi công tác xa nhà một tháng nên Cốm sang ở với ông bà.

– Theo em, Cốm sẽ gặp những khó khăn gì?

– Nếu là Cốm, em sẽ vượt qua những khó khăn đó như thế nào?

* Tình huống 3: Bin bị ốm nên phải nghỉ học nhiều ngày. Khi đi học lại, Bin cảm thấy khó khăn vì không theo kịp bài trên lớp.

Nếu là Bin, em sẽ làm gì?

Gợi ý:

* Tình huống 1: Tin nên chia nhỏ bài luyện tập cô hướng dẫn để hoàn thành từng bước. Nếu khó quá sẽ nhờ sự trợ giúp từ bạn bè và thầy cô.

* *Tình huống 2:* Cốm sẽ không được gặp bố mẹ trong một tháng và phải thay đổi điều kiện sinh hoạt thường ngày. Cốm sẽ tập thích nghi với điều kiện sinh hoạt khi ở cùng với ông bà.

* *Tình huống 3:* Tin sẽ xác định những bài học mình không theo kịp và nhờ sự hỗ trợ từ bạn bè, thầy cô.

3. GV tổng kết hoạt động và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động cá nhân, cho HS thời gian để tự chuẩn bị nội dung liên quan đến những tấm gương vượt qua khó khăn trong học tập, cuộc sống và kế hoạch khắc phục khó khăn.

2. GV tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên, mời 5 – 7 HS chia sẻ về các tấm gương vượt khó trong học tập, cuộc sống. Mỗi HS sẽ có 2 – 3 phút chia sẻ nội dung đã chuẩn bị.

3. GV cho HS thời gian lập kế hoạch khắc phục những khó khăn trong học tập, trong cuộc sống của em và thực hiện kế hoạch đó.

4. GV tuyên dương và ghi nhận sự nỗ lực của HS. GV động viên HS chia sẻ những nội dung này với bạn bè, người thân.

Hoạt động 8: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những điều đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài như *Trắc nghiệm nhanh*, *Ô chữ*, *Rung chuông vàng*; tập trung củng cố lại cho HS cách vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của câu tục ngữ: *Lửa thử vàng, gian nan thử sức*.

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để cùng phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.

2. Cha mẹ làm tấm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc vượt qua khó khăn trong học tập, cuộc sống và quý trọng tấm gương vượt qua khó khăn trong học tập, cuộc sống.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT

Bài 6: EM BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

Trung thực: Biết bảo vệ cái đúng, cái tốt.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tích cực thảo luận nhóm để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Xử lý được các tình huống trong việc bảo vệ cái đúng, cái tốt.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được cái đúng, cái tốt cần bảo vệ; biết vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt; biết một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt; mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu:* SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học:* Bài giảng điện tử, máy tính, máy chiếu, giấy A4 (ghi chú hoặc giấy nháp); hình bông hoa, hình ảnh về những cái đúng, cái tốt và cái xấu.

2. Học sinh

- *Tài liệu:* SGK, VBT (nếu có).
- *Dụng cụ:* Bút viết, vở ghi, bảng con, phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Nghe và hát bài hát *Nói lời hay, làm việc tốt* (Sáng tác: Mai Trâm) và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, kích hoạt kinh nghiệm và kết nối vào bài học *Em bảo vệ cái đúng cái tốt*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS nghe/hát bài hát, kết hợp với vỗ tay.
2. Sau khi HS nghe/hát, GV đặt câu hỏi cho cả lớp: *Trong bài hát có những việc tốt nào mà HS cần thực hiện?*

3. GV mời 3 – 5 HS chia sẻ và đặt câu hỏi sâu hơn: *Em đã thực hiện được những việc tốt nào?* để khai thác kiến thức và kinh nghiệm của HS.

4. Sau khi HS chia sẻ xong, GV ghi nhận thông tin và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Bảo vệ cái đúng, cái tốt là trách nhiệm của mỗi cá nhân chúng ta. Bởi lẽ những cái xấu luôn ở xung quanh, nếu không có sự nỗ lực bảo vệ cái đúng, cái tốt thì cái xấu sẽ ảnh hưởng đến bản thân và sự phát triển của xã hội. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về cái đúng, cái tốt và việc bảo vệ cái đúng, cái tốt.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và nêu những cái đúng, cái tốt cần bảo vệ

a. Mục tiêu: HS nhận biết được cái đúng, cái tốt cần bảo vệ.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo từng tổ/nhóm và giao nhiệm vụ: quan sát các tranh trang 30 SGK và thảo luận để kể tên những cái đúng, cái tốt ở từng bức tranh (có thể tổ chức cho HS thực hiện sắm vai một trong số 4 tình huống thể hiện trong 4 bức tranh trong thời gian 3 phút tùy năng lực của từng lớp)

2. Lần lượt từng nhóm báo cáo kết quả thảo luận nhóm. Sau mỗi lượt báo cáo, các nhóm khác sẽ bổ sung ý kiến.

Gợi ý:

– *Tranh 1:* Giúp đỡ người già hoặc những người gặp khó khăn. Biểu hiện: Bạn nam mặc áo vàng đỡ và hỏi thăm bà cụ bị ngã (phẩm chất nhân ái).

– *Tranh 2:* Bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia. Biểu hiện: Hai bạn HS đang trò chuyện và khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam (phẩm chất yêu nước).

– *Tranh 3:* Giúp đỡ cha mẹ. Biểu hiện: Sau khi học xong, bạn nam bên trái thể hiện mong muốn giúp đỡ bố mẹ làm việc nhà (phẩm chất trách nhiệm).

– *Tranh 4:* Nhặt được của rơi, trả lại người đánh mất. Biểu hiện: Bạn HS nữ bên trái chọn cách đem ví đến văn phòng để nhờ trả lại người đánh rơi (phẩm chất trung thực).

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và kết luận: *Cần nhận biết được cái đúng, cái tốt trong học tập, sinh hoạt để bảo vệ và thực hiện những việc làm đúng, việc làm tốt trong phạm vi có thể để giúp đỡ người khác cũng như rèn luyện bản thân. Đồng thời, tránh những việc làm xấu, những việc làm chưa tốt.*

4. GV nêu yêu cầu để HS tiếp tục suy nghĩ và trả lời: *Nêu thêm những cái đúng, cái tốt khác cần được bảo vệ.* GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân bằng cách sử dụng các kĩ thuật dạy học khác nhau để thực hiện.

5. GV tổng kết và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS trình bày được lí do vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV mời HS đọc to tình huống trước lớp. Sau đó, GV nêu lần lượt câu hỏi và yêu cầu từ 3 – 5 HS trả lời:

- Theo em, nhà thơ cuối cùng trong câu chuyện đã bảo vệ cái đúng, cái tốt như thế nào?
- Hành động đó đã mang lại điều gì?

Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và động viên HS.

2. GV tiếp tục tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Vì sao chúng ta cần bảo vệ cái đúng, cái tốt?*

3. GV lần lượt mời một số nhóm trả lời và cho HS bổ sung, nhận xét lẫn nhau. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động và chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Chúng ta cần phải bảo vệ cái đúng, cái tốt là vì:

– Bảo vệ cái đúng, cái tốt giúp bản thân từng bước trở thành người có ích cho xã hội, phát triển nhân cách bản thân.

– Bảo vệ cái đúng, cái tốt là cơ sở để bản thân học tập và phát triển.

– Bảo vệ cái đúng, cái tốt giúp cho môi trường sống trở nên lành mạnh, tốt đẹp và an toàn.

– Bảo vệ cái đúng, cái tốt để không bị ảnh hưởng từ cái xấu.

– Phát huy, bảo vệ cái đúng, cái tốt sẽ giúp xã hội trở nên văn minh và phát triển.

(GV có thể mở rộng thêm các ý kiến khác.)

Hoạt động 4: Quan sát tranh và nêu cách các bạn trong tranh đã bảo vệ cái đúng, cái tốt

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức vừa học về bảo vệ cái đúng, cái tốt.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chiếu lên màn hình hoặc yêu cầu HS lần lượt mô tả các tranh trang 31 – 32 SGK.

2. GV chia lớp thành 2 nhóm lớn và tổ chức trò chơi mang tính chất thi đua. Khi GV chiếu tranh, lần lượt HS từ 2 nhóm đi lên và ghi lên bảng câu trả lời của nhóm mình trong thời gian quy định (tùy năng lực của HS mà GV quy định thời gian từ 3 đến 5 phút).

Gợi ý:

– *Tranh 1:* Trong lúc học nhóm, các bạn HS đã chọn cách tự làm bài tập của mình, tránh việc sao chép kết quả của nhóm khác. Điều này thể hiện phẩm chất trung thực trong học tập và cuộc sống.

– *Tranh 2:* Khi chuẩn bị đi nhà sách, thấy chị gái không đội mũ bảo hiểm, em trai nhắc nhở chị cần nghiêm chỉnh chấp hành Luật An toàn giao thông để đảm bảo an toàn. Đây là hành động thể hiện phẩm chất trách nhiệm trong cuộc sống.

– *Tranh 3:* Khi thấy cây mới trồng cạnh vỉa hè bị đổ nghiêng, Na giúp trồng lại cây. Đây là việc làm thể hiện phẩm chất trách nhiệm và nhân ái.

– *Tranh 4:* Khi Na lỡ tay làm hỏng đồ chơi của Cốm, Na xin lỗi bạn. Đây là hành động thể hiện phẩm chất trung thực.

3. GV tuyên dương tinh thần HS và nêu yêu cầu để HS tiếp tục suy nghĩ: *Em hãy kể thêm các cách khác để bảo vệ cái đúng, cái tốt* (Với nội dung này, GV có thể linh hoạt sử dụng các kỹ thuật dạy học khác nhau để thực hiện và liên hệ với 5 phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm).

4. GV tổng kết và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS củng cố lại tri thức và hiểu được vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chiếu lần lượt các ý kiến lên màn hình.

2. HS dùng bảng dấu tích (✓) hoặc bảng chữ X để trả lời. Nếu đồng tình, giơ dấu ✓; nếu không đồng tình, giơ dấu X (GV có thể linh hoạt thay dấu bằng các hình thức độc đáo khác phù hợp với điều kiện lớp học).

3. Sau mỗi câu trả lời, GV yêu cầu HS giải thích và đưa ra kết luận.

Gợi ý:

– *Ý kiến 1:* Sai. Vì tuổi nhỏ vẫn có thể bảo vệ cái tốt, cái đúng xung quanh phù hợp với năng lực của mình.

– *Ý kiến 2:* Đúng. Vì bảo vệ cái đúng, cái tốt phải theo chuẩn mực đạo đức và pháp luật thì mới được xã hội công nhận.

– *Ý kiến 3:* Đúng. Vì đây là ý nghĩa của việc bảo vệ cái đúng, cái tốt.

– *Ý kiến 4:* Có thể đồng tình hoặc không:

+ Đúng. Vì cần tránh xa cái xấu để bảo vệ bản thân.

+ Sai. Vì không phải việc nào không liên quan đến mình cũng là việc xấu; nếu đó là việc tốt, cần biết lên tiếng bảo vệ vì sự tiến bộ của xã hội.

– *Ý kiến 5:* Đúng. Vì bảo vệ cái đúng, cái tốt là thực hiện những việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và nội quy trường, lớp; bảo vệ cái đúng từ những việc nhỏ, vừa sức xung quanh mình.

– *Ý kiến 6:* Đúng. Vì cái đúng, cái tốt không phải những điều viển vông, mơ hồ mà là người thật, việc thật trong cuộc sống. Bảo vệ cái đúng, cái tốt là tôn trọng sự thật.

Hoạt động 6: Đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến? Vì sao?

a. Mục tiêu: HS được củng cố tri thức về bảo vệ cái đúng, cái tốt trong các trường hợp cụ thể; biết đồng tình hay không đồng tình với những biểu hiện khác nhau của cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể tổ chức trò chơi, chia HS thành các nhóm 4 hoặc 6 và mời các nhóm lên thi với nhau. 2 hoặc 3 HS trong mỗi nhóm sẽ sắm vai mô tả lại trường hợp và 2 hoặc 3 HS còn lại sẽ đoán việc làm, nhận xét về việc làm đã được thể hiện.

2. Sau khi nhận xét từng trường hợp, GV sẽ hỏi các nhóm để tổng kết lại ý kiến đồng tình hay không đồng tình và giải thích vì sao.

3. GV khen ngợi từng nhóm và mời các nhóm khác bổ sung thêm.

Gợi ý:

– *Ý kiến 1:* Đồng tình. Vì Cốm và Cam đã thể hiện việc bảo vệ cái đúng, cái tốt; biểu hiện: lễ phép chào hỏi người lớn (phẩm chất nhân ái).

– *Ý kiến 2:* Không đồng tình. Vì Cốm đã thể hiện việc thiếu tôn trọng và trách nhiệm đối với các hoạt động cộng đồng (phẩm chất trách nhiệm).

– *Ý kiến 3:* Không đồng tình. Vì đó là việc làm sai, không nên lặp lại (phẩm chất trung thực).

– *Ý kiến 4:* Đồng tình. Vì Na đã biết tuân thủ luật lệ giao thông (phẩm chất trách nhiệm).

Hoạt động 7: Chọn cách ứng xử phù hợp và giải thích lí do

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức và củng cố lại những biểu hiện của bảo vệ cái đúng, cái tốt; biết cách ứng xử phù hợp và tránh những biểu hiện không phù hợp.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chuẩn bị tài liệu điện tử hoặc những lá thăm tùy điều kiện lớp học kèm trò chơi “Chiếc hộp may mắn”: khi mở hộp, câu hỏi sẽ hiện lên dưới dạng trắc nghiệm buộc HS phải trả lời, mỗi hộp tương ứng với một trường hợp và đáp án sẽ là 5 cách ứng xử.

2. GV mời HS xung phong trả lời, ở mỗi câu trả lời đều cần chốt lại ý kiến. Đồng thời, GV cần đặt thêm câu hỏi mở rộng cho mỗi trường hợp: *Tại sao lại chọn cách ứng xử như vậy? Theo em, còn có thể bảo vệ cái đúng, cái tốt bằng những lời nói, việc làm nào khác trong trường hợp này không?*

3. GV nhận xét và khen ngợi sự tích cực của HS (có thể bổ sung thêm những tình huống thực tế gần gũi với cuộc sống, để định hướng các em biết bảo vệ cái đúng, cái tốt xung quanh mình).

Gợi ý đáp án: a – 2; b – 1; c – 5; d – 3; e – 4.

Hoạt động 8: Xử lí tình huống

a. Mục tiêu: HS bày tỏ thái độ và linh hoạt tìm ra cách ứng xử phù hợp với tình huống, phát huy năng lực giải quyết vấn đề.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và tổ chức cho các nhóm thảo luận, sắm vai để xử lí các tình huống. GV giao tình huống cho mỗi nhóm hoặc cho các nhóm bốc thăm chọn ngẫu nhiên.

2. Sau thời gian thảo luận nhóm, GV mời lần lượt các nhóm sắm vai và xử lí tình huống trước lớp. Ở mỗi tình huống được HS giải quyết, GV cần đánh giá, nhận xét và cho HS tự đánh giá, nhận xét lẫn nhau để điều chỉnh hành vi cho HS.

Gợi ý:

* *Tình huống 1:* Tin khuyến các bạn không nên bắt nạt Cốm và đưa Cốm tránh xa nhóm bạn này ngay lập tức, có thể tìm đến sự giúp đỡ của người lớn gần đó. Sau đó sẽ an ủi, động viên Cốm vì lúc này Cốm đang hoảng sợ và khuyến bạn kể lại sự việc này với cha mẹ hoặc GV. Cần bảo vệ cái đúng, cái tốt một cách hiệu quả và phù hợp.

* **Tình huống 2:** Bin động viên Hưng và cho bạn thấy được việc siêng năng học tập và tích cực hoạt động phong trào là rất tốt, sẽ giúp phát triển bản thân. Đồng thời, Bin tìm cơ hội để góp ý cho một số bạn trong lớp có suy nghĩ tiêu cực về việc Hưng hăng hái phát biểu xây dựng bài.

VẬN DỤNG

Hoạt động 9: Chia sẻ với các bạn về những việc đã làm để bảo vệ cái đúng, cái tốt

a. Mục tiêu: HS rèn luyện, thực hành một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt; mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt, từ đó hướng đến phát triển bản thân thông qua các việc làm bảo vệ cái đúng, cái tốt.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ cho HS chia sẻ với các bạn những việc đã làm để bảo vệ cái đúng, cái tốt.
2. GV hướng dẫn HS sưu tầm câu chuyện về các nhân vật, tấm gương dũng cảm bảo vệ cái đúng, cái tốt và rút ra bài học cho bản thân.

Hoạt động 10: Ghi lại một số điều chưa đúng, chưa tốt và thảo luận với các bạn về các biện pháp để cùng nhau bảo vệ cái đúng, cái tốt

a. Mục tiêu: HS củng cố bài học qua việc quan sát cuộc sống xung quanh để nhận biết được những việc làm chưa đúng, chưa tốt và điều chỉnh hành vi cho phù hợp.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV yêu cầu HS thực hiện những việc làm để bảo vệ cái đúng, cái tốt trong cuộc sống xung quanh và ghi lại vào phiếu thực hành.

Gợi ý:

PHIẾU RÈN LUYỆN CÁ NHÂN BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT

Thời gian, địa điểm thực hiện	Tình huống	Cách bảo vệ	Rút kinh nghiệm
Buổi chiều thứ Hai, tại sân trường	Thấy bạn cùng lớp xả rác ở sân trường	Nhắc nhở bạn bỏ rác vào thùng	Không nên xả rác bừa bãi; tuân thủ nội quy trường, lớp
...	...	...	...
...	...	...	...

2. GV hướng dẫn HS ghi lại những điều chưa đúng, chưa tốt và thảo luận với các thành viên trong tổ về các biện pháp để cùng nhau bảo vệ cái đúng, cái tốt trong cuộc sống.

Gợi ý:

PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM VỀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT

Nhóm: ...

Thời gian thực hiện: Từ ... đến ...

Thời gian, địa điểm quan sát	Điều chưa đúng, chưa tốt	Biện pháp bảo vệ cái tốt	Đánh giá
Buổi sáng thứ Ba, tại lớp học	Nói chuyện riêng trong giờ học	Nhắc nhở bạn	Hoàn thành tốt 😊
...	...	...	...
...	...	...	...

3. Sau thời gian trên, khi đến tiết tiếp theo trên lớp, GV tổ chức cho HS chia sẻ hoạt động Vận dụng 1 và Vận dụng 3.

Hoạt động 11: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS củng cố, ôn lại những kiến thức và kĩ năng đã học trong bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài, tập trung củng cố lại một số biểu hiện của bảo vệ cái đúng, cái tốt xung quanh, ở các môi trường khác nhau,...

2. GV tổ chức cho HS đọc và phát biểu cảm nhận, ý nghĩa của câu ghi nhớ:

*Những điều đúng, tốt xung quanh
Làm cho cuộc sống an lành, văn minh
Việc hay, em hãy đồng tình
Thấy việc sai trái, chúng mình không theo!*

3. GV tổ chức cho HS nêu những suy nghĩ, cảm xúc sau giờ học để đánh giá và rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con bảo vệ cái đúng, cái tốt phù hợp với lứa tuổi; biết bày tỏ thái độ phản đối những hành vi sai chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

2. Cha mẹ làm gương để con quan sát, học hỏi việc thể hiện các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong học tập và cuộc sống; phê phán, không đồng tình và không bao che cho các hành vi tiêu cực, cái xấu trong cuộc sống xung quanh.

3. Bày tỏ niềm vui và tiếp tục động viên khi con biết mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt.

4. Gửi ý kiến phản hồi cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG

Bài 7: MÔI TRƯỜNG SỐNG QUANH EM (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Yêu vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương, đất nước.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Xác định được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được các loại môi trường sống; biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu, giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp); các hình ảnh minh họa, tài liệu về các loại môi trường sống.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Nghe/hát bài hát *Em vẽ môi trường màu xanh* (Nhạc và lời: Giáng Tiên) và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Môi trường sống quanh em*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS hát/nghe bài hát, kết hợp với vỗ tay hoặc múa minh họa.

2. Sau khi HS nghe bài hát, GV nêu yêu cầu để HS suy nghĩ và trả lời:

– Kể các chi tiết về môi trường màu xanh được thể hiện trong bài hát.

– Nêu các loại môi trường sống mà em biết.

Gợi ý:

– Các chi tiết về môi trường màu xanh được thể hiện trong bài hát: ánh nắng, hàng cây xanh, đường thẳng tắp, ánh sáng bình minh, bầu không khí, dòng nước mát xanh, bầu trời xanh, cỏ cây.

– Các loại môi trường sống: nước, đất, không khí,...

3. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Môi trường rất quan trọng đối với cuộc sống của mỗi chúng ta. Xung quanh ta có những loại môi trường nào? Vì sao phải bảo vệ môi trường?

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nêu được các loại môi trường sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm: GV tổ chức cho HS mô tả tranh cuối trang 35 SGK và nêu tên các môi trường sống của sinh vật có trong tranh. Nếu tổ chức theo nhóm, GV có thể chọn hình thức nhóm đôi.

Gợi ý:

– Môi trường nước

– Môi trường trên mặt đất – không khí

– Môi trường trong đất

– Môi trường sinh vật.

2. GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp.

3. GV tạo điều kiện cho HS nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả làm việc của HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý: Có 4 loại môi trường sống chủ yếu: môi trường nước, môi trường trên mặt đất – không khí, môi trường trong đất, môi trường sinh vật.

Hoạt động 3: Đọc thư và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc theo nhóm: GV tổ chức cho HS đọc “Thư gửi người lính cứu hoả” hoặc lắng nghe GV đọc. Nếu tổ chức theo nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm 4, đọc thư trong nhóm (có thể đọc phân đoạn) và trả lời câu hỏi.

2. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi đọc/nghe đọc thư:

- Nguyên nhân dẫn đến cháy rừng được nhắc đến trong thư là gì?
- Cháy rừng dẫn đến những hậu quả gì?
- Theo em, vì sao phải bảo vệ môi trường sống?

Gợi ý:

– Nguyên nhân dẫn đến cháy rừng được nhắc đến trong thư là: nắng nóng kéo dài bất thường, xuất phát từ biến đổi khí hậu do ô nhiễm môi trường.

– Cháy rừng dẫn đến những hậu quả: làm tiêu tốn sức người, sức của như trận cháy rừng ở Ô-xtrây-li-a làm hàng chục triệu héc ta rừng bị thiêu rụi, hàng nghìn ngôi nhà bị phá hủy, khoảng một tỉ cá thể động vật chết, một vài loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng và đau lòng nhất là hơn 30 người thiệt mạng.

– Phải bảo vệ môi trường sống vì:

+ Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của con người và những sinh vật trên Trái Đất, hạn chế được tình trạng ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

+ Môi trường là không gian sống của sinh vật và con người.

+ Môi trường cung cấp nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng phục vụ cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người (đất, nước, không khí để trồng trọt, chăn nuôi,...).

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả thi đua của các nhóm.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo: *Chúng ta phải bảo vệ môi trường vì bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của con người và những sinh vật trên Trái Đất, hạn chế được tình trạng ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.*

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS có thái độ phù hợp với các ý kiến về bảo vệ môi trường và ý nghĩa của môi trường sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi ý kiến lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS trình bày ý kiến. GV có thể sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

Các ý kiến:

– Ý kiến 1: Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

– Ý kiến 2: Bảo vệ môi trường sống chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế của đất nước.

– Ý kiến 3: Bảo vệ môi trường là điều kiện trước tiên, nền tảng, là yếu tố trung tâm cho phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

– Ý kiến 4: Bảo vệ môi trường gắn kết hài hoà với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

Gợi ý: Đồng tình với ý kiến 1, 3, 4; không đồng tình với ý kiến 2.

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến này?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến, có thể nêu ví dụ minh hoạ. GV nhắc lại ý kiến có nhiều HS trả lời chưa phù hợp để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

4. GV kết luận trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Chúng ta cần đồng tình với các ý kiến: “Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân; Bảo vệ môi trường là điều kiện trước tiên, nền tảng, là yếu tố trung tâm cho phát triển kinh tế – xã hội bền vững; Bảo vệ môi trường gắn kết hài hoà với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành” và bày tỏ thái độ không đồng tình với ý kiến chưa phù hợp: “Bảo vệ môi trường sống chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế của đất nước”.

Hoạt động 5: Xác định loại môi trường sống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để xác định loại môi trường sống trong các trường hợp cụ thể.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS chơi trò chơi nối ghép theo nhóm hoặc sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học để xác định loại môi trường sống:

a. *Môi trường sống của con người, chó, mèo, trâu, bò, chim chóc, cây cối,...*

b. *Môi trường sống của các loài giun đất, mối, kiến,...*

c. *Môi trường sống của các loài san hô, sò, ốc, tôm, cua,...*

d. *Môi trường sống của các loài nấm kí sinh, kí sinh trùng,...*

Gợi ý:

– Trường hợp a: môi trường trên mặt đất – không khí

– Trường hợp b: môi trường trong đất

– Trường hợp c: môi trường nước

– Trường hợp d: môi trường sinh vật.

2. GV tổ chức cho HS trình bày kết quả, nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung thêm những trường hợp khác. GV nhắc lại trường hợp dễ nhầm lẫn để điều chỉnh nhận thức của HS.

3. GV kết luận, củng cố lại tên các loại môi trường sống trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 6: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc xác định ý nghĩa của bảo vệ môi trường trong tình huống cụ thể.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm để thảo luận về cách xử lý tình huống, phân công vai diễn và diễn lại tình huống trước lớp. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận và phân vai diễn cho hợp lý.

2. GV mời HS nêu tình huống trước lớp trước khi thảo luận.

* *Tình huống 1:* Giờ ra chơi, Bin đọc được câu nói của nhà sử học Thomas Fuller nên khoe với Tin: “Mình vừa đọc được câu danh ngôn: *Chúng ta chẳng bao giờ hiểu hết được giá trị của nguồn nước cho đến khi những cái giếng cạn khô*”. Tin thắc mắc: “Mình chưa hiểu rõ câu nói này. Bin giải thích cho mình nhé!”

Nếu là Bin, em sẽ giải thích với Tin như thế nào?

* *Tình huống 2:* Na cho rằng môi trường trong lành không chỉ cung cấp cho chúng ta sự sống mà còn mang đến sức khỏe và hạnh phúc. Cốm không hoàn toàn đồng tình với ý kiến này.

Nếu là Na, em sẽ giải thích với Cốm như thế nào?

Gợi ý:

* *Tình huống 1:* Câu nói nhắc đến môi trường nước. Câu danh ngôn nhắc nhở về vai trò của nguồn nước đối với cuộc sống của con người; cần trân trọng, bảo vệ và tiết kiệm nước. Khi nguồn nước cạn khô, cuộc sống con người sẽ bị đe dọa.

* *Tình huống 2:* Môi trường không chỉ có ý nghĩa đối với sức khỏe mà còn ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của con người. Khi môi trường trong lành, con người sẽ cảm thấy khỏe mạnh, vui vẻ và sáng khoái tinh thần. Điều đó giúp chúng ta sống hạnh phúc hơn.

Trong quá trình HS thảo luận nhóm, sắm vai xử lý tình huống, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên trình diễn và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV nhắc nhở HS tìm hiểu thêm về các loại môi trường sống và ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc nêu tên các loại môi trường sống và ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện: *Tìm hiểu thực trạng môi trường sống ở địa phương em và nêu lí do phải bảo vệ môi trường sống đó.*

Ví dụ:

Tên môi trường	Địa điểm cụ thể	Thực trạng môi trường	Lí do phải bảo vệ môi trường
...	...	...	...

2. HS chia sẻ với bạn bè về thực trạng môi trường sống ở địa phương em và lí do phải bảo vệ môi trường sống đó. GV có thể tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm đôi, nhóm 4 bằng nhiều hình thức (bảng biểu, báo tường, bài trình chiếu,...).

3. GV có thể tổ chức để 2 – 3 HS chia sẻ trước toàn lớp và chia sẻ kết quả làm việc ở bảng tin, góc học tập của lớp; trao đổi trong giờ sinh hoạt theo chủ đề có liên quan. GV phối hợp cùng với phụ huynh để khuyến khích, hỗ trợ HS thực hiện.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS.

Hoạt động 8: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những điều đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài như *Trắc nghiệm nhanh*, *Ô chữ*, *Rung chuông vàng*; tập trung củng cố lại tên các loại môi trường sống và ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường.

2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của bài thơ:

Đất, nước, không khí,... xung quanh
Là môi trường sống trong lành gần xa
Giúp cho tất cả chúng ta
Khỏe mạnh, hạnh phúc, nhà nhà yên vui.

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con tìm hiểu các loại môi trường sống và ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường.

2. Cha mẹ làm tấm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc tìm hiểu về các loại môi trường sống và ghi nhớ ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường. Cha mẹ phản hồi tích cực khi con tìm hiểu về các loại môi trường sống và ghi nhớ ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Bài 8: EM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Yêu nước*: Yêu môi trường sống và có ý thức bảo vệ môi trường sống.
- *Trách nhiệm*: Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường sống.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

– *Giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm và hợp tác tích cực trong xử lý tình huống; Ứng xử khéo léo để bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng.

– *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng.

2.2. Năng lực đặc thù

– *Nhận biết chuẩn mực hành vi*: Nhận biết được một số việc làm bảo vệ môi trường sống phù hợp với khả năng.

– *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*: Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.

– *Điều chỉnh hành vi*: Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu; các hình ảnh minh họa tình huống ô nhiễm môi trường hoặc bảo vệ môi trường sống.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có); chuẩn bị các tình huống về ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường sống.
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Trò chơi âm nhạc

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em bảo vệ môi trường*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS nghe và vận động theo bài hát *Điều đó tùy thuộc hành động của bạn*.
2. GV đặt câu hỏi cho cả lớp: *Theo em, bài hát trên truyền tải thông điệp gì?*
3. GV mời 3 – 5 HS chia sẻ và đặt câu hỏi sâu hơn: *Em đã làm gì để góp phần bảo vệ môi trường?* để khai thác kiến thức, kinh nghiệm của HS.
4. Sau khi HS chia sẻ xong, GV ghi nhận thông tin và tổng kết lại hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Bảo vệ môi trường sống là trách nhiệm của mỗi cá nhân. Trái Đất của chúng ta có giữ được màu xanh hay không, tất cả phụ thuộc vào sự nỗ lực bảo vệ và chăm sóc của các thế hệ tương lai. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một số việc làm cụ thể để bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc 2 thông tin trang 39 – 40 SGK. Sau đó, thảo luận nhóm và thuyết trình trả lời 2 câu hỏi:

– Ý nghĩa của Giờ Trái Đất, Ngày Trái Đất là gì?

– Em có thể hưởng ứng Giờ Trái Đất và Ngày Trái Đất bằng những việc làm nào?

Gợi ý:

– Ý nghĩa của Giờ Trái Đất: Nâng cao ý thức của cộng đồng về tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên toàn thế giới. Em có thể hưởng ứng Giờ Trái Đất bằng những việc làm như: tắt các thiết bị điện không ảnh hưởng đến sinh hoạt trong 60 phút, từ 20 giờ 30 đến 21 giờ 30 ngày thứ Bảy cuối cùng của tháng Ba hằng năm.

– Ý nghĩa của Ngày Trái Đất: Ngày vận động mọi người nâng cao nhận thức và hành động nhằm bảo vệ giá trị của môi trường sống. Em có thể hưởng ứng Ngày Trái Đất bằng cách: tuyên truyền mọi người bảo vệ môi trường sống, trồng cây xanh, thu gom rác thải,...

2. GV yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày câu trả lời và mời các nhóm khác nhận xét, phản biện ý kiến của nhóm trình bày.

3. GV chia sẻ thêm hiểu biết của mình, hoặc cho HS chia sẻ hiểu biết của các em về Giờ Trái Đất và Ngày Trái Đất.

Hoạt động 3: Quan sát và liệt kê

a. Mục tiêu: HS biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS quan sát 4 tranh trang 40 – 41 SGK, suy nghĩ và nêu những việc làm bảo vệ môi trường sống thể hiện qua các tranh. GV có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm, viết tên các việc làm được thể hiện trong tranh ra giấy và dán kết quả lên bảng.

2. Sau thời gian HS thảo luận và chuẩn bị sản phẩm, GV nhận xét các biểu hiện mà HS viết lên giấy và phân tích sâu về các biểu hiện để HS hiểu rõ hơn về cách thực hiện.

Gợi ý:

– Tranh 1: Trồng cây xanh.

– Tranh 2: Phân loại rác và bỏ rác đúng nơi quy định.

– Tranh 3: Tiết kiệm nước sạch trong sinh hoạt.

– Tranh 4: Sử dụng vật liệu tái chế khi mua sắm.

3. GV mời 3 – 5 HS kể thêm một số việc làm cụ thể khác để bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng phù hợp với khả năng thực hiện của HS.

4. GV chốt lại kiến thức về một số việc làm bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

– Trồng và bảo vệ cây xanh, không hái hoa, bẻ cành, tàn phá cây xanh.

– Phân loại rác thải, bỏ rác đúng nơi quy định và biết nhắc nhở mọi người giữ gìn vệ sinh ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng.

– Tiết kiệm điện và nước sạch trong sinh hoạt.

– Sử dụng các vật liệu tái chế (có thể sử dụng nhiều lần) để sinh hoạt như: túi vải, li thủy tinh, bình nước xách tay,...

Sau đó chuyển sang hoạt động Luyện tập.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS đồng tình với những hành vi bảo vệ môi trường, không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ bảng vẽ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV có thể sử dụng hình thức lựa chọn đồng tình/không đồng tình khác tùy điều kiện lớp học.

Gợi ý:

– Ý kiến 1: Sử dụng năng lượng mặt trời là hành vi bảo vệ môi trường sống quanh em. (Đồng tình)

– Ý kiến 2: Không săn bắt, buôn bán trái phép động vật hoang dã cũng là cách để bảo vệ môi trường sống. (Đồng tình)

– Ý kiến 3: Đổ nước bẩn ra vỉa hè không làm ô nhiễm môi trường vì nước sẽ bốc hơi đi.
(Không đồng tình)

– Ý kiến 4: Mang theo bình nước khi đi học để giảm việc mua và thải chai nhựa ra môi trường.
(Đồng tình)

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi *Vì sao em đồng tình/không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho các em.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

Hoạt động 5: Nhận diện trường hợp

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nhận biết trường hợp biết bảo vệ môi trường sống và biết nhắc nhở mọi người bảo vệ môi trường sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp trong trang 41 SGK. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận hợp lý và sau đó chọn một đại diện để thuyết trình kết quả:

– *Nhân vật nào trong trường hợp trên biết bảo vệ môi trường sống? Vì sao?*

Gợi ý:

+ *Trường hợp a:* Bác của Tin không biết bảo vệ môi trường sống vì việc thường xuyên sử dụng thuốc hoá học để ngừa sâu bọ sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng đất và giảm độ tươi sạch của rau.

+ *Trường hợp b:* Gia đình Cốm biết bảo vệ môi trường sống vì việc đi bộ, đi xe đạp ở cự li gần vừa cải thiện sức khỏe vừa giúp giảm ô nhiễm khói bụi và tiếng ồn cho khu vực sinh sống.

+ *Trường hợp c:* Bin không biết bảo vệ môi trường sống vì hành vi vứt bao ni lông, chai lọ xuống biển là tàn phá hệ sinh thái môi trường biển.

+ *Trường hợp d:* Na biết bảo vệ môi trường sống vì biết sử dụng đồ dùng tái chế để phục vụ các nhu cầu khác nhau trong cuộc sống.

– *Em sẽ nhắc nhở những người chưa biết bảo vệ môi trường sống như thế nào?*

Lưu ý: HS có thể nêu cách nhắc nhở khác nhau, GV linh động ghi nhận và ủng hộ những cách nhắc nhở đó nếu hợp lý và đúng/gần đúng với các hành động, việc làm bảo vệ môi trường sống được đề cập ở hoạt động Kiến tạo tri thức mới 1.

2. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, thuyết trình kết quả, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời đại diện từng nhóm lên thuyết trình kết quả thảo luận và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại một số việc làm bảo vệ môi trường sống đã học trong bài, nhắc nhở HS luôn có ý thức bảo vệ môi trường sống quanh em.

Hoạt động 6: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để xử lý các tình huống liên quan đến bảo vệ môi trường sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức lớp thành 6 – 8 nhóm, mỗi nhóm sẽ bốc thăm chọn 1 trong 2 tình huống trang 42 SGK để thảo luận kịch bản và phân chia vai diễn để sắm vai xử lý tình huống.

2. GV dành thời gian cho HS thảo luận kịch bản và phân chia vai diễn để sắm vai xử lý tình huống.

3. HS sắm vai, các nhóm khác quan sát và nhận xét về cách xử lý tình huống của nhóm bạn.

4. GV khen ngợi, nhấn mạnh những cách bảo vệ môi trường sống được HS vận dụng qua phần trình diễn và định hướng ứng dụng vào các tình huống cụ thể trong cuộc sống.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Thuyết trình

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ liên quan đến việc bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động cá nhân, cho HS thời gian chuẩn bị nội dung liên quan đến những việc các em đã làm để góp phần bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng.

2. GV tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên, mời 5 – 7 HS thuyết trình về những việc các em đã làm để góp phần bảo vệ môi trường sống.

3. GV tuyên dương và ghi nhận sự nỗ lực của HS. GV động viên HS chia sẻ những nội dung này với bạn bè.

Hoạt động 8: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS nhắc nhở được bạn bè, người thân bảo vệ môi trường sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ rèn luyện cho HS thực hiện việc nhắc nhở bạn bè, người thân bảo vệ môi trường sống.

2. GV dặn dò HS thực hiện nhiệm vụ học tập này và ghi nhận để báo cáo.

3. GV giải đáp thắc mắc của HS về hoạt động (nếu có).

4. GV động viên và nêu cách khen thưởng cho những HS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động 9: Thực hành phân loại rác

a. Mục tiêu: HS biết cách phân loại rác thải để bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV yêu cầu HS quan sát tranh hướng dẫn phân loại rác ở trang 42 SGK. GV giải đáp thắc mắc và phân tích cho HS hiểu về cách phân loại rác thải thành 3 nhóm: rác hữu cơ, rác tái chế và các loại rác khác.

2. GV giao nhiệm vụ cho từng HS thực hành phân loại rác ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng theo hướng dẫn trong 1 tuần và báo cáo kết quả thực hiện vào tuần tiếp theo.

Lưu ý: Trong điều kiện hạn chế, GV tổ chức cho HS thực hành phân loại rác ở trường học để hình thành trong các em thói quen phân loại rác tại nguồn nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

3. Sau 1 tuần thực hiện, GV mời 5 – 7 HS chia sẻ kết quả thực hiện. Các bạn còn lại lắng nghe và góp ý để bạn hoàn thiện hơn.

Hoạt động 10: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học trong bài.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài, tập trung củng cố lại một số hành vi bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng.

2. GV tổ chức cho HS đọc và phát biểu cảm nhận, ý nghĩa của câu ghi nhớ:

Vì tương lai Trái Đất xanh

Giữ môi trường sống trong lành, bạn ơi!

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau giờ học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con ý thức về việc bảo vệ môi trường sống quanh mình bằng những hành động nhỏ nhất; biết nhắc nhở bạn bè, người thân khi có hành vi bảo vệ môi trường chưa đúng.

2. Cha mẹ quan sát cách con bày tỏ thái độ khi thực hiện, rèn luyện cách bảo vệ môi trường sống bằng những hành động cụ thể và hướng dẫn con điều chỉnh, rèn luyện hiệu quả.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN

Bài 9: EM LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

– *Chăm chỉ*: Thường xuyên lập kế hoạch cá nhân để thực hiện các công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.

– *Trách nhiệm*: Tự giác, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch cá nhân.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

– *Năng lực tự chủ và tự học*: Tự lập kế hoạch cá nhân và tìm kiếm thêm các cách để lập, thực hiện được kế hoạch hiệu quả.

– *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết thu nhận thông tin từ tình huống; đưa ra được cách giải quyết vấn đề trong một số tình huống trong quá trình thực hiện kế hoạch cá nhân.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được các loại kế hoạch cá nhân; biết được vì sao phải lập kế hoạch cá nhân; biết cách lập kế hoạch cá nhân và lập được kế hoạch cá nhân để thực hiện công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

– *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.

– *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu; bài giảng điện tử; các hình ảnh minh họa tình huống thực hiện kế hoạch cá nhân.

2. Học sinh

– *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có); chuẩn bị các tình huống thực hiện kế hoạch cá nhân.

– *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Chia sẻ về ước mơ của em và cách em thực hiện ước mơ đó

a. Mục tiêu: Khơi gợi cảm xúc tích cực của HS, dẫn nhập vào chủ đề bài học *Em lập kế hoạch cá nhân*.

b. Tổ chức thực hiện:

– GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp về ước mơ của em theo gợi ý:

+ *Ước mơ của em là gì?*

+ *Vì sao em lại có ước mơ đó?*

+ *Để thực hiện ước mơ đó, em cần làm gì?*

– GV dựa vào chia sẻ của HS để khơi gợi về vai trò cần thiết của việc lập kế hoạch cá nhân nhằm từng bước đạt được ước mơ của mình.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và nêu các loại kế hoạch cá nhân

a. Mục tiêu: HS nêu được các loại kế hoạch cá nhân.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm 2 hoặc nhóm 4: quan sát các tranh trang 43 SGK, xác định nội dung tranh và kể tên các loại kế hoạch cá nhân thể hiện trong từng tranh.

Gợi ý:

Các hoạt động trong cuộc sống em có thể lập kế hoạch: kế hoạch học tập (tranh 1); kế hoạch rèn luyện bản thân như rèn luyện sức khỏe (tranh 2); kế hoạch chi tiêu (tranh 3); kế hoạch tổ chức sự kiện, ví dụ tổ chức tiệc sinh nhật,...

2. GV yêu cầu HS trả lời và mời các nhóm khác nhận xét, phản biện ý kiến của nhóm trình bày.

3. GV đặt tiếp câu hỏi: *Em có thể lập kế hoạch cá nhân cho các hoạt động nào khác trong cuộc sống?* và mời 2 – 3 HS chia sẻ ý kiến.

4. GV mời HS nhận xét lẫn nhau; GV mở rộng thêm một số loại kế hoạch, tổng kết hoạt động và chuyển sang hoạt động kế tiếp.

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết được vì sao phải lập kế hoạch cá nhân.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV mời HS đọc to câu chuyện *Bác tập cho chúng tôi có kế hoạch lao động* trước lớp. Sau đó, GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS trả lời:

– *Trong câu chuyện trên, Bác thường nhắc nhở anh chị phục vụ và cán bộ điều gì?*

– *Lời nhắc nhở thường xuyên của Bác có tác dụng gì?*

Gợi ý:

– Bác thường nhắc cán bộ phải luôn làm việc đúng giờ và không nên lãng phí thời gian.

– Việc nhắc nhở thường xuyên của Bác rèn luyện cho mọi người thói quen sắp xếp công việc hằng ngày, làm việc có kế hoạch, tránh sự tùy tiện và nhất là tránh nhàn rỗi.

2. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao phải lập kế hoạch cá nhân?*

3. GV mời lần lượt một vài nhóm HS trả lời trước lớp và cho HS nhận xét lẫn nhau. GV nhận xét, khen ngợi HS.

Gợi ý thêm: GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật dạy học khác nhau ở bước này. Ví dụ, kĩ thuật *Công não viết*: GV làm các thẻ ghi ý kiến phát cho HS, mỗi HS ghi 1 hoặc 2 ý kiến lên thẻ, sau đó sẽ đính chung vào một tờ giấy A0 trên bảng. Để HS hứng thú, GV có thể cắt thẻ ý kiến thành hình trái cây và dán lên hình vẽ trái cây trên bảng. Hoặc tạo thẻ ý kiến hình đám mây, hoa lá, mặt trời,... dán lên bức tranh trên bảng. Sau đó, GV chọn những ý kiến hay để phân tích và giảng giải rõ hơn cho HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

Ý nghĩa của việc lập kế hoạch cá nhân: Nhằm giúp mỗi người có cái nhìn tổng quát về những nhiệm vụ mà mình cần thực hiện, sắp xếp hiệu quả thời gian, sức lực, tiền bạc, chủ động tìm kiếm sự trợ giúp khi gặp khó khăn trong việc lập kế hoạch,... từ đó có thể dễ dàng vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt công việc. Lập kế hoạch cá nhân là cách làm việc khoa học, giúp mỗi cá nhân phát huy tốt nhất tiềm năng của mình, đạt được các mục tiêu trong học tập, rèn luyện,... tránh sự tùy tiện và nhàn rỗi.

Hoạt động 4: Đọc đoạn hội thoại và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết cách lập kế hoạch cá nhân theo trình tự các bước cụ thể, khoa học và hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ cho HS: đọc đoạn hội thoại trang 45 SGK và thảo luận để thực hiện yêu cầu:

- Từ ý kiến của các bạn, việc lập kế hoạch cá nhân cần thực hiện theo các bước nào?
- Khi lập kế hoạch cá nhân, em cần lưu ý điều gì?

2. Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả thảo luận. Sau mỗi lượt báo cáo, các nhóm HS khác bổ sung ý kiến.

Gợi ý:

Các bước lập kế hoạch:

–Việc đầu tiên của lập kế hoạch là phải xác định rõ mục tiêu và các mốc thời gian hoàn thành.

– Sau đó, phải xác định việc cần làm để đạt được mục tiêu và sắp xếp thứ tự ưu tiên các việc đó.

– Tiếp theo, cần xác định các biện pháp cho từng việc làm. Cần xác định người hỗ trợ, giúp đỡ,...

– Trong quá trình thực hiện, có thể đánh giá, điều chỉnh lại kế hoạch và cần có thêm biện pháp dự phòng.

Những lưu ý khi lập kế hoạch:

- Xác định đúng tầm quan trọng của việc lập kế hoạch, khi nào nên lập kế hoạch.
- Mục tiêu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với khả năng.

- Xác định mốc thời gian cụ thể.
 - Sắp xếp các công việc cần làm theo trình tự nhất định, tùy theo mức độ quan trọng và thời gian thực hiện hoạt động đó nhiều hay ít.
 - Xác định cụ thể cách thức và biện pháp thực hiện từng hoạt động.
 - Xác định và động viên, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch.
 - Thường xuyên đánh giá, điều chỉnh lại kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế.
 - Luôn chuẩn bị sẵn biện pháp dự phòng các trường hợp bất khả kháng.
3. GV nhận xét, khen ngợi HS và chốt lại những điều cần lưu ý khi lập kế hoạch cá nhân.
5. GV tổng kết hoạt động và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Gợi ý thêm: GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật dạy học khác nhau ở bước này. Ví dụ, kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về các loại kế hoạch cá nhân, lí do vì sao phải lập kế hoạch cá nhân và cách lập kế hoạch cá nhân hiệu quả.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS nêu ý kiến đúng hoặc sai và giải thích lí do vì sao sau mỗi nhận xét. Tùy điều kiện lớp học, HS có thể giơ tay hoặc đưa các thẻ mặt cười/mặt buồn, Đ (Đúng) hoặc S (Sai). Để lớp học sinh động, GV có thể tổ chức thi đua giữa các nhóm.

Gợi ý:

– Ý kiến 1: *Làm việc theo kế hoạch giúp tiết kiệm thời gian, công sức và tiền bạc của bản thân.* (Đúng)

– Ý kiến 2: *Với học sinh, chỉ có việc học tập mới cần lập kế hoạch.* (Sai)

– Ý kiến 3: *Đôi khi phải biết thay đổi kế hoạch để phù hợp với hoàn cảnh đột xuất.* (Đúng)

– Ý kiến 4: *Làm việc theo kế hoạch là cứng nhắc và mất đi tính sáng tạo.* (Sai)

– Ý kiến 5: *Kế hoạch cá nhân có thể chia làm các loại: kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn và kế hoạch dài hạn.* (Đúng)

– Ý kiến 6: *Việc thực hiện kế hoạch cá nhân cũng cần sự hỗ trợ của người lớn.* (Đúng)

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao ý kiến này là đúng/sai?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho các em.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

Hoạt động 6: Bày tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình

a. Mục tiêu: HS đồng tình với những lời nói, việc làm thực hiện nghiêm túc kế hoạch cá nhân, kế hoạch nhóm trong các hoạt động; không đồng tình với những lời nói, việc làm không thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (thể hiện không đồng tình). GV có thể sử dụng hình thức tổ chức lựa chọn đồng tình/ không đồng tình khác tùy điều kiện lớp học. Lưu ý, kĩ thuật dạy học ở hoạt động 5 và 6 nên khác nhau để tạo hứng thú cho HS.

Gợi ý:

– *Ý kiến 1:* Cứ chờ đến lúc gần kiểm tra định kì thì Bin mới lập kế hoạch ôn tập. (Không đồng tình)

– *Ý kiến 2:* Khi lập kế hoạch, Tin đã xác định các mục tiêu quá sức của mình để có động lực phấn đấu tốt hơn. (Không đồng tình)

– *Ý kiến 3:* Sau khi lập kế hoạch, Cốm chờ đến khi có hứng thú mới thực hiện. (Không đồng tình)

– *Ý kiến 4:* Trong bản kế hoạch của Tin, việc nào thích làm thì được ưu tiên hơn. (Không đồng tình)

– *Ý kiến 5:* Khi không thực hiện được kế hoạch, Na xem lại nguyên nhân và tìm cách khắc phục. (Đồng tình)

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình/không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho các em.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

Hoạt động 7: Sắp xếp nội dung theo trình tự các bước lập kế hoạch cá nhân

a. Mục tiêu: HS biết cách lập kế hoạch cá nhân theo trình tự các bước cụ thể, khoa học và hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ cho HS: đọc nội dung các ô cần sắp xếp (trang 47 SGK) và thảo luận để thực hiện yêu cầu: *Sắp xếp các nội dung theo trình tự các bước lập kế hoạch cá nhân.*

2. Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả thảo luận. Sau mỗi lượt báo cáo, các nhóm HS khác bổ sung ý kiến.

Gợi ý:

Các bước lập kế hoạch:

– Xác định mục tiêu.

- Xác định thời gian hoàn thành.
- Liệt kê các việc cần thực hiện.
- Sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các việc.
- Đề ra các biện pháp cụ thể.
- Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và tổng kết hoạt động (GV có thể dẫn thêm ví dụ như lập kế hoạch tập văn nghệ của lớp dựa trên các bước lập kế hoạch để HS dễ vận dụng vào thực tiễn).

Hoạt động 8: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS rèn luyện cách lập kế hoạch cá nhân và lập được kế hoạch cá nhân để thực hiện các công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (số lượng HS trong mỗi nhóm tùy tình hình của lớp học), mỗi nhóm bốc thăm chọn 1 trong 3 tình huống trang 47 SGK để thảo luận và phân vai xử lý tình huống.

2. GV dành thời gian phù hợp cho HS thảo luận kịch bản và sắm vai xử lý tình huống.

3. HS sắm vai, các nhóm khác quan sát và nhận xét về cách xử lý tình huống của nhóm bạn.

4. GV khen ngợi HS, nhấn mạnh yêu cầu thực hiện nghiêm túc kế hoạch cá nhân của bản thân và kế hoạch của nhóm (nhận thức đúng về tầm quan trọng của kế hoạch, xây dựng các công việc trong kế hoạch hợp lý, đặc biệt nhấn mạnh tính trách nhiệm, sự nhẫn nại và kiên trì thực hiện kế hoạch đã đề ra).

Gợi ý:

** Tình huống 1: Nếu là Na, em sẽ giải thích như thế nào để em gái thấy được lợi ích của việc lập và thực hiện kế hoạch cá nhân?*

Em sẽ giải thích với em gái rằng việc lập và thực hiện kế hoạch cá nhân sẽ giúp sắp xếp công việc và thời gian hợp lý, hoàn thành những việc đã đề ra. Nếu làm việc không có kế hoạch sẽ gây lãng phí thời gian và không đảm bảo hiệu quả.

** Tình huống 2: Nếu là thành viên của nhóm, em sẽ làm gì?*

Em sẽ góp ý với Bin để Bin thấy được vai trò của mình trong nhóm, tác hại của việc Bin đi muộn ảnh hưởng đến kết quả tập văn nghệ và động viên Bin đi luyện tập văn nghệ đầy đủ theo kế hoạch của nhóm.

** Tình huống 3: Nếu là Bin, em sẽ làm gì?*

Em sẽ không giận dỗi bỏ về mà vui vẻ ở lại đọc sách cùng Tin, sau đó cả hai mới cùng đi đá bóng. Em cũng học hỏi tính quyết tâm, kiên nhẫn thực hiện kế hoạch, không tùy hứng của Tin.

VẬN DỤNG

Hoạt động 9: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS lập được kế hoạch cá nhân để thực hiện các công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ rèn luyện cho HS: chọn một trong những việc được gợi ý (trang 48 SGK) và lập kế hoạch thực hiện.
2. GV dẫn dò HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập này và ghi nhận để báo cáo.
3. GV giải đáp thắc mắc của HS về hoạt động (nếu có).
4. HS thực hiện theo kế hoạch cá nhân đã lập và chia sẻ với các bạn về kết quả đạt được. Sau đó, đánh giá và điều chỉnh trước khi xây dựng kế hoạch cá nhân cho giai đoạn kế tiếp.
5. GV động viên và nêu cách khen thưởng cho những HS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động 10: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kỹ năng đã học trong bài.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài, tập trung củng cố lại các bước lập kế hoạch cá nhân.
2. GV tổ chức cho HS đọc và phát biểu cảm nhận về câu ghi nhớ: *Bốn bước dẫn tới thành tựu: lên kế hoạch có mục đích; chuẩn bị chuyên tâm; tiến hành tích cực; theo đuổi bền bỉ* (William Arthur Ward).
3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau giờ học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con thực hiện có hiệu quả và chất lượng những công việc học tập và việc nhà phù hợp với lứa tuổi.
2. Cha mẹ làm gương để con quan sát, học hỏi theo khi làm việc luôn có kế hoạch cụ thể, rõ ràng. Cha mẹ bày tỏ niềm vui và tiếp tục động viên khi con làm việc có kế hoạch và có biện pháp nhắc nhở, gợi ý cách khắc phục nếu con chưa có kế hoạch học tập và làm các công việc trong cuộc sống.
3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI

Bài 10: EM NHẬN DIỆN BIỂU HIỆN XÂM HẠI (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Tự giác, chủ động trong việc nhận biết một số biểu hiện xâm hại.
- *Trung thực*: Mạnh dạn nói lên ý kiến của mình khi nhận diện biểu hiện xâm hại.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Tự chủ và tự học*: Tự nghiên cứu, tìm hiểu một số biểu hiện xâm hại và tự chủ trong việc nhận biết được tình huống có nguy cơ bị xâm hại.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm và hợp tác tích cực trong xử lý tình huống; ứng xử khéo léo để nhận biết một số biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại.

2.2. Năng lực đặc thù

- *Năng lực phát triển bản thân*: Nêu được một số biểu hiện xâm hại; biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được một số biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại; tự đánh giá được một số biểu hiện xâm hại và tầm quan trọng của việc phòng, tránh xâm hại.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu; các hình ảnh minh họa tình huống về biểu hiện xâm hại, tình huống có nguy cơ bị xâm hại.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có); chuẩn bị các tình huống về biểu hiện xâm hại và có nguy cơ bị xâm hại.
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Thử thách âm nhạc

- a. Mục tiêu**: Tạo cảm hứng học tập cho HS, kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em nhận diện biểu hiện xâm hại*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS đọc đồng thanh bài về *Nhắc bé* (hoạt động tập thể). GV có thể cho HS luyện đọc 2 – 3 lần rồi bắt nhịp đọc to.
2. GV đặt câu hỏi cho cả lớp: *Biểu hiện xâm hại nào được nhắc đến trong bài về?*
3. GV mời 2 – 3 HS chia sẻ và đặt câu hỏi sâu hơn: *Vì sao em nghĩ đó là biểu hiện xâm hại?* để khai thác kiến thức, kinh nghiệm của HS.
4. Sau khi HS chia sẻ xong, GV ghi nhận thông tin và tổng kết hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Xâm hại trẻ em là một tội ác. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một số biểu hiện xâm hại và tầm quan trọng của việc phòng, tránh xâm hại.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và liệt kê các biểu hiện xâm hại

a. Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS quan sát 4 tranh trang 49 – 50 SGK, suy nghĩ và nêu các biểu hiện xâm hại. GV có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm, viết tên biểu hiện xâm hại ra giấy và dán kết quả lên bảng.
2. Sau thời gian HS thảo luận và chuẩn bị sản phẩm, GV nhận xét và phân tích sâu về các biểu hiện xâm hại để HS nhận biết rõ hơn các biểu hiện này thường xuất hiện trong tình huống như thế nào.

Gợi ý:

- *Tranh 1:* Đánh đập trẻ em.
- *Tranh 2:* Nói xấu, xúc phạm danh dự.
- *Tranh 3:* Đụng chạm vùng riêng tư của trẻ em.
- *Tranh 4:* Không quan tâm đến nhu cầu được chăm sóc sức khỏe của trẻ.

3. GV mời 3 – 5 HS kể thêm một số biểu hiện xâm hại mà các em biết.

4. GV chốt kiến thức về một số biểu hiện xâm hại trẻ em trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Một số biểu hiện xâm hại trẻ em:

- *Xâm hại thể chất:* đánh đập, tác động vật lý, thực hiện hành vi bạo lực lên cơ thể trẻ,...
- *Xâm hại tinh thần:* nói xấu, lăng mạ, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của trẻ,...
- *Xâm hại tình dục:* đụng chạm vùng riêng tư, tấn công tình dục, cưỡng ép tình dục, cho trẻ xem các hình ảnh đồi trụy/vùng riêng tư, bắt ép trẻ tham gia hành vi quan hệ tình dục, nói những lời nhạy cảm về tình dục với trẻ,...
- *Xao nhãng, bỏ mặc:* bỏ bê về mặt cảm xúc, không quan tâm đến các nhu cầu cơ bản của trẻ như ăn uống, học tập, vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe,...

Hoạt động 3: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc 4 thông tin trang 50 SGK. Sau đó, thảo luận và trả lời:

- *Xâm hại trẻ em gây ra những tác hại gì?*
- *Kể thêm tác hại của xâm hại trẻ em.*
- *Theo em, vì sao phải phòng, tránh xâm hại?*

2. GV mời đại diện các nhóm trình bày câu trả lời và mời các nhóm khác nhận xét về ý kiến của nhóm trình bày.

3. GV phân tích thêm một số tác hại của xâm hại trẻ em về thể chất, tinh thần để HS ý thức được tầm quan trọng của việc nhận diện biểu hiện xâm hại và phòng, tránh xâm hại trước khi chuyển sang phần Luyện tập.

Gợi ý:

Đặc trưng của trẻ em là những người đang trong độ tuổi phát triển, chưa hoàn thiện về mặt thể chất và tâm sinh lí. Chính vì vậy, hậu quả do xâm hại gây ra đối với trẻ em rất nặng nề cả về thể chất cũng như tinh thần. Điều đáng ngại là không phải lúc nào trẻ em bị xâm hại cũng thể hiện những tổn thương về tâm lí ra bên ngoài. Đôi khi, cơn sang chấn tâm lí phải sau nhiều năm xảy ra sự việc mới bộc phát rõ.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS đồng tình với ý kiến đúng về biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại; không đồng tình với ý kiến chưa đúng về biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (không đồng tình). GV có thể sử dụng hình thức tổ chức lựa chọn đồng tình/không đồng tình khác tùy điều kiện lớp học.

Gợi ý:

– *Ý kiến 1: Xâm hại trẻ em để lại những tổn thương thể chất và tinh thần nặng nề.* (Đồng tình)

– *Ý kiến 2: Bỏ mặc trẻ em không phải là biểu hiện xâm hại.* (Không đồng tình)

– *Ý kiến 3: Phòng, tránh xâm hại tạo điều kiện cho trẻ em phát triển lành mạnh, hạnh phúc.* (Đồng tình)

– *Ý kiến 4: Phòng, tránh xâm hại trẻ em không phải là thực hiện quyền trẻ em.* (Không đồng tình)

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình/không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho các em.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS.

Hoạt động 5: Nhận diện trường hợp

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nhận biết trường hợp có nguy cơ bị xâm hại và chỉ ra các biểu hiện xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp trong trang 51 SGK. Tùy năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận hợp lý và sau đó mỗi nhóm chọn một đại diện để thuyết trình kết quả.

Gợi ý:

– Trường hợp nào sau đây bị xâm hại? (a, b, d, e).

– Chỉ ra biểu hiện của xâm hại:

+ Trường hợp a: Xâm hại tình dục (đụng chạm vào vùng riêng tư).

+ Trường hợp b: Xâm hại thể chất và tinh thần (xúc phạm, đe dọa trẻ).

+ Trường hợp d: Xâm hại tinh thần (tấn công trên mạng xã hội và uy hiếp trẻ).

+ Trường hợp e: Xao nhãng (không quan tâm đến nhu cầu được chăm sóc, yêu thương của trẻ).

2. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, thuyết trình kết quả, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên thuyết trình kết quả thảo luận và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại một số biểu hiện xâm hại đã học trong bài, nhắc nhở HS luôn có ý thức cảnh giác trước những hành vi có nguy cơ/biểu hiện xâm hại.

Hoạt động 6: Sáng tạo với sơ đồ tư duy

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để lập sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức về biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức lớp thành 6 – 8 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm hệ thống kiến thức về biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại bằng sơ đồ tư duy.

2. GV cho HS 15 phút để thực hiện sản phẩm và áp dụng kỹ thuật *Phòng tranh* để trưng bày, sau đó cho HS thuyết trình về sản phẩm sơ đồ tư duy của nhóm.

3. GV nhấn mạnh một số biểu hiện cơ bản của xâm hại (4 nhóm biểu hiện) và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại đã dạy ở tiết trước để HS ghi nhớ sâu và định hướng ứng dụng vào các tình huống cụ thể trong cuộc sống.

VẬN DỤNG

Hoạt động 7: Thuyết trình

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ liên quan đến việc nhận biết các biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động cá nhân, cho HS thời gian tự chuẩn bị nội dung liên quan đến các biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại. Mỗi HS sẽ có 2 – 3 phút thuyết trình về cách chia sẻ với bạn bè, người thân về các biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại để giúp mọi người xung quanh luôn ý thức được việc phải phòng, tránh xâm hại.

2. GV tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên, mời 3 – 5 HS thuyết trình về cách các em sẽ chia sẻ với bạn bè, người thân về các biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại.

3. GV tuyên dương và ghi nhận sự nỗ lực của HS. GV động viên HS chia sẻ những nội dung này với bạn bè, người thân.

Hoạt động 8: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS nhắc nhở được bạn bè, người thân chú ý đến các biểu hiện xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ rèn luyện cho HS thực hiện việc nhắc nhở bạn bè, người thân về các biểu hiện xâm hại.

2. GV dặn dò HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập này và ghi nhận để báo cáo.

3. GV giải đáp thắc mắc của HS về hoạt động (nếu có).

4. GV động viên và nêu cách khen thưởng cho những HS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động 9: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học trong bài.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài, tập trung củng cố lại một số biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại.

2. GV tổ chức cho HS đọc và phát biểu cảm nhận về mấy câu ghi nhớ:

Xâm hại thể chất, tinh thần

Có những biểu hiện em cần nhận ra

Dù người quen – lạ, gần – xa

Chủ động phòng tránh, chúng ta an toàn.

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau giờ học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV có thể sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con ý thức về các biểu hiện xâm hại và ý nghĩa của việc phòng, tránh xâm hại để hình thành phản xạ biết cách tự bảo vệ bản thân khi rơi vào tình huống có nguy cơ xâm hại.

2. Cha mẹ quan sát cách con bày tỏ thái độ khi thực hiện, rèn luyện các kĩ năng phòng, tránh xâm hại và hướng dẫn con điều chỉnh, rèn luyện hiệu quả.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Bài 11: EM CHỦ ĐỘNG PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Tự giác, chủ động trong việc phòng, tránh xâm hại.
- *Trung thực*: Mạnh dạn nói lên ý kiến của mình để phòng, tránh xâm hại hiệu quả.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Giao tiếp và hợp tác*: Thảo luận nhóm và hợp tác tích cực trong xử lý tình huống; ứng xử khéo léo để chủ động phòng, tránh xâm hại.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết một số kỹ năng để phòng, tránh xâm hại.

2.2. Năng lực đặc thù

- *Năng lực phát triển bản thân*: Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em; thực hiện được một số kỹ năng để phòng, tránh xâm hại.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em và một số kỹ năng phòng, tránh xâm hại; tự đánh giá được những hành vi xâm hại và không xâm hại trong các tình huống khác nhau; thực hiện được một số kỹ năng phòng, tránh xâm hại.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu; các hình ảnh minh họa tình huống về một số kỹ năng phòng, tránh xâm hại.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có); chuẩn bị các tình huống về phòng, tránh xâm hại.
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Trò chơi “Giai điệu âm nhạc”

- a. Mục tiêu:** Tạo cảm hứng học tập cho HS, kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em chủ động phòng, tránh xâm hại*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS nghe, vận động theo bài hát *Năm ngón tay xinh* (Nhạc và lời: Đoàn Ngô Tĩnh).

2. Sau khi kết thúc bài hát, GV nêu yêu cầu: *Nêu cách sử dụng quy tắc năm ngón tay mà bài hát nhắc đến* (GV có thể tổ chức bằng kĩ thuật *Công não* tập thể, mỗi HS nêu một ý kiến).

3. Sau khi HS chia sẻ xong, GV ghi nhận thông tin và tổng kết hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Cơ thể em là của em và không ai được đụng chạm vào cơ thể em nếu em chưa cho phép. Quy tắc năm ngón tay là bí quyết hàng đầu giúp em luôn chủ động nhận biết và phòng, tránh xâm hại. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em và một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc 4 thông tin trang 53 – 54 SGK, sau đó thảo luận và thực hiện yêu cầu: *Nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.*

2. GV yêu cầu HS trình bày các quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em theo dạng vẽ sơ đồ tư duy và báo cáo sản phẩm.

3. GV mời đại diện các nhóm HS lên trình bày sản phẩm sơ đồ tư duy của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét và chia sẻ kết quả thảo luận của mình.

4. GV đúc kết, ghi nhận quá trình thảo luận nhóm của HS và chốt lại một số điều luật cơ bản về phòng, tránh xâm hại trẻ em được quy định trong Luật Trẻ em năm 2016 và Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 3: Quan sát tranh và nêu các bước phòng, tránh xâm hại

a. Mục tiêu: HS nhận biết được các bước phòng, tránh xâm hại trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS quan sát 4 tranh trong trang 55 SGK, sau đó suy nghĩ và gọi tên 4 bước giúp em chủ động phòng, tránh xâm hại.

2. Với mỗi tranh, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. GV tiếp tục mời 1 – 2 HS khác làm mẫu các bước phòng, tránh xâm hại để HS hiểu được cách thực hành kĩ năng.

Gợi ý:

* *Tranh 1 – Bước 1:* Nhận diện tình huống nguy hiểm (Khi em cảm thấy không thoải mái vì bị người lạ đụng chạm vào cơ thể, hoặc khi em phát hiện những dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm như: người lạ nhìn chằm chằm vào vùng riêng tư trên cơ thể em, nói những lời tục tĩu hoặc dụ dỗ, đến gần nói chuyện,...).

* *Tranh 2 – Bước 2:* Từ chối nhận quà hoặc đi theo người lạ (Kiên quyết nói không, xua tay từ chối hoặc la hét to để mọi người xung quanh chú ý).

* *Tranh 3 – Bước 3:* Nhanh chóng rời khỏi người lạ hoặc nơi không an toàn (Chạy khỏi, đi khỏi người lạ hoặc nơi không an toàn thật nhanh).

* *Tranh 4 – Bước 4:* Chia sẻ với người lớn đáng tin cậy (Kể, chia sẻ thông tin hoặc cảm xúc của em về tình huống nguy hiểm vừa trải qua với người lớn đáng tin cậy như: bố mẹ, thầy cô giáo, cô chú bảo vệ, cô chú công an,...).

4. GV nhận xét, khen ngợi HS và điều chỉnh kĩ năng cho HS. GV nhấn mạnh và sửa thao tác cho những HS thực hiện các thao tác phòng, tránh xâm hại chưa chính xác.

5. GV chốt lại 4 bước phòng, tránh xâm hại sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo:

Các bước phòng, tránh xâm hại:

Bước 1: Nhận diện tình huống nguy hiểm.

Bước 2: Từ chối, nói không.

Bước 3: Nhanh chóng rời khỏi tình huống nguy hiểm.

Bước 4: Chia sẻ với người lớn đáng tin cậy.

Hoạt động 4: Đọc các trường hợp và cho biết cách thực hiện một số kĩ năng phòng, tránh xâm hại

a. Mục tiêu: HS thực hiện được một số kĩ năng phòng, tránh xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ mỗi nhóm đọc 1 trong 3 trường hợp ở trang 56 – 57 SGK, sau đó thảo luận và thực hiện các yêu cầu:

– *Nêu cách thực hiện kĩ năng phòng, tránh xâm hại của nhân vật trong trường hợp được giao.*

– *Thực hiện mẫu các thao tác kĩ năng để cả lớp cùng quan sát, rút kinh nghiệm.*

Gợi ý:

* *Trường hợp 1: Phân biệt bí mật “tốt” và bí mật “xấu”*

HS cần phân biệt được những bí mật “tốt” và bí mật “xấu” để phòng, tránh xâm hại. Có 3 loại bí mật xấu – không an toàn cho trẻ em: 1) những bí mật liên quan tới động chạm khiến em cảm thấy lo lắng hay sợ hãi; 2) những bí mật liên quan tới các trò chơi có thể vi phạm các tiêu chuẩn về an toàn hoặc làm nguy hại cho người khác; (3) những bí mật liên quan tới các món quà mà người khác tặng cho em hay những điều em yêu thích mà người khác có thể làm cho em. Trẻ em không nên giữ những bí mật này mà hãy chia sẻ với người lớn đáng tin cậy.

GV hướng dẫn HS cách nhận biết một bí mật không nên giữ (bí mật xấu) nếu:

- Em cảm thấy không vui, lo lắng, sợ hãi hoặc cảm thấy bí mật đó là điều không tốt.
- Cơ thể của em có những tín hiệu cảnh báo như: sốt hay buồn nôn, run rẩy, tim đập nhanh, đau bụng,...

- Em là người duy nhất biết về bí mật này. Em thực sự muốn kể với một người lớn tin cậy về nó nhưng chưa làm được.

- Ai đó đã mua chuộc hay đe dọa em giữ bí mật đó hoặc em phải nói dối để giữ bí mật đó.

- Bí mật đó là sự xâm hại.

** Trường hợp 2: Áp dụng quy tắc “Nói không – Rời khỏi – Chia sẻ”.*

Cách thực hiện: Tương tự như 4 bước trong hoạt động 2.

** Trường hợp 3: Áp dụng quy tắc “Năm ngón tay”.*

Cách thực hiện:

- Bước 1: HS vẽ lên giấy hình bàn tay.

- Bước 2: HS viết vào 5 ngón tay tên 5 người lớn đáng tin cậy có thể giúp đỡ khi gặp nguy hiểm.

- Bước 3: Ở giữa bàn tay, HS viết số điện thoại của bố, mẹ, giáo viên chủ nhiệm, địa chỉ nhà và các số điện thoại đường dây nóng hỗ trợ trẻ em như 111, 113, 115.

- Bước 4: Luôn mang theo cẩm nang bàn tay này để bảo vệ bản thân.

Hoặc GV có thể cho HS tiếp cận quy tắc 5 ngón tay theo nội dung sau:

** Nguyên tắc 1: Ngón tay cái – Bình tĩnh*

Trong bất kì tình huống nào, các em đều cần bình tĩnh, không nên khóc lóc. Khi mất bình tĩnh, các em sẽ khó phân tích được tình huống mình đang gặp phải, không lựa chọn được giải pháp phù hợp và an toàn tại thời điểm đó. Hơn nữa, việc không bình tĩnh, sợ hãi sẽ càng khiến kẻ xấu biết điểm yếu để uy hiếp, đe dọa, dễ dàng ép các em phải tuân theo yêu cầu của chúng.

** Nguyên tắc số 2: Ngón tay trỏ – Từ chối, bỏ đi*

Việc từ chối, bỏ đi cần khéo léo và dứt khoát. Điều đó cho thấy các em mạnh mẽ, có ý thức làm chủ bản thân và khiến kẻ xấu e ngại. Thường kẻ xấu chỉ đạt được mục đích khi biết người bị tiếp cận hoặc bị đe dọa, rủ rờ tỏ ra yếu đuối, sợ hãi. Còn với những người mạnh mẽ, có khả năng làm chủ bản thân, chúng thường hạn chế tiếp cận, rủ rờ.

** Nguyên tắc số 3: Ngón tay giữa – Thông báo ngay cho người thân, người lớn mà em tin tưởng*

Việc liệt kê ra người sẵn sàng giúp đỡ và đánh dấu theo thứ tự 1, 2, 3,... sẽ giúp các em phản ứng nhanh trong những tình huống khẩn cấp. Nên trao đổi trước với những người được lựa chọn để họ biết khi các em gặp tình huống nguy hiểm sẽ gọi ngay cho họ. Nếu sử dụng điện thoại riêng, hãy đặt phím tắt cho những người đó. Ví dụ: bố là phím 1, mẹ là phím 2, thầy cô giáo là phím 3 để không phải tìm danh bạ trong tình huống khẩn cấp.

** Nguyên tắc số 4: Ngón áp út – Di chuyển đến nơi đông người, an toàn*

Thông thường, những kẻ làm việc xấu sẽ rất sợ bị người khác phát hiện. Vì thế, khi cảm thấy bị đe dọa, không an toàn, các em hãy di chuyển ngay lập tức đến những nơi đông người, nơi cảm thấy an toàn.

** Nguyên tắc số 5: Ngón út – Liên lạc với số điện thoại khẩn cấp để nhờ trợ giúp (111, 113, 115)*

Ngoài việc liên lạc với người thân, người lớn mà các em tin tưởng, các em có thể gọi cho số điện thoại 111 – đường dây nóng của quốc gia về bảo vệ trẻ em, 113 – đường dây nóng của cảnh sát (trực 24/24 giờ), hoặc 115 – đường dây nóng của bệnh viện, tùy từng trường hợp cụ thể. Chẳng hạn, các em có thể gọi 113 khi thấy hành vi tội phạm đang hoặc có nguy cơ xảy ra; phát hiện người nghi là tội phạm; có người bị thương hoặc đang gặp nguy hiểm,... Hãy gọi 115 khi thấy tai nạn; cấp cứu các vấn đề khẩn cấp liên quan tới sức khỏe; vận chuyển người cấp cứu, người bị nạn. Các em gọi 111 khi bị bạo hành, đánh đập; bị bắt cóc hoặc có nguy cơ bị bắt cóc; khi gặp khó khăn trong việc học tập, xử lý các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô; khi cảm thấy không an toàn; bị xâm hại,...

2. GV mời các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận và mô tả cách thực hiện các kỹ năng phòng, tránh xâm hại trước lớp. Các nhóm khác quan sát và nhận xét, góp ý để hoàn thiện quy trình thực hiện kỹ năng.

3. GV tổng kết và chốt kiến thức về cách thực hiện một số kỹ năng phòng, tránh xâm hại, gồm 3 kỹ năng:

– Phân biệt bí mật “tốt” và bí mật “xấu”.

– Áp dụng quy tắc “Nói không – Rời khỏi – Chia sẻ”.

– Áp dụng quy tắc “Năm ngón tay”.

Sau đó chuyển sang hoạt động Luyện tập.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS đồng tình với ý kiến nêu đúng quy định của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em; không đồng tình với ý kiến chưa đúng về phòng, tránh xâm hại trẻ em.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (không đồng tình). GV có thể sử dụng hình thức tổ chức lựa chọn đồng tình/không đồng tình khác tùy điều kiện lớp học.

Gợi ý:

– Ý kiến 1: Pháp luật Việt Nam quy định tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi có thể phải chịu mức án cao nhất là tử hình. (Đồng tình)

– Ý kiến 2: Cá nhân không có trách nhiệm thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em. (Không đồng tình)

– Ý kiến 3: Những thông tin cá nhân của trẻ em được pháp luật bảo vệ để tránh bị xâm hại. (Đồng tình)

– Ý kiến 4: Bắt trẻ nhịn ăn, nhịn uống, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân là hành vi xâm hại. (Đồng tình)

– Ý kiến 5: Các tội phạm xâm hại trẻ em được quy định trong pháp luật Việt Nam áp dụng cho trẻ bị xâm hại từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi. (Không đồng tình)

– Ý kiến 6: Trẻ em được quyền tố giác những hành vi xâm hại đến mình hoặc người khác qua Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111. (Đồng tình)

2. Sau mỗi ý kiến, GV nêu câu hỏi: *Vì sao em đồng tình/không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng ý kiến. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho các em.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và có thể cung cấp, giải thích thêm thông tin về một số điều trong Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật Trẻ em năm 2016.

Hoạt động 6: Nhận diện trường hợp

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để nhận biết tình huống nguy hiểm và xác định cách ứng phó phù hợp trong các trường hợp có nguy cơ bị xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp ở trang 57 SGK. Tuỳ năng lực của HS, GV yêu cầu thời gian thảo luận hợp lý và sau đó chọn một đại diện để thuyết trình kết quả:

– Trường hợp nào có nguy cơ bị xâm hại? (Cả 4 trường hợp đều có nguy cơ bị xâm hại).

– Nêu cách xử lý trong các trường hợp có nguy cơ bị xâm hại.

Trả lời:

+ Trường hợp 1: Nhận diện tình huống nguy hiểm và yêu cầu bố mẹ ở lại cùng với Bin.

+ Trường hợp 2: Na có thể giúp chỉ đường cho người nước ngoài đến nhà vệ sinh, nhưng nếu họ yêu cầu dẫn đi thì phải từ chối, hoặc phải đi cùng người thân để đảm bảo an toàn.

+ Trường hợp 3: Đây là tình huống về bỏ mặc, ngược đãi. Cấm nên giữ khoảng cách và tìm cách báo với công an khu vực hoặc gọi tổng đài 111 để tìm kiếm sự hỗ trợ phù hợp.

+ Trường hợp 4: Đây là tình huống về xâm hại tinh thần. Na cần báo với bố mẹ, công an khu vực hoặc gọi tổng đài 111 để tìm kiếm sự hỗ trợ phù hợp.

Lưu ý: HS có thể nêu cách ứng phó khác, GV linh động ghi nhận và ủng hộ những cách ứng phó hợp lý, đúng/gần đúng với các kĩ năng phòng, tránh xâm hại đã đề cập ở hoạt động Kiến tạo tri thức mới 2 và 3.

2. Trong quá trình HS thảo luận nhóm, thuyết trình kết quả, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời đại diện từng nhóm lên thuyết trình kết quả thảo luận và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại những kĩ năng phòng, tránh xâm hại đã học trong bài (tập trung vào thao tác thực hiện; GV cần hướng dẫn HS thực hiện và luyện tập nhiều lần), nhắc nhở HS rèn luyện thường xuyên để trở thành thói quen.

Hoạt động 7: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện một số kĩ năng phòng, tránh xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV là người dẫn chuyện dẫn dắt vào tình huống. GV mời 3 – 5 HS sắm vai làm các nhân vật trong tình huống và chỉ định HS sắm vai Na (tình huống 1), Cốm (tình huống 2), Bin (tình huống 3) hoặc Tin (tình huống 4). GV nêu rõ yêu cầu sắm vai cho HS: *“Các em sẽ sắm vai theo lời thoại của thầy/cô. Thầy/cô dẫn chuyện đến đâu, các em sắm vai đến đó. Khi thầy/cô dẫn đến đoạn suy nghĩ của nhân vật, bạn sắm vai nhân vật đó sẽ thực hiện ứng xử phù hợp với tình huống”.*

2. GV đọc tình huống cho HS nghe, hoặc yêu cầu HS đọc thầm 4 tình huống để nắm rõ nội dung, bối cảnh của tình huống. Sau đó, GV mời 3 – 5 HS xung phong sắm vai câu chuyện và bắt đầu dẫn dắt câu chuyện. Những HS còn lại quan sát, lắng nghe cách ứng xử của bạn HS sắm vai.

3. Khi HS sắm vai ứng xử tình huống xong, GV mời các HS còn lại nhận xét, góp ý cho bạn về cách thực hiện kĩ năng phòng, tránh xâm hại. Sau đó, GV nhận xét, khen ngợi và định hướng rèn luyện các thao tác kĩ năng cho HS.

Lưu ý: GV nhấn mạnh việc áp dụng 3 kĩ năng đã học trong bài để xử lý các tình huống phòng, tránh xâm hại và ứng dụng vào các tình huống cụ thể trong cuộc sống:

- Phân biệt bí mật “tốt” và bí mật “xấu”.
- Áp dụng quy tắc “Nói không – Rời khỏi – Chia sẻ”.
- Áp dụng quy tắc “Năm ngón tay”.

VẬN DỤNG

Hoạt động 8: Thiết kế sổ tay phòng, tránh xâm hại

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và rèn luyện một số kĩ năng phòng, tránh xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động cá nhân, yêu cầu HS chuẩn bị sẵn khoảng 10 tờ giấy tập hoặc 5 tờ giấy A4 để thiết kế sổ tay.

2. GV hướng dẫn HS dán giấy và kết thành sổ tay đơn giản để ghi chú. HS có thể trang trí sổ tay theo sở thích của mình.

3. GV nêu yêu cầu rõ hơn về nội dung của sổ tay: *Đây là “Sổ tay phòng, tránh xâm hại”, các em sẽ viết vào đó những cách nhận biết tình huống nguy hiểm, các số điện thoại hỗ trợ, cách ứng phó khi rơi vào tình huống có nguy cơ bị xâm hại mà em học được qua bài học này, hoặc theo kinh nghiệm em đã có.*

4. GV quy định thời gian hoàn thành sổ tay cho HS. Sau đó, mời 3 – 5 HS chia sẻ về sản phẩm của mình.

5. GV tuyên dương và ghi nhận sự nỗ lực hoàn thành “Sổ tay phòng, tránh xâm hại” của HS, dặn dò các em luôn mang quyển sổ tay này bên cạnh để nhắc nhở bản thân biết cách phòng, tránh xâm hại hiệu quả.

Hoạt động 9: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và rèn luyện cách thực hiện các kĩ năng phòng, tránh xâm hại.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ rèn luyện các kĩ năng phòng, tránh xâm hại cho HS theo yêu cầu: *Thực hiện một sản phẩm tuyên truyền về các kĩ năng phòng, tránh xâm hại trẻ em để củng cố, khắc sâu kiến thức.*

Lưu ý:

– Về thời hạn, GV có thể yêu cầu HS thực hiện trong 1 tuần và báo cáo sản phẩm trong buổi học tuần tiếp theo.

– Về hình thức sản phẩm, GV gợi ý cho HS có thể làm: video clip, tranh vẽ, clip sưu tầm, slide trình chiếu, bài thơ, bài hát,...

2. GV dặn dò HS về thực hiện nhiệm vụ học tập này, giải đáp thắc mắc của HS về hoạt động (nếu có).

3. GV động viên và nêu cách khen thưởng cho những HS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động 10: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học trong bài.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài, tập trung củng cố lại một số quy định của pháp luật về phòng, tránh xâm hại và cách thực hiện một số kĩ năng phòng, tránh xâm hại trẻ em.

2. GV tổ chức cho HS đọc và phát biểu cảm nhận về mấy câu ghi nhớ:

Cơ thể em – quý vô cùng

Phòng, tránh xâm hại, em đừng đắn đo:

Từ chối, rời bỏ, hô to,...

Tìm người tin cậy giúp cho an toàn.

3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau giờ học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV có thể sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con rèn luyện các kĩ năng phòng, tránh xâm hại để hình thành phản xạ biết cách tự bảo vệ bản thân khi rơi vào tình huống có nguy cơ xâm hại.

2. Cha mẹ quan sát cách con bày tỏ thái độ khi thực hiện, rèn luyện các kĩ năng phòng, tránh xâm hại và hướng dẫn con điều chỉnh, rèn luyện hiệu quả.

3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chủ đề: SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ

Bài 12: EM SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Bài học này góp phần hình thành và phát triển cho HS:

1. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Có ý thức sử dụng tiền một cách hợp lí.
- *Chăm chỉ*: Sử dụng tiền hợp lí, nhắc nhở bạn bè sử dụng tiền hợp lí.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí.
- *Giao tiếp và hợp tác*: Nhắc nhở bản thân, bạn bè sử dụng tiền hợp lí.

2.2. Năng lực đặc thù

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nêu được biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí; biết vì sao phải sử dụng tiền hợp lí; nêu được cách sử dụng tiền hợp lí; thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí; góp ý với bạn bè để sử dụng tiền hợp lí.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- *Tài liệu*: SGK, SGV, VBT.
- *Thiết bị dạy học*: Máy tính, máy chiếu, giấy A4 (giấy ghi chú hoặc giấy nháp), sơ đồ tư duy vẽ sẵn trên giấy khổ A1 hoặc A0.

2. Học sinh

- *Tài liệu*: SGK, VBT (nếu có).
- *Dụng cụ*: Bút viết, bảng con và phấn/bút lông viết bảng, bộ thẻ cảm xúc.

III. GỢI Ý HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Chia sẻ với bạn về việc ưu tiên mua đồ dùng mình cần hay mình thích

a. Mục tiêu: HS có hứng thú học tập, nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới, kết nối vào bài học *Em sử dụng tiền hợp lí*.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS chia sẻ với bạn về việc ưu tiên mua đồ dùng mình cần hay mình thích và giải thích lí do vì sao. GV nêu gợi ý để HS suy nghĩ và trả lời:

- Kể chi tiết về món đồ mình đã mua.
- Phân biệt đồ dùng mình cần và mình thích.
- Tại sao em ưu tiên mua đồ dùng đó?

2. GV tổ chức cho HS nhận xét lẫn nhau, GV nhận xét và tổng kết hoạt động để kết nối vào bài học.

Gợi ý: Em nên ưu tiên mua đồ dùng mình cần hơn đồ mình thích – đó là một trong những cách sử dụng tiền hợp lí.

KIẾN TẠO TRI THỨC MỚI

Hoạt động 2: Quan sát tranh và nêu biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí

a. Mục tiêu: HS nêu được biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, giao nhiệm vụ cho HS: quan sát các tranh trang 59 SGK và thảo luận để nêu biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí.

2. Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả thảo luận, mỗi nhóm báo cáo một tranh. Sau mỗi lượt báo cáo, các nhóm HS khác bổ sung ý kiến.

3. GV tạo điều kiện cho các nhóm nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả thi đua của các nhóm. GV nêu yêu cầu mở rộng để khai thác kinh nghiệm của HS: *Nêu thêm các biểu hiện của việc sử dụng tiền hợp lí.*

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

- Tranh 1: Ghi chép chi tiêu hằng ngày.
- Tranh 2: Tận dụng đồ dùng vẫn còn sử dụng được.
- Tranh 3: Tiết kiệm tiền.
- Tranh 4: Ưu tiên chỉ mua đồ dùng cần thiết.

Hoạt động 3: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: HS biết vì sao phải sử dụng tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS đọc câu chuyện *Niềm vui tiết kiệm tiền* ở trang 60 SGK. Sau đó mời HS trả lời các câu hỏi:

- Em nhận xét như thế nào về cách chi tiêu của Xô-crát?
- Xô-crát tiết kiệm tiền nhằm mục đích gì?
- Theo em, vì sao chúng ta phải sử dụng tiền hợp lí?

2. Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và cho HS nhận xét lẫn nhau.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và điều chỉnh, nhấn mạnh lại những quan điểm HS nêu chưa chính xác.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

– Xô-crát chỉ tiêu rất tiết kiệm trong cuộc sống hằng ngày, từ thức ăn đến quần áo mà không nghĩ đến hưởng thụ cho bản thân.

– Xô-crát tiết kiệm tiền để thực hiện lí tưởng lớn là xây một ngôi trường mang lại sự hiểu biết cho nhiều người.

– Sử dụng tiền hợp lí sẽ giúp ta làm chủ cuộc sống, chủ động tiền bạc để thực hiện những dự định trong tương lai.

Hoạt động 4: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nêu được cách sử dụng tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. Hoạt động này có thể tiến hành toàn lớp hoặc nhóm: GV tổ chức cho HS mô tả tranh và nêu tên các cách sử dụng tiền hợp lí trong tranh. Nếu tổ chức nhóm, GV có thể cho HS hoạt động theo nhóm đôi.

2. GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp.

Gợi ý: Công thức 3 túi tiền Chi tiêu – Tiết kiệm – Chia sẻ.

3. GV tạo điều kiện cho HS nhận xét lẫn nhau. GV đánh giá kết quả làm việc của HS.

4. GV chốt lại thông tin sau hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Gợi ý:

– Túi Chi tiêu để mua đồ dùng cần thiết hằng ngày chiếm 60% thu nhập.

– Túi Tiết kiệm để dành khi cần thiết hoặc sử dụng cho những dự định trong tương lai chiếm 30% thu nhập.

– Túi Chia sẻ để giúp đỡ mọi người xung quanh chiếm 10% thu nhập.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào sau đây? Vì sao?

a. Mục tiêu: Đồng tình với những hành vi sử dụng tiền hợp lí; không đồng tình với những hành vi sử dụng tiền không hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Với mỗi tình huống lần lượt được nêu, GV hướng dẫn HS giơ thẻ mặt cười (thể hiện đồng tình) hoặc mặt buồn (không đồng tình). GV có thể sử dụng hình thức khác tùy điều kiện lớp học.

2. Sau mỗi tình huống, GV đặt câu hỏi: *Vì sao em đồng tình/không đồng tình?* để tạo cơ hội cho HS giải thích và bày tỏ thái độ với từng tình huống. GV nhắc lại tình huống nhiều HS trả lời sai để điều chỉnh nhận thức và thái độ cho HS.

Gợi ý: Đồng tình với việc làm của Na; không đồng tình với việc làm của Bin và Cốm.

3. GV nhận xét, khen ngợi HS và bổ sung thêm tình huống thường gặp ở địa phương để giúp HS bày tỏ rõ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình. GV kết luận: *Các em cần biết nhắc nhở bản thân, người thân, bạn bè chi tiêu một cách tiết kiệm.*

Hoạt động 6: Nhận xét ý kiến

a. Mục tiêu: HS thực hiện được việc sử dụng tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV linh hoạt cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm. Ví dụ, có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi. GV yêu cầu mỗi nhóm đôi HS nhận xét các ý kiến về việc sử dụng tiền. Để tạo hứng thú, GV có thể mở đồng hồ đếm ngược để HS tập trung công nào.

4. GV mời đại diện 3 – 4 cặp HS phát biểu và nhận xét lẫn nhau. Để tạo bầu không khí sinh động cho lớp học, GV có thể cho thi đua 5 nhóm nộp kết quả thảo luận nhanh nhất lên bàn GV hoặc giơ tay nhanh để được GV thu sản phẩm (Nếu thực hiện hình thức này, GV yêu cầu HS ghi ý kiến vào giấy).

5. GV nhận xét và khen ngợi sự tích cực của HS.

Gợi ý: Đồng ý với các ý kiến sử dụng tiền hợp lí: "Sử dụng tiền hợp lí vì tiền là do công sức lao động vất vả làm ra; Sử dụng tiền hợp lí là cách góp phần giúp kinh tế đất nước phát triển; Sử dụng tiền hợp lí vì đây là hành động thể hiện tình yêu thương, trân trọng công sức lao động của người thân trong gia đình".

Hoạt động 7: Xử lí tình huống

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện việc sử dụng tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS chia nhóm, tổ chức thảo luận đưa ra lời khuyên trong các tình huống ở trang 62 – 63 SGK.

2. GV mời HS nêu tình huống trước lớp trước khi thảo luận.

** Tình huống 1:* Bố mẹ cho Bin 100 000 đồng để đi tham quan cùng lớp. Chuyến đi bắt đầu từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều nhưng mới đến 11 giờ trưa, Bin đã tiêu hết tiền. Bin không nhớ mình đã tiêu thế nào mà hết nhanh như vậy.

– *Em có đồng tình với cách sử dụng tiền của Bin không? Vì sao?*

– *Nếu là Bin, em sẽ chi tiêu như thế nào cho hợp lí?*

** Tình huống 2:* Mẹ bảo Cốm nên đưa số tiền để dành để mẹ giúp mở sổ tiết kiệm ở ngân hàng. Cốm phân vân với ý kiến của mẹ.

Nếu em là Cốm, em sẽ làm gì?

* *Tình huống 3:* Tin được mẹ cho tiền để mua đồ dùng học tập nhưng Tin lại dùng tiền đó để mua đồ chơi.

Nếu là Tin, em sẽ sử dụng tiền như thế nào? Vì sao?

* *Tình huống 4:* Tiền lì xì vào dịp Tết và tiền để dành, Na bỏ hết vào ống tiết kiệm. Vào năm học mới, Na đem số tiền này mua dụng cụ học tập. Em họ của Na sang chơi và xin bộ dụng cụ học tập cũ nhưng Na từ chối: “Không được! Bộ mới chị dùng, còn bộ này chị cất để dành”.

– *Việc làm của Na hợp lí và chưa hợp lí chỗ nào? Vì sao?*

– *Em sẽ khuyên Na điều gì?*

Trong quá trình HS thảo luận nhóm, GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

3. GV mời từng nhóm lên trình bày và các nhóm còn lại nhận xét.

4. GV nhận xét và khen ngợi HS. GV điều chỉnh và nhấn mạnh lại nguyên tắc sử dụng tiền hợp lí, nhắc nhở HS tuân thủ thường xuyên để trở thành thói quen.

Gợi ý:

* *Tình huống 1:* Không đồng tình với cách sử dụng tiền của Bin vì Bin không biết mình đã chi tiêu những gì trong ngày. Nếu là Bin, em sẽ ghi chép lại và chi tiêu trong ngày sao cho hợp lí.

* *Tình huống 2:* Cốm sẽ thống nhất với mẹ về mục tiêu và cách tiết kiệm tiền.

* *Tình huống 3:* Nếu là Tin, em sẽ sử dụng tiền chi tiêu đúng mục đích, cụ thể là đồ dùng học tập cần thiết hơn món đồ chơi mình thích.

* *Tình huống 4:* Na đã có ý thức tốt trong việc tiết kiệm và mua sắm đồ dùng học tập cần thiết. Tuy nhiên, Na nên chia sẻ nhiều hơn với những người xung quanh.

VẬN DỤNG

Hoạt động 8: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, thái độ và luyện tập việc sử dụng tiền hợp lí.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV giao nhiệm vụ rèn luyện việc tiết kiệm và ghi chép chi tiêu theo mẫu gợi ý trong trang 63 SGK.

2. Sau một vài tuần HS thực hiện, GV có thể tổ chức để HS so sánh số tiền em có với số tiền đã chi tiêu và cắt giảm những khoản không cần thiết.

3. GV khuyến khích HS chia sẻ cách sử dụng tiền hợp lí với thầy cô, bạn bè và người thân. GV thường xuyên nhắc nhở HS sử dụng tiền hợp lí.

4. GV nhận xét và khen ngợi tinh thần sử dụng tiền hợp lí của HS.

Hoạt động 9: Củng cố, dặn dò

a. Mục tiêu: HS ôn lại những điều đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể linh hoạt bằng nhiều hình thức, nếu còn thời gian có thể tổ chức trò chơi ôn tập cuối bài như *Trắc nghiệm nhanh*, *Ô chữ*, *Rung chuông vàng*,...; tập trung củng cố cách sử dụng tiền hợp lí.
2. GV tổ chức cho HS đọc và nêu ý nghĩa của câu tục ngữ: *Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm*.
3. GV tổ chức cho HS nêu suy nghĩ, cảm xúc sau bài học để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV có thể sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con sử dụng tiền hợp lí.
2. Cha mẹ làm gương để con quan sát, học hỏi theo trong việc sử dụng tiền hợp lí và quý trọng đồng tiền.
3. Gửi lại ý kiến nhận xét cho GV chủ nhiệm.

Chân trời sáng tạo



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 5 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 8. TIN HỌC 5
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 9. CÔNG NGHỆ 5
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 5
Sách giáo viên | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 5
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 5 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide | 11. ÂM NHẠC 5
Sách giáo viên |
| 5. ĐẠO ĐỨC 5
Sách giáo viên | 12. MĨ THUẬT 5 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 6. KHOA HỌC 5
Sách giáo viên | 13. MĨ THUẬT 5 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
Sách giáo viên | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 2)
Sách giáo viên |

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

ISBN 978-604-0-40343-8



9 786040 403438

Giá: 20.000đ